

Số: 27/QĐ-FTS

Hà Nội, ngày 21 tháng 09 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp

Ngành/nghe: Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG CẤP NGOẠI THƯƠNG

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp số 74/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ Quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 03 năm 2017 của Bộ Lao động TBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định, chỉnh sửa, bổ sung chương trình, giáo trình đào tạo trình độ Trung cấp, ngành/nghe: Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ Trung cấp ngành/nghe: Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp. Chương trình được áp dụng giảng dạy tại Trường Trung cấp Ngoại thương.

(Có chương trình đào tạo chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Đào tạo, các Phòng, Khoa và các đơn vị, cá nhân có liên quan của Nhà trường chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu: VT, ĐT.

HIỆU TRƯỞNG

ThS. Ngô Văn Cường

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 27/QĐ-FTS ngày 21 tháng 04 năm 2023

của Hiệu trưởng trường Trung cấp Ngoại thương)

Tên ngành/ nghề: **Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp**

Mã ngành: **5810402**

Trình độ đào tạo: **Trung cấp**

Hình thức đào tạo: **Chính quy**

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở hoặc tương đương;

Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển dựa trên kết quả học bạ THCS.

Thời gian đào tạo: (năm học)

- Thời gian đào tạo: 02 năm (20 tháng)

1. Mục tiêu đào tạo:

1.1. Mục tiêu chung

Sau khi kết thúc khóa học, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp trung cấp hệ chính quy – ngành Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp. Đồng thời, với những kiến thức đã được trang bị, học sinh có đủ điều kiện để tham gia các lớp học nâng cao trình độ để nhận những văn bằng, chứng chỉ bậc cao hơn và đạt chuẩn quốc tế về chăm sóc sắc đẹp.

1.2 Mục tiêu cụ thể

Sau khi học xong chương trình người học có khả năng:

a. Về kiến thức:

- Mô tả được vị trí, vai trò của nghề Chăm sóc sắc đẹp và đặc trưng của hoạt động Chăm sóc sắc đẹp;
- Mô tả được hoạt động của các nhiệm vụ trong dịch vụ làm đẹp, mối quan hệ giữa các dịch vụ làm đẹp trong các spa, salon;

- Trình bày được các quy trình kỹ thuật cơ bản của Chăm sóc sắc đẹp: Chăm sóc da, chăm sóc móng, trang điểm, chăm sóc khách hàng, chăm sóc chuyên sâu về da, quy trình massage bấm huyệt và các dịch vụ khác;

- Tiếp nhận, hiểu rõ các yêu cầu phản hồi của khách hàng về dịch vụ;

- Liệt kê được các loại trang thiết bị, dụng cụ, mỹ phẩm chủ yếu của các kỹ thuật trong cơ sở chăm sóc sắc đẹp và giải thích công dụng của chúng;

- Trình bày được các nguyên tắc bảo đảm an ninh, an toàn, giải thích được lý do phải tuân thủ các quy định về an ninh, an toàn trong Cơ sở làm đẹp để nhận diện được các nguy cơ và biện pháp phòng ngừa;

- Trình bày được các tiêu chuẩn 5S tại nơi làm việc;

- Mô tả quy trình vận hành kết nối mạng tại cơ sở làm việc;

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

b. Về kỹ năng:

- Phục vụ được khách hàng tại các vị trí công việc của các dịch vụ chăm sóc da;

- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc toàn thân;

- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc móng;

- Thực hiện các kỹ thuật trang điểm thẩm mỹ theo đúng tiêu chuẩn;

- Thực hiện các kỹ thuật chăm sóc chuyên sâu về da;

- Thực hiện các kỹ thuật Massage bấm huyệt;

- Sử dụng đúng, an toàn các loại trang thiết bị, mỹ phẩm của cơ sở làm đẹp;

- Xây dựng được các kế hoạch về tiếp thị dịch vụ;

- Thực hiện công việc hàng ngày và quản lý thời gian làm việc hiệu quả;

- Giải quyết được các yêu cầu và tình huống trong quá trình phục vụ khách;

- Ứng dụng thành thạo ít nhất một phần mềm quản lý cơ sở làm đẹp trong công việc hàng ngày.

- Sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; khai thác, xử lý, ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam, ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;

c. Về thái độ và đạo đức nghề nghiệp

- Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm;
- Có ý thức học tập, rèn luyện và nâng cao trình độ chuyên môn;
- Có ý thức trách nhiệm trong việc sử dụng, bảo quản tài sản trong cơ sở làm đẹp;
- Quan tâm, chăm sóc khách hàng với thái độ lịch sự, thân thiện;
- Tuân thủ các quy định về pháp luật trong kinh doanh dịch vụ làm đẹp;
- Tuân thủ các quy định về vệ sinh an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.

1.2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- Tiếp đón, chăm sóc khách hàng;
- Tư vấn chăm sóc sắc đẹp;
- Chăm sóc da mặt;
- Chăm sóc da toàn thân;
- Chăm sóc chuyên sâu về da;
- Chăm sóc móng;
- Trang điểm;
- Massage bấm huyệt.

2. Khối lượng kiến thức thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 19
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 53 tín chỉ, 1410 giờ
- Khối lượng các môn chung/ đại cương: 255 giờ

- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1155 giờ
- Khối lượng lý thuyết, kiểm tra: 357 giờ;
- Khối lượng thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1053 giờ.

3. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành, thực tập, thí ng nghiệm, bài tập, thảo luận	Thi, kiểm tra
I	Các môn học chung	12	255	94	148	13
MH01	Giáo dục chính trị	2	30	15	13	2
MH02	Pháp luật	1	15	9	5	1
MH03	Giáo dục thể chất	1	30	4	24	2
MH04	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	2	45	21	21	3
MH05	Tin học	2	45	15	29	1
MH06	Tiếng Anh	4	90	30	56	4
II.	Các môn học/mô đun chuyên môn	41	1155	180	905	70
II.1	Môn học cơ sở	10	225	75	140	10
MĐ07	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	28	2
MĐ08	Khoa học về mỹ phẩm	2	45	15	28	2
MĐ09	Mỹ thuật căn bản	2	45	15	28	2
MĐ10	Giải phẫu sinh lý	2	45	15	28	2
MĐ11	Phòng chống lây nhiễm bệnh qua đường máu và dịch sinh học.	2	45	15	28	2

II.2	Các môn học/mô đun chuyên ngành	26	780	90	640	50
MĐ12	Chăm sóc da cơ bản	4	90	20	60	10
MĐ13	Chăm sóc da nâng cao	3	75	10	55	10
MĐ14	Kỹ thuật vẽ móng cơ bản	5	150	20	120	10
MĐ15	Trang điểm thẩm mỹ	4	90	25	55	10
MĐ16	Kỹ thuật tạo mẫu tóc thời trang	5	150	15	125	10
MĐ17	Thực tập tốt nghiệp	5	225	0	225	0
II.3	Các môn học, mô đun tự chọn	5	150	15	125	10
MĐ18	Massage bấm huyệt trị liệu	5	150	15	125	10
MĐ19	Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu	5	150	15	125	10
Tổng cộng		53	1410	274	1053	83

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Các môn học chung bắt buộc: Do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/ngành tổ chức xây dựng và ban hành để áp dụng thực hiện.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian cho các hoạt động ngoại khóa:

- Để học sinh có nhận thức đầy đủ về nghề nghiệp đang theo học, Cơ sở giáo dục nghề nghiệp có thể bố trí cho học sinh tham quan, học tập, tham gia làm việc trực tiếp tại bộ phận bếp trong các nhà hàng, khách sạn, cơ quan, doanh nghiệp và các cơ sở kinh doanh ăn uống.
- Để giáo dục truyền thống, mở rộng nhận thức và văn hóa xã hội có thể bố trí cho học sinh tham quan một số di tích lịch sử, văn hóa, cách mạng, tham gia các hoạt động xã hội tại địa phương;
- Thời gian cho hoạt động ngoại khóa được bố trí ngoài thời gian đào tạo chính khóa vào thời điểm phù hợp:

Số TT	Nội dung	Thời gian
1	Thể dục, thể thao	5 giờ đến 6 giờ; 17 giờ đến 18 giờ hàng ngày
2	Văn hoá, văn nghệ: Qua các phương tiện thông tin đại chúng Sinh hoạt tập thể	Ngoài giờ học hàng ngày 19 giờ đến 21 giờ (một buổi/tuần)
3	Hoạt động thư viện Ngoài giờ học, học sinh có thể đến thư viện đọc sách và tham khảo tài liệu	Tất cả các ngày làm việc trong tuần
4	Vui chơi, giải trí và các hoạt động đoàn thể	Đoàn thanh niên tổ chức các buổi giao lưu, các buổi sinh hoạt vào các tối thứ bảy, chủ nhật
5	Đi thực tế	Theo thời gian bố trí của giáo viên và theo yêu cầu của môn học, mô đun

4.3. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun:

Thời gian tổ chức kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.4. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Học sinh phải đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun đào tạo trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp để được cấp bằng Trung cấp;

- Thi, xét công nhận tốt nghiệp theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

4.5. Các chú ý khác (nếu có):

Sau khi lựa chọn các môn học, môn học tự chọn, các khoa phối hợp với phòng đào tạo có thể sắp xếp lại thứ tự các môn học, môn học trong chương trình đào tạo để thuận lợi cho việc quản lý./.

 **HIỆU TRƯỞNG**

ThS. Ngô Văn Cường

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 24/2018/TT-BLĐTBXH, ngày 06 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục chính trị

Mã môn học: MH 01

Thời gian thực hiện môn học: 30 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thảo luận: 13 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục chính trị là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam; chú trọng về đạo đức công dân, đạo đức nghề nghiệp; góp phần giáo dục người lao động phát triển toàn diện, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số nội dung khái quát về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; yêu cầu và nội dung học tập, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Về kỹ năng

Vận dụng được các kiến thức chung được học về quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào việc học tập, rèn luyện, xây dựng đạo đức, lối sống để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt và tham gia xây dựng, bảo vệ Tổ quốc.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực vận dụng các nội dung đã học để rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống; thực hiện tốt quan điểm, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian

STT	Tên bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận	Kiểm tra
1	Bài mở đầu	1	1		
2	Bài 1: Khái quát về chủ nghĩa Mác - Lê nin	4	2	2	
3	Bài 2: Khái quát về tư tưởng Hồ Chí Minh	4	2	2	
4	Bài 3: Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng	5	2	3	
5	Bài 4: Phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam	7	4	3	
6	Bài 5: Tu dưỡng, rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt	7	4	3	
7	Kiểm tra	2			2
	Tổng cộng	30	15	13	02

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Phương pháp dạy học và đánh giá môn học

Bài 1:

KHÁI QUÁT VỀ CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, nội dung chính và giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin đối với sự phát triển của xã hội;

- Khẳng định được chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2. Các bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác - Lênin

2.2.1. Triết học Mác - Lênin

2.2.2. Kinh tế chính trị Mác - Lênin

2.2.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học

2.3. Vai trò nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin

Bài 2:

KHÁI QUÁT VỀ TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

1. Mục tiêu:

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được khái niệm, một số nội dung cơ bản, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh; sự cần thiết, nội dung học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh;

- Có nhận thức đúng đắn và bước đầu vận dụng tốt kiến thức đã học vào việc tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, phong cách cá nhân.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh

2.2. Nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh

2.3. Vai trò của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam

2.4. Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong giai đoạn hiện nay

2.4.1. Sự cần thiết phải học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

2.4.2. Nội dung chủ yếu của học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh

Bài 3:

NHỮNG THÀNH LỰU CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được quá trình ra đời và những thành tựu của cách mạng Việt Nam do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo;

- Khẳng định, tin tưởng và tự hào về sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng ở nước ta.

2. Nội dung

2.1. Sự ra đời và lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam đối với cách mạng Việt Nam

- 2.1.1. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam
- 2.1.2. Vai trò lãnh đạo của Đảng trong các giai đoạn cách mạng
- 2.2. Những thành tựu của cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng
- 2.2.1. Thắng lợi của đấu tranh giành và bảo vệ nền độc lập dân tộc
- 2.2.2. Thắng lợi của công cuộc đổi mới

Bài 4:

PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được một số quan điểm và giải pháp cơ bản xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay;
- Nhận thức được đường lối phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người của nước ta trong giai đoạn hiện nay là phù hợp và chủ động thực hiện đường lối đó.

2. Nội dung

- 2.1. Nội dung của chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay
- 2.2. Giải pháp phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, con người ở Việt Nam hiện nay
- 2.2.1. Nội dung phát triển kinh tế, xã hội
- 2.2.2. Nội dung phát triển văn hóa, con người

Bài 5:

TU DƯỠNG, RÈN LUYỆN ĐỂ TRỞ THÀNH NGƯỜI CÔNG DÂN TỐT, NGƯỜI LAO ĐỘNG TỐT

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày sơ lược được quan niệm, nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt;
- Tích cực học tập và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt.

2. Nội dung

- 2.1. Quan niệm về người công dân tốt, người lao động tốt
- 2.1.1. Người công dân tốt
- 2.1.2. Người lao động tốt
- 2.2. Nội dung tu dưỡng và rèn luyện để trở thành người công dân tốt, người lao động tốt

2.2.1. Phát huy truyền thống yêu nước, trung thành với sự nghiệp cách mạng của nhân dân Việt Nam

2.2.2. Phân đấu học tập nâng cao năng lực và rèn luyện phẩm chất cá nhân

IV. Điều kiện thực hiện môn học

- Phòng học, máy tính, máy chiếu và các thiết bị dạy học khác;
- Chương trình môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo, giáo án, phim ảnh, và các tài liệu liên quan;
- Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

- Thi, xét công nhận tốt nghiệp theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT- BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trình phổ thông.

VII. Một số hướng dẫn khác

Khuyến khích các trường trong danh sách trường nghề được ưu tiên đầu tư tập trung, đồng bộ theo tiêu chí trường nghề chất lượng theo Quyết định số 761/QĐ-TTg ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Đề án phát triển trường nghề chất lượng cao đến năm 2020" tổ chức thí điểm giảng dạy trực tuyến môn học này. Đối với các trường khác, chỉ tổ chức giảng dạy trực tuyến môn học sau khi có văn bản hướng dẫn của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Bí thư Trung ương Đảng (2014), Kết luận số 94-KL/TW, ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.
2. Ban Tuyên giáo Trung ương (2014), Hướng dẫn số 127-HD/BTGTW ngày 30/6/2014 của Ban Tuyên giáo Trung ương về việc triển khai thực hiện Kết luận số 94-KL/TW ngày 28/3/2014 của Ban Bí thư Trung ương Đảng “về tiếp tục đổi mới, học tập lý luận chính trị trong hệ thống giáo dục quốc dân”.

3. Ban Tuyên giáo Trung ương (2016), Những điểm mới trong văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia.
4. Ban Tuyên giáo Trung ương (2018), Sổ tay các văn bản hướng dẫn thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
5. Bộ Chính trị (2016), Chỉ thị số 05-CT/TW, ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.
6. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (2008), Quyết định số 03/2008/QĐ-BLĐTBXH, ngày 18/2/2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành chương trình môn học Chính trị dùng cho các trường trung cấp nghề, trường cao đẳng nghề.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT, ngày 18/9/2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình các môn lý luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho sinh viên khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh.
8. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2012), Thông tư số 11/2012/TT-BGDĐT, ngày 07/3/2012 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành chương trình môn học Giáo dục chính trị dùng trong đào tạo trình độ trung cấp chuyên nghiệp.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017), Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
11. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2017), Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia sự thật, Hà Nội.
14. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về quản lý nhà nước, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
15. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
16. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Đường lối chính sách của Đảng, Nhà nước Việt Nam về các lĩnh vực của đời sống xã hội, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.

17. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Nghiệp vụ công tác đảng ở cơ sở, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội.
18. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh (2017), Giáo trình Trung cấp Lý luận - Hành chính: Những vấn đề cơ bản về Đảng Cộng sản và lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà xuất bản Lý luận chính trị, Hà Nội;
19. Hội đồng Lý luận Trung ương (2017), Phê phán các quan điểm sai trái, bảo vệ nền tảng tư tưởng, cương lĩnh, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam, nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật.
20. Quốc hội (2013), Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
- Các tài liệu liên quan khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 13/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

Tên môn học: Pháp luật

Mã môn học: MH 02

Thời gian thực hiện môn học: 15 giờ (lý thuyết: 9 giờ; thảo luận, bài tập: 5 giờ; kiểm tra: 1 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Pháp luật là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung về nhà nước và pháp luật; giúp người học có nhận thức đúng và thực hiện tốt các quy định của pháp luật.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và hệ thống pháp luật của Việt Nam;

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được cấu trúc, chức năng của các cơ quan trong bộ máy nhà nước và các tổ chức chính trị, chính trị - xã hội ở Việt Nam; các thành tố của hệ thống pháp luật và các loại văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam;

- Phân biệt được khái niệm, đối tượng, phương pháp điều chỉnh và vận dụng được các kiến thức được học về pháp luật lao động; phòng, chống tham nhũng; bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng vào việc xử lý các vấn đề liên quan trong các hoạt động hàng ngày.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Tôn trọng, sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; tự chủ được các hành vi của mình trong các mối quan hệ liên quan đến các nội dung đã được học, phù hợp với quy định của pháp luật và các quy tắc ứng xử chung của cộng đồng và của xã hội.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Tên chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thảo luận/ bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Một số vấn đề chung về nhà nước và pháp luật	2	1	1	
2	Bài 2: Hiến pháp	2	1	1	
3	Bài 3: Pháp luật lao động	6	4	2	
4	Bài 4: Pháp luật phòng, chống tham nhũng	2	1	1	
5	Bài 5: Pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	2	0	
6	Kiểm tra	1			1
	Cộng	15	9	5	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NHÀ NƯỚC VÀ PHÁP LUẬT

1. Mục tiêu

- Nhận biết được bản chất, chức năng, nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan trong bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận biết được các thành tố của hệ thống pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật Việt Nam.

2. Nội dung

2.1. Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.1. Bản chất, chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.1.2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2.1.3. Bộ máy Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

2.2. Hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.1. Các thành tố của hệ thống pháp luật

2.2.1.1. Quy phạm pháp luật

2.2.1.2. Chế định pháp luật

2.2.1.3. Ngành luật

2.2.2. Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2.3. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.1. Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật

2.2.3.2. Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam hiện nay

Bài 2:

HIẾN PHÁP

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm, vị trí của hiến pháp và một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Nhận thức được trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân trong việc thi hành và bảo vệ Hiến pháp.

2. Nội dung

2.1. Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.1.1. Khái niệm hiến pháp

2.1.2. Vị trí của hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam

2.2. Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013

2.2.1. Chế độ chính trị

2.2.2. Quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân

2.2.3. Kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường

Bài 3:

PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về Luật lao động.
- Nhận biết được quyền, nghĩa vụ của người lao động, người sử dụng lao động và một số vấn đề cơ bản khác trong pháp luật lao động.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của Luật lao động

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của Luật lao động

2.3. Một số nội dung của Bộ luật lao động

2.3.1. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

2.3.2. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

2.3.3. Hợp đồng lao động

2.3.4. Tiền lương

2.3.5. Bảo hiểm xã hội

2.3.6. Thời gian làm việc, thời gian nghỉ ngơi

2.3.7. Kỷ luật lao động

2.3.8. Tranh chấp lao động

2.3.9. Công đoàn

Bài 4:

PHÁP LUẬT PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về phòng, chống tham nhũng và các điểm chính của Luật Phòng, chống tham nhũng;
- Nhận thức đúng quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của công dân trong công tác phòng, chống tham nhũng.

2. Nội dung

- 2.1. Khái niệm tham nhũng
- 2.2. Nguyên nhân, hậu quả của tham nhũng
- 2.3. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng
- 2.4. Trách nhiệm của công dân trong việc phòng, chống tham nhũng
- 2.5. Giới thiệu Luật Phòng, chống tham nhũng

Bài 5:

PHÁP LUẬT BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng;
- Nhận thức được trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

2. Nội dung

- 2.1. Quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng
- 2.2. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân đối với người tiêu dùng và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng: Phòng học.
2. Trang thiết bị máy móc: Máy tính, máy chiếu Projector.
3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu: Phim, tranh ảnh minh họa các tình huống pháp luật, tài liệu phát tay cho học sinh, tài liệu tham khảo.
4. Các điều kiện khác:

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

- Thi, xét công nhận tốt nghiệp theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT- BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH.

Tài liệu tham khảo

1. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
2. Bộ Luật lao động, 2012.
3. Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, 2010.
4. Luật Phòng, chống tham nhũng, 2005.
5. Quyết định số 1309/QĐ-TTg ngày 05/9/2017 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân.
6. Quyết định số 1997/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển các hoạt động bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng giai đoạn 2016 – 2020.
7. Chỉ thị số 10/CT- TTg ngày 12/06/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc đưa nội dung phòng, chống tham nhũng vào giảng dạy tại các cơ sở giáo dục, đào tạo từ năm học 2013-2014.
8. Thông tư số 08/2014/TT-BLĐTĐBXH ngày 22/04/2014 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành chương trình, giáo trình môn học Pháp luật dùng trong đào tạo trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề.
9. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Pháp luật đại cương, Nhà Xuất bản Đại học Sư phạm, 2017.
10. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật (Phê duyệt kèm theo Quyết định số 3468/QĐ-BGDĐT ngày 06 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, năm 2014).
11. Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật: Giáo trình Luật Lao động, năm 2016.
12. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và Pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2018.
13. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2017.
14. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Luật Lao động Việt Nam, Nhà Xuất bản Công an nhân dân, năm 2018.
15. Trường Đại học Luật Hà Nội: Giáo trình Xây dựng văn bản pháp luật, Nhà Xuất bản Tư pháp, năm 2016.
16. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, năm 2017.
17. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Pháp luật về hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, năm 2017./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Giáo dục thể chất

Mã môn học: MH 03

Thời gian thực hiện: 30 giờ (lý thuyết: 04 giờ; thực hành: 24 giờ; kiểm tra: 02 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục thể chất là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về thể dục, thể thao; giúp người học tập luyện để nâng cao sức khỏe, phát triển thể lực, tầm vóc, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được:

1. Về kiến thức

Trình bày được tác dụng, các kỹ thuật chính và một số quy định của luật môn thể dục thể thao được học để rèn luyện sức khỏe, phát triển thể lực chung.

2. Về kỹ năng

Tự tập luyện, rèn luyện đúng các yêu cầu về kỹ thuật, quy định của môn thể dục thể thao được học.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có ý thức tự giác và hình thành thói quen tập luyện thể dục thể thao hàng ngày để góp phần bảo đảm sức khỏe trong học tập, lao động và trong các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
I	BÀI MỞ ĐẦU				
II	Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG				
1	Bài 1: Thể dục cơ bản	7	1	6	
2	Bài 2: Điền kinh	7	1	6	
3	Kiểm tra giáo dục thể chất chung	1			1

III	Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN (chọn 1 trong các chuyên đề sau)	15	2	12	1
1	Chuyên đề 1: Môn bơi lội	15	2	12	1
2	Chuyên đề 2: Môn cầu lông	15	2	12	1
3	Chuyên đề 3: Môn bóng chuyền	15	2	12	1
4	Chuyên đề 4: Môn bóng rổ	15	2	12	1
5	Chuyên đề 5: Môn bóng đá	15	2	12	1
6	Chuyên đề 6: Môn bóng bàn	15	2	12	1
7	Chuyên đề 7: Môn thể dục thể thao khác	15	2	12	1
	Cộng	30	4	24	2

2. Nội dung chi tiết

BÀI MỞ ĐẦU

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, phương pháp dạy học và đánh giá môn học.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất môn học

2.2. Mục tiêu của môn học

2.3. Nội dung chính

2.4. Tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập

Chương I: GIÁO DỤC THỂ CHẤT CHUNG

Bài 1: THỂ DỤC CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản đối với bài thể dục tay không liên hoàn;
- Thực hiện được đúng động tác kỹ thuật của bài thể dục tay không liên hoàn.

2. Nội dung

2.1. Giới thiệu về thể dục cơ bản

2.2. Thể dục tay không liên hoàn

2.2.1. Tác dụng của thể dục tay không liên hoàn

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

Bài 2: ĐIỀN KINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật cơ bản và một số nội dung trong Luật Điền kinh như: Chạy cự ly ngắn, chạy cự ly trung bình;
- Thực hiện đúng động tác kỹ thuật và bảo đảm các yêu cầu khác của môn điền kinh được học.

2. Nội dung

2.1. Chạy cự ly ngắn

2.1.1. Tác dụng của chạy cự ly ngắn

2.1.2. Các động tác kỹ thuật

2.1.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly ngắn

2.2. Chạy cự ly trung bình

2.2.1. Tác dụng của chạy cự ly trung bình

2.2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.3. Một số quy định trong Luật Điền kinh về chạy cự ly trung bình

Chương II: CHUYÊN ĐỀ THỂ DỤC THỂ THAO TỰ CHỌN

(Chọn 1 trong các chuyên đề sau)

Chuyên đề 1: MÔN BƠI LỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật bơi;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bơi lội.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bơi lội

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Làm quen với nước, phương pháp thở nước và thả nổi

2.2.2. Động tác chân và tay

2.2.3. Phối hợp tay - chân

2.2.4. Phối hợp tay - chân - thở

2.3. Một số quy định của Luật bơi

Chuyên đề 2: MÔN CẦU LÔNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Cầu lông;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Cầu lông.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Cầu lông

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản và cách cầm vợt

2.2.2. Các bước di chuyển (phải trái, trước, sau, chéo), bước đơn, kép, đệm

2.2.3. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái cao tay

2.2.4. Kỹ thuật đánh cầu phải, trái thấp tay

2.2.5. Kỹ thuật đánh cầu sát lưới và bỏ nhỏ

2.2.6. Kỹ thuật phát cầu (thấp gần, cao sâu)

2.3. Một số quy định của Luật Cầu lông

Chuyên đề 3: MÔN BÓNG CHUYỀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng chuyền;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng chuyền.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng chuyền

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Tư thế cơ bản, các bước di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật chuyền bóng cao tay cơ bản (chuyền bước 2)

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng thấp tay cơ bản (chuyền bước 1)

2.2.4. Kỹ thuật phát bóng thấp tay trước mặt

2.2.5. Kỹ thuật phát bóng cao tay trước mặt

2.3. Một số quy định của Luật Bóng chuyền

Chuyên đề 4: MÔN BÓNG RỔ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng rổ;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng rổ.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng rổ

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm bóng và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật chuyền bóng và bắt bóng hai tay trước ngực

2.2.4. Kỹ thuật ném rổ bằng một tay trên vai

2.2.5. Kỹ thuật hai bước ném rổ

2.3. Một số quy định của Luật Bóng rổ

Chuyên đề 5: MÔN BÓNG ĐÁ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng đá;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng đá.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng đá

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Kỹ thuật di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật dẫn bóng

2.2.3. Kỹ thuật giữ/ không chế bóng

2.2.4. Kỹ thuật đá bóng bằng lòng bàn chân

2.2.5. Kỹ thuật đá biên hoặc ném biên

2.3. Một số quy định của Luật Bóng đá

Chuyên đề 6: MÔN BÓNG BÀN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong chuyên đề này, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, kỹ thuật chính và một số quy định trong Luật Bóng bàn;
- Thực hiện đúng một số động tác kỹ thuật của môn Bóng bàn.

2. Nội dung

2.1. Tác dụng của môn Bóng bàn

2.2. Các động tác kỹ thuật

2.2.1. Cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị và di chuyển

2.2.2. Kỹ thuật giao bóng, đỡ giao bóng thuận tay và trái tay

2.2.3. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay và trái tay

2.2.4. Kỹ thuật gò bóng thuận và trái tay

2.3. Một số quy định của Luật Bóng bàn

Chuyên đề 7: MÔN THỂ DỤC THỂ THAO KHÁC

Căn cứ vào điều kiện thực tế và nhu cầu của người học, Hiệu trưởng nhà trường có thể xem xét, quyết định xây dựng và thực hiện các chuyên đề thể dục thể thao tự chọn khác như: Võ thuật, đẩy tạ, tennis, đá cầu...bảo đảm yêu cầu về mục tiêu, nội dung và thời lượng của chuyên đề thể dục thể thao.

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Điều kiện chung: Nhà tập luyện/ thi đấu đa năng; video/clip, tranh ảnh, máy chiếu, loa, đài, còi, cờ lệnh, đồng hồ bấm giờ; bàn, ghế; quần áo tập luyện, dụng cụ y tế.

2. Trang thiết bị

2.1. Đối với giáo dục thể chất chung

- Thể dục cơ bản: Sân tập, còi, tranh động tác, thảm tập; dụng cụ tập như gậy, bóng, hoa; nhạc tập và các thiết bị khác.

- Điền kinh:

Chạy cự ly ngắn và trung bình: Sân chạy, dụng cụ phát lệnh, bàn đạp xuất phát và các thiết bị khác;

2.2. Đối với chuyên đề thể dục thể thao tự chọn:

- Môn bơi lội: Hồ bơi, phao bơi, nón bơi, kính bơi và các thiết bị khác;

- Môn cầu lông: Sân cầu lông, bộ trụ; lưới, vợt, quả cầu lông, bảng lật tỷ số và các và các thiết bị khác;

- Môn bóng chuyền: Sân bóng chuyền; trụ, lưới, bóng chuyền; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng rổ: Sân bóng rổ, trụ bóng rổ; bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng đá: Sân bóng đá, khung thành, bóng đá, thẻ phạt, bảng lật tỷ số, sa bàn chiến thuật và các thiết bị khác;

- Môn bóng bàn: Phòng tập; bàn, vợt, bóng, bảng lật tỷ số và các thiết bị khác.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đầu tư phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

- Thi, xét công nhận tốt nghiệp theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT- BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 32/01/2015 của Chính phủ Quy định về Giáo dục thể chất và hoạt động thể thao trong nhà trường.

2. Quyết định số 1076/QĐ-TTg ngày 17/6/2016 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt đề án tổng thể phát triển giáo dục thể chất và thể thao trường học giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

3. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Cầu lông, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2000.
4. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
5. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Thể dục, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2009.
6. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà xuất bản Thể dục thể thao, năm 2006.
7. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Điền kinh (sách giáo khoa), năm 2006.
8. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bóng đá, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2007.
9. Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh: Giáo trình Bơi thể thao, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
10. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
11. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng rổ, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
12. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng đá, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2017.
13. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bơi lội (tập 1, tập 2), Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2016.
14. Trường Đại học Thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, năm 2014.
15. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao TP. Hồ Chí Minh: Giáo trình Điền kinh, năm 2016.
16. Trường Đại học Sư phạm thể dục thể thao Thành phố Hồ Chí Minh: Giáo trình Bóng chuyền, Nhà Xuất bản Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh, năm 2014.
17. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình thể dục (tập 1, tập 2) Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
18. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình điền kinh, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2014.
19. Trường Đại học Thể dục thể thao Đà Nẵng: Giáo trình bóng bàn, Nhà Xuất bản Thể dục thể thao, năm 2015.
20. Luật các môn thể thao và các tài liệu tham khảo khác./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 10 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

Tên môn học: Giáo dục quốc phòng và an ninh

Mã môn học: MH 04

Thời gian thực hiện: 45 giờ (lý thuyết: 21 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 21 giờ;
kiểm tra: 03 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh là môn học điều kiện, bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm những nội dung cơ bản về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; lực lượng vũ trang nhân dân; có kiến thức cơ bản về phòng thủ dân sự, rèn luyện kỹ năng quân sự, sẵn sàng tham gia bảo vệ Tổ quốc.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong môn học, người học đạt được:

1. Về kiến thức

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam;
- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội; tác dụng, tính năng, cấu tạo và cách thức sử dụng của một số loại vũ khí bộ binh thông thường; kỹ thuật cấp cứu chuyển thương.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay;
- Nhận biết được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia;
- Xác định được một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo; phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị; kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh; cấp cứu chuyển thương.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Luôn có tinh thần cảnh giác cao trước những âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch; chấp hành tốt mọi đường lối chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác quốc phòng và an ninh;
- Rèn luyện bản lĩnh chính trị, đạo đức, hình thành lối sống có kỷ luật, có ý thức tự giác và tác phong nhanh nhẹn trong các hoạt động;
- Sẵn sàng tham gia xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, các hoạt động xã hội góp phần xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

TT	Chương/ bài	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra
1	Bài 1: Nhập môn Giáo dục quốc phòng và an ninh	2	2		
2	Bài 2: Phòng chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam	4	3	1	
3	Bài 3: Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên	4	3	1	
4	Bài 4: Xây dựng và bảo vệ chủ	4	3	1	

	quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia				
5	Bài 5: Một số vấn đề cơ bản về dân tộc và tôn giáo	4	3	1	
6	Bài 6: Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội	4	3	1	
7	Kiểm tra	1			1
8	Bài 7: Đội ngũ đơn vị	4	1	3	
9	Bài 8: Giới thiệu và hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh	10	2	8	
10	Bài 9: Kỹ thuật cấp cứu và chuyển thương	6	1	5	
11	Kiểm tra	2			2
	CỘNG	45	21	21	3

2. Nội dung chi tiết

Bài 1:

NHẬP MÔN GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được vị trí, tính chất, mục tiêu, nội dung chính, điều kiện thực hiện, yêu cầu về kiểm tra đánh giá môn học; các yêu cầu tối thiểu về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh;
- Nâng cao ý thức, trách nhiệm của người học trong học tập môn học, nhận thức được tầm quan trọng của công tác quốc phòng và an ninh, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Nội dung

2.1. Vị trí, tính chất, mục tiêu của môn học

2.2. Các nội dung chính

2.3. Một số yêu cầu cơ bản về lễ tiết tác phong quân nhân cho người học

2.4. Điều kiện thực hiện môn học

2.5. Tổ chức dạy, học và đánh giá kết quả học tập

Bài 2:

PHÒNG CHỐNG CHIẾN LƯỢC “DIỄN BIẾN HÒA BÌNH”, BẠO LOẠN LẬT ĐỔ CỦA CÁC THỂ LỰC THÙ ĐỊCH ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về chiến lược “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch đối với các nước xã hội chủ nghĩa và Việt Nam;
- Nhận biết được một số biểu hiện, hoạt động về “Diễn biến hoà bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch đối với Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội

2.1.1. Khái niệm chiến lược "Diễn biến hòa bình"

2.1.2. Khái niệm bạo loạn lật đổ

2.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch đối với Việt Nam

2.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược "Diễn biến hòa bình" đối với Việt Nam

2.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thể lực thù địch chống phá Việt Nam

2.3. Quan điểm và phương châm của Đảng, Nhà nước về phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ

2.3.1. Quan điểm chỉ đạo

2.3.2. Phương châm tiến hành

2.4. Những giải pháp phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ ở Việt Nam hiện nay

- 2.4.1. Nâng cao nhận thức về âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, nắm chắc mọi diễn biến không để bị động và bất ngờ
- 2.4.2. Đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, tiêu cực trong xã hội, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trên các lĩnh vực, chống nguy cơ tụt hậu về kinh tế
- 2.4.3. Xây dựng ý thức bảo vệ Tổ quốc cho toàn dân
- 2.4.4. Xây dựng cơ sở chính trị - xã hội vững mạnh về mọi mặt
- 2.4.5. Chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang ở địa phương vững mạnh
- 2.4.6. Xây dựng, luyện tập các phương án, các tình huống chống "Diễn biến hoà bình", bạo loạn lật đổ của địch
- 2.4.7. Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và chăm lo nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân lao động
- 2.5. Thảo luận

Bài 3:

XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG DÂN QUÂN TỰ VỆ, LỰC LƯỢNG DỰ BỊ ĐỘNG VIÊN

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc tham gia xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên.

2. Nội dung

2.1. Xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.1. Khái niệm, vị trí vai trò và nhiệm vụ của lực lượng dân quân tự vệ

2.1.2. Nội dung xây dựng lực lượng dân quân tự vệ

2.1.3. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dân quân tự vệ trong giai đoạn hiện nay

2.2. Xây dựng lực lượng dự bị động viên

- 2.2.1. Khái niệm, vị trí, vai trò xây dựng lực lượng dự bị động viên
- 2.2.2. Những quan điểm, nguyên tắc xây dựng lực lượng dự bị động viên
- 2.2.3. Nội dung xây dựng lực lượng dự bị động viên
- 2.2.4. Một số biện pháp xây dựng lực lượng dự bị động viên trong giai đoạn hiện nay
- 2.3. Thảo luận

Bài 4:

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN LÃNH THỔ, BIÊN GIỚI QUỐC GIA

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những kiến thức cơ bản về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia, quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia;
- Phân biệt được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia.

2. Nội dung

- 2.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia
 - 2.1.1. Chủ quyền lãnh thổ quốc gia
 - 2.1.2. Chủ quyền biên giới quốc gia
- 2.2. Quan điểm của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.3. Một số giải pháp cơ bản của Đảng, Nhà nước về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.4. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong việc bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biển đảo và biên giới quốc gia
- 2.5. Thảo luận

Bài 5:

MỘT SỐ VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ DÂN TỘC VÀ TÔN GIÁO

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung chính về dân tộc, tôn giáo; vấn đề dân tộc, tôn giáo theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước hiện nay;
- Xác định rõ quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc

2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc

2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam

2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo

2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo

2.2.2. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam

2.3. Quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc, tôn giáo ở Việt Nam

2.3.1. Quan điểm, chính sách về dân tộc của Đảng và Nhà nước

2.3.2. Quan điểm, chính sách về tôn giáo của Đảng và Nhà nước

2.3.3. Một số giải pháp nâng cao nhận thức xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc

2.4. Thảo luận

Bài 6:

NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ PHÒNG CHỐNG TỘI PHẠM VÀ TỆ NẠN XÃ HỘI

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được những nội dung cơ bản về công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội;

- Xác định được trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong công tác phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội hiện nay.

2. Nội dung

2.1. Những vấn đề cơ bản về phòng chống tội phạm

2.1.1. Khái niệm tội phạm và phòng chống tội phạm

2.1.2. Nội dung nhiệm vụ hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.3. Chủ thể và nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm

2.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường

2.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội

2.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội

2.2.3. Trách nhiệm của tổ chức và cá nhân trong phòng chống tệ nạn xã hội

2.3. Thảo luận

Bài 7:

ĐỘI NGŨ ĐƠN VỊ

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội;
- Thực hiện đúng các động tác trong đội ngũ đơn vị cấp tiểu đội, trung đội.

2. Nội dung

2.1. Đội hình tiểu đội

2.1.1. Đội hình tiểu đội một hàng ngang

2.1.2. Đội hình tiểu đội hai hàng ngang

2.1.3. Đội hình tiểu đội một hàng dọc

- 2.1.4. Đội hình tiểu đội hai hàng dọc
- 2.2. Đội hình trung đội
 - 2.2.1. Đội hình trung đội một hàng ngang
 - 2.2.2. Đội hình trung đội hai hàng ngang
 - 2.2.3. Đội hình trung đội ba hàng ngang
 - 2.2.4. Đội hình trung đội một hàng dọc
 - 2.2.5. Đội hình trung đội hai hàng dọc
 - 2.2.6. Đội hình trung đội ba hàng dọc
- 2.3. Đổi hướng đội hình
 - 2.3.1. Đổi hướng đội hình khi đứng tại chỗ
 - 2.3.2. Đổi hướng đội hình trong khi đi
- 2.4. Thực hành

Bài 8:

GIỚI THIỆU VÀ HƯỚNG DẪN KỸ THUẬT SỬ DỤNG MỘT SỐ LOẠI VŨ KHÍ BỘ BINH

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được tác dụng, tính năng chiến đấu, cấu tạo, chuyển động của một số loại vũ khí bộ binh;
- Thực hiện đúng động tác tháo lắp súng bộ binh và kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh;
- Có ý thức giữ gìn, bảo quản và sử dụng vũ khí bộ binh trong tập luyện và chiến đấu.

2. Nội dung

- 2.1. Giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh
 - 2.1.1. Súng trường CKC
 - 2.1.2. Súng tiểu liên AK

2.2. Hướng dẫn kỹ thuật sử dụng một số loại vũ khí bộ binh

2.2.1. Kỹ thuật tháo và lắp súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.2.2. Kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK và súng trường CKC

2.3. Thực hành

Bài 9:

KỸ THUẬT CẤP CỨU VÀ CHUYỂN THƯƠNG

1. Mục tiêu

Sau khi học xong bài học, người học đạt được:

- Trình bày được một số nội dung cơ bản về kỹ thuật cấp cứu, chuyển thương;
- Thực hiện đúng các bước cấp cứu, chuyển thương.

2. Nội dung

2.1. Cầm máu tạm thời

2.1.1. Mục đích

2.1.2. Nguyên tắc cầm máu tạm thời

2.1.3. Phân biệt các loại chảy máu

2.1.4. Các biện pháp cầm máu tạm thời

2.2. Cố định tạm thời xương gãy

2.2.1. Mục đích

2.2.2. Nguyên tắc cố định tạm thời xương gãy

2.2.3. Kỹ thuật cố định tạm thời xương gãy

2.3. Hô hấp nhân tạo

2.3.1. Nguyên nhân gây ngạt thở

2.3.2. Kỹ thuật cấp cứu ban đầu

2.3.3. Tiến triển của việc cấp cứu ngạt thở

2.4. Kỹ thuật chuyển thương

2.4.1. Mang vác bằng tay

2.4.2. Chuyển nạn nhân bằng cáng

2.5. Thực hành

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Địa điểm học tập

Phòng học, thao trường, bãi tập và các địa điểm khác đáp ứng điều kiện thực hiện môn học.

2. Trang thiết bị

2.1. Tài liệu:

Giáo trình Giáo dục quốc phòng và an ninh bậc trung cấp và các tài liệu tham khảo khác do Hiệu trưởng nhà trường quyết định theo quy định của pháp luật.

2.2. Tranh, phim ảnh:

- Sơ đồ tổ chức Quân đội và Công an;
- Kỹ thuật băng bó cấp cứu, chuyển thương;
- Súng tiểu liên AK, súng trường CKC;
- Các tư thế, động tác bắn súng AK, CKC;
- Phim ảnh về giáo dục quốc phòng và an ninh.

2.3. Mô hình vũ khí:

- Mô hình súng AK-47, CKC;
- Mô hình súng tiểu liên AK-47, CKC luyện tập.

2.4. Máy bắn tập:

- Máy bắn MBT-03;
- Thiết bị tạo tiếng nổ và lực giật cho máy bắn tập MBT-03 TNAK-12;
- Thiết bị theo dõi đường ngắm RDS-07.

2.5. Thiết bị khác:

- Bao đạn;
- Bộ bia (khung + mặt bia số 4);

- Giá đặt bia đa năng;
- Kính kiểm tra đường ngắm;
- Đồng tiền di động;
- Mô hình đường đạn trong không khí;
- Hộp dụng cụ huấn luyện;
- Thiết bị tạo tiếng súng và tiếng nổ giả;
- Dụng cụ băng bó cứu thương;
- Cáng cứu thương;
- Giá súng và bàn thao tác;
- Tủ đựng súng và thiết bị.

2.6. Trang phục:

- Trang phục giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục mùa hè;
- + Trang phục dã chiến;
- + Mũ Kêpi;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Thắt lưng;
- + Giày da;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ Kêpi giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền cấp hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Nền phù hiệu giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Biền tên;

- + Ca vát.
- Trang phục học sinh giáo dục quốc phòng và an ninh
- + Trang phục hè;
- + Mũ cứng;
- + Mũ mềm;
- + Giày vải;
- + Tất sợi;
- + Sao mũ cứng giáo dục quốc phòng và an ninh;
- + Thắt lưng;
- + Sao mũ mềm giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy nội dung lý thuyết theo hình thức trực tuyến.

Tài liệu tham khảo:

1. Chỉ thị 12-CT/TW ngày 03/05/2007 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.
2. Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Văn phòng Trung ương Đảng, Hà Nội, 2016.
3. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, 2013.
4. Luật Biên giới quốc gia, 2004.
5. Luật nghĩa vụ quân sự, 2015.
6. Luật an ninh quốc gia, 2004.
7. Bộ luật hình sự, 2015.
8. Luật phòng chống tham nhũng, 2005; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
9. Luật tín ngưỡng, tôn giáo, 2016.

10. Luật Quốc phòng, 2006; sửa đổi, bổ sung năm 2018.
11. Luật giáo dục quốc phòng và an ninh, 2013.
12. Luật biển Việt Nam, 2012.
13. Luật Dân quân tự vệ, 2009.
14. Luật phòng, chống ma túy, 2000, sửa đổi, bổ sung năm 2009.
15. Pháp lệnh số 10/2003/PL-UBTVQH11 ngày 17/03/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về phòng, chống mại dâm.
16. Nghị định số 116/2006/NĐ-CP ngày 06/10/2006 của Chính phủ về động viên quốc phòng.
17. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
18. Nghị định số 25/2014/NĐ-CP ngày 07/04/2014 quy định về phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật khác có sử dụng công nghệ cao.
19. Nghị định số 13/2014/NĐ-CP ngày 25/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết về biện pháp thi hành Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.
20. Nghị định số 71/2018/NĐ-CP ngày 15/05/2018 quy định chi tiết một số điều của luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ về vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất thuốc nổ.
21. Thông tư số 01/2018/TT-BGDĐT ngày 26/01/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (có cấp trung học phổ thông), trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.
22. Thông tư số 02/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung học phổ thông.
23. Thông tư số 03/2017/TT-BGDĐT ngày 13/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.

24. Bộ Giáo dục và Đào tạo: Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1, tập 2 dùng cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng, Nhà xuất bản Giáo dục 2007.
25. Học viện chính trị: Phòng, chống "diễn biến hòa bình" ở Việt Nam - những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, 2009.
26. Giáo trình Giáo dục an ninh - trật tự, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam 2012.
27. Điều lệnh quản lý bộ đội, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, 2011.
28. Sách dạy bắn súng tiểu liên AK, Cục quân huấn, BTTM, năm 1997./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 11 /2018/TT-BLĐTBXH ngày 26 tháng 9 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội)*

Tên môn học: Tin học

Mã môn học: MH 05

Thời gian thực hiện: 45 giờ (lý thuyết: 15 giờ; thực hành, thảo luận, bài tập: 29 giờ; kiểm tra: 1 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí

Môn học Tin học là môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trung cấp.

2. Tính chất

Chương trình môn học bao gồm một số nội dung cơ bản về máy tính, công nghệ thông tin, cũng như việc sử dụng máy tính trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp sau này.

II. Mục tiêu của môn học

Sau khi học xong môn học này, người học đạt được một số nội dung trong Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông, cụ thể:

1. Về kiến thức

Trình bày được một số kiến thức về công nghệ thông tin cơ bản, sử dụng máy tính, xử lý văn bản; sử dụng bảng tính, trình chiếu, Internet.

2. Về kỹ năng

- Nhận biết được các thiết bị cơ bản của máy tính, phân loại phần mềm;
- Sử dụng được hệ điều hành Windows để tổ chức, quản lý thư mục, tập tin trên máy tính và sử dụng máy in;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu;
- Sử dụng được phần mềm xử lý bảng tính để tạo trang tính và các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu để xây dựng và trình chiếu các nội dung đơn giản;
- Sử dụng được một số dịch vụ Internet cơ bản như: Trình duyệt Web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin;
- Nhận biết và áp dụng biện pháp phòng tránh các loại nguy cơ đối với an toàn dữ liệu, mối nguy hiểm tiềm ẩn khi sử dụng các trang mạng xã hội, an toàn và bảo mật, bảo vệ thông tin.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng, có trách nhiệm trong việc sử dụng máy tính và công nghệ thông tin trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng một số nội dung trong chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên chương	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Chương I. Hiểu biết về công nghệ thông tin cơ bản	7	3	4	
2	Chương II. Sử dụng máy tính cơ bản	7	2	5	
3	Chương III. Xử lý văn bản cơ bản	8	3	5	
4	Chương IV. Sử dụng bảng tính cơ bản	7	2	5	
5	Chương V. Sử dụng trình chiếu cơ bản	7	2	5	
6	Chương VI. Sử dụng Internet cơ bản	8	3	5	
7	Kiểm tra	1			1
	Tổng cộng	45	15	29	1

2. Nội dung chi tiết

Chương I. HIỂU BIẾT VỀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày được một số kiến thức cơ bản về máy tính, phần mềm, biểu diễn thông tin trong máy tính;
- Nhận biết được các thiết bị phần cứng, phần mềm hệ thống, phần mềm ứng dụng.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về máy tính

2.1.1. Thông tin và xử lý thông tin

2.1.1.1. Thông tin

2.1.1.2. Dữ liệu

2.1.1.3. Xử lý thông tin

2.1.2. Phần cứng

2.1.2.1. Đơn vị xử lý trung tâm

2.1.2.2. Thiết bị nhập

2.1.2.3. Thiết bị xuất

2.1.2.4. Bộ nhớ và thiết bị lưu trữ

2.2. Phần mềm

2.2.1. Phần mềm hệ thống

2.2.2. Phần mềm ứng dụng

2.2.3. Một số phần mềm ứng dụng thông dụng

2.2.4. Phần mềm nguồn mở

2.3. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.1. Biểu diễn thông tin trong máy tính

2.3.2. Đơn vị thông tin và dung lượng bộ nhớ

Chương II. SỬ DỤNG MÁY TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về hệ điều hành Windows, phần mềm tiện ích, tiếng Việt trong máy tính, máy in;
- Khởi động, tắt được máy tính, máy in theo đúng quy trình. Tạo và xóa được thư mục, tập tin; sử dụng được một số phần mềm tiện ích thông dụng.

2. Nội dung

2.1. Làm việc với hệ điều hành

2.1.1. Windows là gì?

2.1.2. Khởi động và thoát khỏi Windows

2.1.3. Desktop

2.1.4. Thanh tác vụ (Taskbar)

2.1.5. Menu Start

2.1.6. Khởi động và thoát khỏi một ứng dụng

2.1.7. Chuyển đổi giữa các cửa sổ ứng dụng

2.1.8. Thu nhỏ một cửa sổ, đóng cửa sổ một ứng dụng

2.1.9. Sử dụng chuột

2.2. Quản lý thư mục và tập tin

2.2.1. Khái niệm thư mục và tập tin

2.2.2. Xem thông tin, di chuyển, tạo đường tắt đến nơi lưu trữ thư mục và tập tin

2.2.3. Tạo, đổi tên tập tin và thư mục, thay đổi trạng thái và hiển thị thông tin về tập tin

2.2.4. Chọn, sao chép, di chuyển tập tin và thư mục

2.2.5. Xóa, khôi phục tập tin và thư mục

2.2.6. Tìm kiếm tập tin và thư mục

2.3. Một số phần mềm tiện ích

2.3.1. Phần mềm nén, giải nén tập tin

2.3.2. Phần mềm diệt virus

2.4. Sử dụng tiếng Việt

2.4.1. Các bộ mã tiếng Việt

2.4.2. Cách thức nhập tiếng Việt

2.4.3. Chọn phần mềm nhập tiếng Việt

2.5. Sử dụng máy in

2.5.1. Lựa chọn máy in

2.5.2. In

Chương III. XỬ LÝ VĂN BẢN CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về văn bản và xử lý văn bản, sử dụng phần mềm Microsoft Word trong soạn thảo văn bản;
- Sử dụng được phần mềm soạn thảo Microsoft Word để soạn thảo được văn bản đơn giản theo mẫu, in được văn bản.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm văn bản và xử lý văn bản

2.1.1. Khái niệm văn bản

2.1.2. Khái niệm xử lý văn bản

2.2. Sử dụng Microsoft Word

2.2.1. Giới thiệu Microsoft Word

2.2.1.1. Mở, đóng Microsoft Word

2.2.1.2. Giới thiệu giao diện Microsoft Word

2.2.2. Thao tác với tập tin Microsoft Word

2.2.2.1. Mở một tập tin có sẵn

2.2.2.2. Tạo một tập tin mới

2.2.2.3. Lưu tập tin

2.2.2.4. Đóng tập tin

2.2.3. Định dạng văn bản

2.2.3.1. Định dạng văn bản (Text)

2.2.3.2. Định dạng đoạn văn

2.2.3.2.1. Định dạng đoạn (Paragraph)

2.2.3.2.2. Định dạng Bullets, Numbering

- 2.2.3.2.3. Thiết lập điểm dừng (Tab)
- 2.2.3.2.4. Định dạng khung và nền (Borders and Shading)
- 2.2.3.3. Kiểu dáng (Style)
- 2.2.3.4. Chèn (Insert) các đối tượng vào văn bản
 - 2.2.3.4.1. Bảng (Table)
 - 2.2.3.4.2. Chèn hình ảnh (Picture)
 - 2.2.3.4.3. Chèn chữ nghệ thuật (WordArt)
 - 2.2.3.4.4. Chèn ký tự đặc biệt
 - 2.2.3.4.5. Chèn đối tượng Shapes
- 2.2.3.5. Hộp văn bản (Textbox)
- 2.2.3.6. Tạo tiêu đề trang (Header & Footer)
- 2.2.4. In văn bản

Chương IV. SỬ DỤNG BẢNG TÍNH CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về bảng tính, trang tính; về sử dụng phần mềm Microsoft Excel;
- Sử dụng được phần mềm Microsoft Excel để tạo bảng tính, trang tính; nhập và định dạng dữ liệu; sử dụng các biểu thức toán học, các hàm cơ bản để tính toán các bài toán đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bảng tính (Workbook)

- 2.2.1. Khái niệm bảng tính
- 2.2.2. Các bước xây dựng bảng tính thông thường

2.2. Sử dụng Microsoft Excel

- 2.2.1. Làm việc với phần mềm Microsoft Excel
 - 2.2.1.1. Mở, đóng phần mềm
 - 2.2.1.2. Giao diện Microsoft Excel
- 2.2.2. Thao tác trên tập tin bảng tính
 - 2.2.2.1. Mở tập tin bảng tính
 - 2.2.2.2. Lưu bảng tính
 - 2.2.2.3. Đóng bảng tính

2.3. Thao tác với ô

- 2.3.1. Các kiểu dữ liệu
- 2.3.2. Cách nhập dữ liệu

2.3.3. Chỉnh sửa dữ liệu

2.3.3.1. Xóa dữ liệu

2.3.3.2. Khôi phục dữ liệu

2.4. Làm việc với trang tính (Worksheet)

2.4.1. Dòng và cột

2.4.1.1. Thêm dòng và cột

2.4.1.2. Xóa dòng và cột

2.4.1.3. Hiệu chỉnh kích thước ô, dòng, cột

2.4.2. Trang tính

2.4.2.1. Tạo, xóa, di chuyển, sao chép các trang tính

2.4.2.2. Thay đổi tên trang tính

2.4.2.3. Mở nhiều trang tính

2.4.2.4. Tính toán trên nhiều trang tính

2.5. Biểu thức và hàm

2.5.1. Biểu thức số học

2.5.1.1. Khái niệm biểu thức số học

2.5.1.2. Tạo biểu thức số học đơn giản

2.5.1.3. Các lỗi thường gặp

2.5.2. Hàm

2.5.2.1. Khái niệm hàm, cú pháp hàm, cách nhập hàm

2.5.2.2. Toán tử so sánh =, <, >

2.5.2.3. Các hàm cơ bản (SUM, AVERAGE, MIN, MAX, COUNT, COUNTA, ROUND)

2.5.2.4. Hàm điều kiện IF

2.5.2.5. Các hàm ngày (DAY, MONTH, YEAR)

2.5.2.6. Các hàm tìm kiếm (VLOOKUP, HLOOKUP)

2.6. Định dạng ô, dãy ô

2.6.1. Định dạng kiểu số, ngày, tiền tệ

2.6.2. Định dạng văn bản

2.6.3. Căn chỉnh, hiệu ứng viền

2.7. Kết xuất và phân phối trang tính, bảng tính

2.7.1. Trình bày trang tính để in

2.7.2. Kiểm tra và in

2.7.3. Phân phối trang tính

Chương V. SỬ DỤNG TRÌNH CHIẾU CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về sử dụng máy tính và phần mềm Microsoft PowerPoint trong việc thiết kế và trình chiếu thông tin;
- Sử dụng được phần mềm trình chiếu Microsoft PowerPoint để soạn thảo nội dung, thiết kế và trình chiếu một số nội dung đơn giản.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về bài thuyết trình

2.1.1. Khái niệm bài thuyết trình

2.1.2. Các bước cơ bản để tạo một bài thuyết trình

2.2. Sử dụng phần mềm Microsoft PowerPoint

2.2.1. Các thao tác tạo trình chiếu cơ bản

2.2.1.1. Giới thiệu Microsoft PowerPoint

2.2.1.2. Tạo một bài thuyết trình cơ bản

2.2.1.3. Các thao tác trên slide

2.2.1.4. Chèn Picture

2.2.1.5. Chèn Shapes, WordArt và Textbox

2.2.1.6. Chèn Table, Chart, SmartArt

2.2.2. Hiệu ứng, trình chiếu và in bài thuyết trình

2.2.2.1. Tạo các hiệu ứng hoạt hình cho đối tượng

2.2.2.2. Tạo các hiệu ứng chuyển slide

2.2.2.3. Cách thực hiện một trình diễn

2.2.2.4. Lặp lại trình diễn

2.2.2.5. In bài thuyết trình

Chương VI. SỬ DỤNG INTERNET CƠ BẢN

1. Mục tiêu

Học xong chương này, người học có khả năng:

- Trình bày sơ lược được một số kiến thức cơ bản về Internet, WWW (World Wide Web), các thao tác với thư điện tử;
- Sử dụng được các thao tác đơn giản trong trình duyệt Web, nhận và soạn thảo trả lời thư điện tử; tìm kiếm thông tin.
- Nhận biết và thực hiện được các biện pháp an toàn bảo mật thông tin khi sử dụng các thiết bị, trang thông tin liên quan đến Internet.

2. Nội dung

2.1. Kiến thức cơ bản về Internet

2.1.1. Tổng quan về Internet

2.1.2. Dịch vụ WWW (World Wide Web)

2.2. Khai thác và sử dụng Internet

2.2.1. Sử dụng trình duyệt Web

2.2.3. Thư điện tử (Email)

2.2.3. Tìm kiếm thông tin (Search)

2.2.4. Bảo mật khi làm việc với Internet

2.3. Kiến thức cơ bản về an toàn và bảo mật thông tin trên mạng

2.3.1. Nguồn gốc các nguy cơ đối với việc đảm bảo an toàn dữ liệu và thông tin

2.3.2. Tác dụng và hạn chế chung của phần mềm diệt virus, phần mềm an ninh mạng

2.3.3. An toàn thông tin khi sử dụng các loại thiết bị di động và máy tính trên internet

2.3.4. An toàn khi sử dụng mạng xã hội

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng máy tính có cấu hình phù hợp (đảm bảo mỗi sinh viên 1 máy). Phòng được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng và máy điều hòa.

- Bàn, ghế cho sinh viên (mỗi bàn đặt 1 bộ máy tính).

- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, bút bảng.

2. Trang thiết bị máy móc

- Máy tính cài hệ điều hành Windows, Microsoft Office (Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint), phần mềm tiện ích và có kết nối Internet.

- Các thiết bị phần cứng máy tính gồm: Mainboard, CPU, Ram, Ổ cứng, Card màn hình, Card âm thanh, Card mạng, Vỏ máy tính, Nguồn máy tính, Màn hình, Bàn phím, Chuột, Loa.

- Có một máy server quản lý toàn bộ máy con có kết nối mạng LAN và một máy cho giáo viên.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

Giáo trình, bài giảng, hệ thống bài tập, tài liệu tham khảo.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Phương pháp đánh giá

- Thi, xét công nhận tốt nghiệp theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT- BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

VI. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập

Việc miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học được thực hiện theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTĐBXH. Ngoài ra, Hiệu trưởng quy định cụ thể và quyết định miễn trừ học tập môn học như sau:

- Miễn trừ học tập môn học đối với người học có:
 - + Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
 - + Chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản hoặc Chứng chỉ chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin nâng cao theo quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học đã có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, Hiệu trưởng xem xét, quyết định cho người học được miễn học những nội dung đã được học ở chương trình trung học phổ thông.

Tài liệu tham khảo

1. Quyết định số 392/QĐ-TTg ngày 27/3/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình mục tiêu phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đến 2020, tầm nhìn 2025”.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 31/10/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án “Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, hoạt động dạy và học nghề đến năm 2020”.
3. Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin.
4. Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/06/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Thông tin và Truyền thông quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.
5. Thông tư số 44/2017/TT-BTTTT ngày 29/12/2017 của của Bộ Thông tin và Truyền thông Quy định về việc công nhận chứng chỉ công nghệ thông tin của tổ chức nước ngoài sử dụng ở Việt Nam đáp ứng chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin
6. Nguyễn Đăng Ty, Hồ Thị Phương Nga, Giáo trình Tin học Đại cương, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, 2015.
7. Huyền Trang, Sử dụng Internet an toàn, NXB Phụ nữ, 2014.
8. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển, Giáo trình thực hành Microsoft Word, NXB Thanh Niên, 2016.
9. Phạm Phương Hoa, Phạm Quang Hiển, Giáo trình thực hành Excel, NXB Thanh Niên, 2017.
10. [Joan Lambert](#) and Curtis Frye, Microsoft Office 2016 Step by Step 1st Edition, Microsoft, 2015.
11. [Peter Weverka](#), Office 2016 All-In-One For Dummies 1st Edition, John Wiley & Sons, 2016./.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 03/2019/TT-BLĐTBXH ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Tên môn học: Tiếng Anh

Mã môn học: MH 06

Thời gian thực hiện: 90 giờ, (Lý thuyết: 30 giờ; Thực hành, thảo luận, bài tập: 56 giờ; Kiểm tra: 4 giờ).

I. Vị trí, tính chất của môn học

1. Vị trí: Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học ngoại ngữ bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp.

2. Tính chất: Chương trình môn học Tiếng Anh này bao gồm các kiến thức, kỹ năng sử dụng Tiếng Anh cơ bản trong đời sống, học tập và hoạt động nghề nghiệp phù hợp với trình độ được đào tạo.

II. Mục tiêu môn học

Sau khi học xong chương trình ở trình độ trung cấp, người học đạt được trình độ năng lực Tiếng Anh Bậc 1 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, cụ thể:

1. Về kiến thức

Nhận biết và giải thích được các cấu trúc ngữ pháp cơ bản về thành phần của câu, cách sử dụng thì hiện tại và quá khứ, phân loại danh từ, đại từ và tính từ; nhận biết được các từ vựng về giới thiệu bản thân và người khác, các hoạt động hàng ngày, sở thích, địa điểm, thực phẩm và đồ uống, các sự kiện đặc biệt và kỳ nghỉ.

2. Về kỹ năng

a) Kỹ năng nghe: Theo dõi và hiểu được lời nói khi được diễn đạt chậm, rõ ràng, có khoảng ngừng để kịp thu nhận các thông tin về các chủ đề liên quan đến thành viên gia đình, các hoạt động giải trí trong thời gian rảnh rỗi, vị trí đồ vật trong nhà, các loại thức ăn và đồ uống phổ biến, các hoạt động trong các dịp lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

b) Kỹ năng nói: Đưa ra và hồi đáp các nhận định đơn giản liên quan đến các chủ đề rất quen thuộc như tự giới thiệu bản thân, gia đình, nghề nghiệp, trình bày sở thích, đặt câu hỏi về số lượng, trình bày về những ngày lễ hoặc sự kiện đặc biệt, du lịch, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

c) Kỹ năng đọc: Đọc hiểu các đoạn văn bản ngắn và đơn giản về các chủ đề thông qua các bài đọc có liên quan đến giới thiệu bạn bè, các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, nơi chốn, các món ăn và thức uống phổ biến, các ngày lễ đặc biệt và kỳ nghỉ, các hoạt động hàng ngày và các sở thích.

d) Kỹ năng viết: Viết được những cụm từ, câu ngắn về bản thân, gia đình, trường lớp, nơi làm việc, sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi, mô tả nhà ở, thức ăn và đồ uống, các lễ hội và dịp đặc biệt, các kỳ nghỉ và các sở thích.

3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Nhận thức được tầm quan trọng của ngoại ngữ nói chung và Tiếng Anh nói riêng, có trách nhiệm trong việc sử dụng tiếng Anh trong đời sống, học tập và nghề nghiệp;
- Có thể làm việc độc lập hoặc theo nhóm trong việc áp dụng tiếng Anh vào học tập, lao động và các hoạt động khác.

III. Nội dung môn học

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian

Số TT	Tên đơn vị bài học	Tổng số	Thời gian (giờ)		
			Lý thuyết	Thực hành, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Gia đình và bạn bè (Family and friends)	8	3	5	
2	Bài 2: Thời gian rảnh rỗi (Leisure time)	8	3	5	
3	Bài 3: Địa điểm (Places)	8	3	5	
4	Bài 4: Các loại thực phẩm và đồ uống (Food and drink)	8	3	5	
5	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	13	3	8	2
6	Bài 5: Các sự kiện đặc biệt (Special occasions)	8	3	5	
7	Bài 6: Kỳ nghỉ (Vacation)	8	3	5	
8	Bài 7: Các hoạt động hàng ngày (Activities)	8	3	5	
9	Bài 8: Sở thích (Hobbies and interests)	8	3	5	
10	Ôn tập và kiểm tra (Consolidation & test)	13	3	8	2
	Tổng cộng	90	30	56	4

2. Nội dung chi tiết như sau:

Bài 1. GIA ĐÌNH VÀ BẠN BÈ (FAMILY AND FRIENDS)

1. Mục tiêu

- Nhận biết các động từ thông dụng và từ vựng về gia đình;
- Nhận biết và sử dụng được thì hiện tại đơn, tính từ sở hữu, đại từ và đại từ chỉ định;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài gia đình;
- Nói về bản thân và gia đình;

- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về gia đình;
- Viết đoạn văn giới thiệu bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Gia đình;
- 2.1.2. Nghề nghiệp;
- 2.1.3. Các động từ thông dụng và các hoạt động.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Động từ “to be”;
- 2.2.2. Tính từ sở hữu;
- 2.2.3. Đại từ và đại từ chỉ định;
- 2.2.4. Thì hiện tại đơn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về thông tin cá nhân và gia đình;
- 2.3.2. Bài tập True/False.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Giới thiệu bản thân và gia đình;
- 2.4.2. Hỏi và trả lời.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My friend Minh;
- 2.5.2. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn giới thiệu bản thân (tối thiểu 50 từ).

Bài 2. THỜI GIAN Rảnh Rỗi (LEISURE TIME)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với các trạng từ chỉ tần suất (Adverbs of frequency), động từ khiếm khuyết can/can't và câu hỏi với How often...?;
- Sử dụng các từ vựng về sở thích, thể thao và hoạt động lúc rảnh rỗi;
- Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích trong thời gian rảnh rỗi;
- Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các môn thể thao;
- 2.1.2. Các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Trạng từ chỉ tần suất;
- 2.2.2. Động từ khiếm khuyết Can/can't;
- 2.2.3. Cấu trúc How often...?.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe các cá nhân giới thiệu sở thích và trả lời câu hỏi;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án chính xác;
- 2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp đúng đối tượng và hoạt động.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Trình bày về sở thích và các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi;
- 2.4.2. Phỏng vấn một người bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: What does she usually do on Saturdays?;
- 2.5.2. Đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập trắc nghiệm;
- 2.5.4. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết về các hoạt động yêu thích trong thời gian rảnh rỗi (tối thiểu 50 từ).

Bài 3. ĐỊA ĐIỂM (PLACES)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với There is/there are, giới từ chỉ nơi chốn và các từ vựng về vật dụng trong nhà, các địa điểm phổ biến và các tính từ phổ biến;
- Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;
- Hỏi đường và chỉ đường;
- Đọc hiểu bài đọc giới thiệu về thành phố và các địa điểm nổi bật;
- Viết đoạn văn ngắn giới thiệu về quê hương của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các địa điểm trong thành phố;
- 2.1.2. Các tính từ thông dụng;
- 2.1.3. Các đồ vật trong nhà;

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Cấu trúc There is/ There are;

2.2.2. Giới từ chỉ nơi chốn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về vị trí các vật dụng trong nhà;

2.3.2. Bài tập nghe và chọn đáp án chính xác.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Mô tả vị trí các đồ vật và nơi chốn trong hình ảnh;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh bằng câu hỏi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Da Nang City - a worth-living city in Viet Nam;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một căn phòng trong nhà bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 4. CÁC LOẠI THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (FOOD AND DRINK)

1. Mục tiêu

- Nhận biết và đặt ví dụ với danh từ đếm được và không đếm được (Countable and uncountable nouns), cấu trúc How much/how many, động từ khiếm khuyết Should / shouldn't, cấu trúc Would like và các từ vựng về các loại thức ăn và đồ uống;
- Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;
- Hỏi về số lượng;
- Đọc hiểu một số thức ăn và đồ uống trong thực đơn;
- Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

Các loại thực phẩm và đồ uống.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Danh từ đếm được và không đếm được;

2.2.2. Cấu trúc How much/ How many;

2.2.3. Cấu trúc Should/ Shouldn't;

2.2.4. Cấu trúc Would like.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về các loại thức ăn, đồ uống;

2.3.2. Bài tập True/False;

2.3.3. Bài tập trắc nghiệm.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Hỏi về số lượng trong mua sắm;

2.4.2. Bài tập điền hoàn chỉnh câu với ***much*** hoặc ***many***;

2.4.3. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.4.4. Bài tập sửa lỗi câu.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A restaurant menu;

2.5.2. Bài tập phân loại từ vựng;

2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn nêu những việc nên làm và không nên làm để có sức khỏe tốt (tối thiểu 50 từ).

Bài 5. CÁC SỰ KIỆN ĐẶC BIỆT (SPECIAL OCCASIONS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì Present simple và Present continuous, giới từ chỉ thời gian (prepositions of time) và các từ vựng về quần áo, màu sắc, lễ hội và sự kiện đặc biệt và tính từ mô tả ngoại hình;
- Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;
- Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về các hoạt động trong ngày Tết truyền thống Việt Nam;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các ngày lễ quan trọng;

2.1.2. Từ vựng mô tả ngoại hình;

2.1.3. Quần áo và màu sắc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì hiện tại đơn;

2.2.2. Thì hiện tại tiếp diễn;

2.2.3. Giới từ chỉ thời gian.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về lễ hội và các thông tin có liên quan;

2.3.2. Bài tập lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Thực hành theo cặp đôi;

2.3.4. Bài tập nghe và điền từ vào chỗ trống.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Thực hành nói về các hoạt động của gia đình trong các lễ hội và sự kiện đặc biệt;

2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;

2.4.3. Thực hành nói với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: Tet holiday;

2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;

2.5.3. Thảo luận.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả một lễ hội hoặc sự kiện đặc biệt (tối thiểu 50 từ).

Bài 6. KỲ NGHỈ (VACATION)

1. Mục tiêu

- Sử dụng thì quá khứ đơn (Past simple), các cụm từ chỉ thời gian, các vật dụng và hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ, tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc;
- Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;
- Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- Đọc hiểu và trả lời câu hỏi về một chuyến du lịch đã thực hiện;
- Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Các hoạt động liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.2. Các vật dụng liên quan đến kỳ nghỉ;

2.1.3. Các tính từ mô tả nơi chốn và cảm xúc.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Dạng quá khứ của động từ To be;

2.2.3. Dạng quá khứ của động từ Can;

2.2.4. Động từ hợp quy tắc.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về kỳ nghỉ;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;

2.3.3. Bài tập nghe và kết hợp.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Thực hành đặt câu hỏi có liên quan đến kỳ nghỉ;
- 2.4.2. Bài tập sắp xếp câu theo trật tự phù hợp;
- 2.4.3. Thực hành với bạn trong lớp.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

- 2.5.1. Bài đọc: My first trip to Hanoi;
- 2.5.2. Bài tập đọc và trả lời câu hỏi;
- 2.5.3. Bài tập True/False.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn kể về kỳ nghỉ vừa qua của bạn (tối thiểu 50 từ).

Bài 7. CÁC HOẠT ĐỘNG HÀNG NGÀY (ACTIVITIES)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp; to infinitive và gerund và từ vựng về các hoạt động hàng ngày; các tính từ chỉ tính cách;
- Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- Nói về các hoạt động hàng ngày;
- Đọc hiểu bức thư giới thiệu về một chuyến du lịch;
- Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

- 2.1.1. Các hoạt động hàng ngày;
- 2.1.2. Tính từ chỉ tính cách.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

- 2.2.1. Kết hợp thì hiện tại đơn và thì hiện tại tiếp diễn;
- 2.2.2. To infinitive and Gerund.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

- 2.3.1. Nghe và trả lời câu hỏi về đề tài các hoạt động hàng ngày;
- 2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng;
- 2.3.3. Bài tập nghe và trả lời câu hỏi.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

- 2.4.1. Nói về các hoạt động hàng ngày;
- 2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại;
- 2.4.3. Thực hành theo cặp đôi.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: A letter;

2.5.2. Bài tập đọc và lựa chọn đáp án đúng.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn mô tả hoạt động đang diễn ra trong một bức tranh (tối thiểu 50 từ).

Bài 8. SỞ THÍCH (HOBBIES AND INTERESTS)

1. Mục tiêu

- Sử dụng kết hợp thì quá khứ đơn (Past simple) và thì quá khứ tiếp diễn (Past continuous) các từ vựng về sở thích, các môn thể thao đi chung với động từ: **play, go** và **do**;
- Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;
- Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;
- Đọc hiểu bài đọc và trả lời câu hỏi về sở thích;
- Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân.

2. Nội dung

2.1. Từ vựng (Vocabulary)

2.1.1. Sở thích;

2.1.2. Cấu trúc Play/go/do+ sport.

2.2. Ngữ pháp (Grammar)

2.2.1. Thì quá khứ đơn;

2.2.2. Thì quá khứ tiếp diễn;

2.2.3. Kết hợp thì quá khứ đơn và thì quá khứ tiếp diễn.

2.3. Kỹ năng nghe (Listening)

2.3.1. Nghe các cá nhân nói về sở thích và trả lời câu hỏi;

2.3.2. Bài tập nghe và lựa chọn đáp án đúng.

2.4. Kỹ năng nói (Speaking)

2.4.1. Nói về sở thích trong quá khứ và hiện tại;

2.4.2. Thực hành nghe và lặp lại.

2.5. Kỹ năng đọc (Reading)

2.5.1. Bài đọc: What is a hobby?;

2.5.2. Bài tập True/False/Not given.

2.6. Kỹ năng viết (Writing)

Viết đoạn văn ngắn mô tả các sở thích của bản thân (tối thiểu 80 từ).

IV. Điều kiện thực hiện môn học

1. Phòng học chuyên môn/nhà xưởng

- Phòng học được trang bị hệ thống đèn đủ ánh sáng;
- Bàn, ghế rời cho từng sinh viên;
- Bàn ghế giáo viên, bảng, máy chiếu, phấn (hoặc bút bảng).

2. Trang thiết bị máy móc

Máy chiếu, hệ thống âm thanh.

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu

Giáo viên sử dụng giáo trình dùng chung và tham khảo các tài liệu giảng dạy khác hỗ trợ bài giảng.

4. Các điều kiện khác

Khuyến khích các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp trang bị phòng học nghe nhìn và các điều kiện khác để có thể tổ chức giảng dạy môn học hoặc một số nội dung của môn học theo hình thức trực tuyến.

V. Nội dung và phương pháp đánh giá

1. Nội dung

1.1. Kiến thức: Các kiến thức về từ vựng và cấu trúc ngữ pháp theo từng chủ đề liên quan trong chương trình.

1.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng nghe: Nghe và xác định thông tin về gia đình, bạn bè, các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt, vị trí và nơi chốn, và các sở thích theo yêu cầu.
- Kỹ năng nói: Tự giới thiệu về bản thân, gia đình, công việc, sở thích và các hoạt động hàng ngày và trong các sự kiện đặc biệt theo yêu cầu.
- Kỹ năng đọc: Đọc hiểu đại ý và thông tin chi tiết của các bài đọc ngắn theo yêu cầu.
- Kỹ năng viết: Viết câu và đoạn văn ngắn về các chủ đề khác nhau theo yêu cầu.

1.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Làm việc độc lập hoặc theo nhóm.

2. Phương pháp đánh giá

Thi, xét công nhận tốt nghiệp theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT- BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.

1. Phạm vi áp dụng môn học

Môn học Tiếng Anh là một trong các môn học bắt buộc thuộc khối các môn học chung trong chương trình đào tạo trình độ trung cấp. Tùy theo đặc thù của các ngành, nghề đào tạo, các trường lựa chọn môn học Tiếng Anh hoặc môn học ngoại ngữ khác theo quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để giảng dạy.

Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học cơ sở bắt buộc học toàn bộ chương trình môn học này. Người học là đối tượng tuyển sinh hệ tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc đã được cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình trung học

phổ thông hoặc đã thi đạt yêu cầu đủ khối lượng kiến thức văn hóa trung học phổ thông, Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào chương trình này và chương trình học trung học phổ thông mà người học đã hoàn thành để xem xét, quyết định điều chỉnh chương trình môn học cho phù hợp, bảo đảm đạt được mục tiêu và chuẩn đầu ra của môn học.

2. Miễn trừ, bảo lưu kết quả học tập môn học

a) Miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh

Người học được miễn học, miễn thi kết thúc môn học Tiếng Anh trong các trường hợp sau:

- Có chứng chỉ Tiếng Anh Bậc 1 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;
- Có chứng chỉ Tiếng Anh tương đương cấp độ A1 trở lên theo Khung tham chiếu chung Châu Âu do các tổ chức nước ngoài cấp.

b) Bảo lưu, công nhận kết quả học tập

Thực hiện theo quy định tại Thông tư /TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

c) Người học có nhu cầu được miễn trừ, bảo lưu kết quả môn học phải có đơn đề nghị hiệu trưởng xem xét, quyết định khi nhập học và trước mỗi kỳ thi.

3. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học

- Đối với giáo viên: Giáo viên vận dụng linh hoạt các phương pháp dạy học; chú trọng phương pháp giao tiếp trong giảng dạy; áp dụng đa dạng các kỹ thuật dạy học; lấy người học làm trung tâm; tổ chức các hoạt động nghe, nói, đọc và viết sinh động nhằm tăng cường sự tham gia của người học; tổ chức các hoạt động đa dạng với sự hỗ trợ của các học liệu, giáo cụ trực quan sinh động phục vụ mục tiêu bài học.

- Đối với người học: Quan sát, hoạt động nhóm, thảo luận theo hướng dẫn của giáo viên và làm bài tập về nhà.

- Khuyến khích việc tổ chức dạy và học trực tuyến môn học, kết hợp với các phần mềm tự học trực tuyến nhằm nâng cao chất lượng dạy và học.

- Bên cạnh việc học 90 giờ trên lớp, giáo viên nên xây dựng nội dung và mục tiêu tự học thêm 110 giờ cho người học thông qua hệ thống bài tập bổ sung, phần mềm hoặc ứng dụng tiếng Anh hỗ trợ tự học, tài liệu tham khảo khác nhằm giúp người học đạt năng lực A1 theo quy định sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp.

4. Tài liệu tham khảo

1. Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam.
2. Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.
3. Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành

chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp và cao đẳng.

4. Thi, xét công nhận tốt nghiệp theo hướng dẫn tại thông tư 04/2022/TT-BLĐTBXH của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội ban hành ngày 30 tháng 03 năm 2022 quy định về việc tổ chức đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy Mô-đun hoặc tín chỉ.
5. Tim Falla and Paul A. Davies, Solutions Elementary (02nd edition), Oxford University Press, 2012.
6. Miles Craven, Breakthrough Plus 1, MacMillan Education, 2013.
7. Herbert Puchta and Jeff Stranks, More! 1, Cambridge University Press, 2008.
8. Jack C. Richards, Tactics for Listening (02nd edition), Oxford University Press, 2015.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Kỹ năng giao tiếp

Mã môn học: MH 07

Thời gian thực hiện môn học: 2 tín chỉ - 45 giờ; (Lý thuyết:15 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra 02 giờ và 45giờ tự học)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:Môn học được thực hiện sau khi sinh viên học xong các môn học ..

- Tính chất:Là môn học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Trình bày được quá trình tâm lý và tâm lý khách hàng trong chăm sóc sắc đẹp.

+ Trình bày được kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp.

+ Trình bày được các kỹ năng giao tiếp với khách hàng.

+ Trình bày kỹ năng tư vấn chăm sóc sắc đẹp với khách hàng

- Kỹ năng:

+ Thực hiện được các kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, khách hàng, kỹ năng tư vấn khách hàng chăm sóc sắc đẹp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có thái độ nghiêm túc trong học tập, xác định đúng đắn động cơ và mục đích học tập.

III. Nội dung

1. Nội dung tổng quát và phân phối thời gian:

STT	Tên các bài	Thời gian (giờ)			
		TS	LT	TH	KT
1	Đại cương về tâm lý, tâm lý khách hàng	3	3	0	
2	Kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp	11	3	8	
3	Kỹ năng giao tiếp với khách hàng	17	4	12	1
4	Kỹ năng tư vấn chăm sóc khách hàng.	14	4	9	1
	Tổng	45	14	29	1

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về tâm lý, tâm lý khách hàng

Mục tiêu:

1. Trình bày được định nghĩa, quá trình tâm lý.
2. Trình bày được tâm lý khách hàng.
3. Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài.

Nội dung:

1. Đại cương về tâm lý
2. Tâm lý khách hàng

Bài 2: Kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp

Mục tiêu:

1. Trình bày được định nghĩa, tầm quan trọng, hình thức của giao tiếp.

2. Trình bày được các kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp .
3. Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài.

Nội dung:

1. Định nghĩa
2. Tầm quan trọng của giao tiếp
3. Hình thức giao tiếp
4. Các kỹ năng giao tiếp.

Bài 3: Kỹ năng giao tiếp với khách hàng

Mục tiêu:

1. Trình bày được khái niệm, tầm quan trọng của tư vấn chăm sóc khách hàng.
2. Trình bày được các bước tư vấn chăm sóc khách hàng .
3. Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài.

Nội dung:

1. Khái niệm tư vấn
2. Tầm quan trọng của giao tiếp với khách hàng
3. Các bước tư vấn, chăm sóc khách hàng

Bài 4: Kỹ năng tư vấn chăm sóc khách hàng

Mục tiêu:

1. Trình bày được tầm quan trọng của giao tiếp với khách hàng.
2. Trình bày được các kỹ năng giao tiếp với khách hàng .
3. Có thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài.

Nội dung:

1. Tầm quan trọng của giao tiếp với khách hàng
2. Các kỹ năng giao tiếp với khách hàng

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

1. Điều kiện về giáo viên

- Đối với giáo viên, giảng viên: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên – chuyên ngành; có đầy đủ các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học, sư phạm theo yêu cầu của Thông tư 08/2017-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị

- + Có phòng học lý thuyết, phòng thực hành đảm bảo quy định;
- + Có đủ thiết bị theo danh mục thiết bị dụng cụ tối thiểu:
- Nguyên vật liệu:
 - + Máy chiếu, tranh ảnh, thiết bị chuyên dụng theo nội dung từng bài học;
- Dụng cụ và trang thiết bị: (có bảng kê danh mục kèm theo)
- Học liệu:
 - + Giáo trình mô đun;
 - + Vở; viết; tài liệu; bảng; bút viết bảng.
- Các nguồn lực khác:

+ Phòng học thực hành chuyên môn;

V. Nội dung và phương pháp đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Quá trình tâm lý và tâm lý khách hàng trong chăm sóc sắc đẹp.

+ Kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp.

+ Các kỹ năng giao tiếp với khách hàng.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện các kỹ năng giao tiếp với đồng nghiệp, khách hàng, kỹ năng tư vấn khách hàng chăm sóc sắc đẹp.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Có thái độ nghiêm túc trong học tập, xác định đúng đắn động cơ và mục đích học tập.

2. Phương pháp: Được đánh giá bằng phương pháp kiểm tra tự luận, trắc nghiệm.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng mô đun: Chương trình mô đun dùng trong chương trình đào tạo nhóm ngành chăm sóc sức khỏe trình độ trung cấp.

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập mô đun:

- Đối với người dạy:

+ Sử dụng phương pháp dạy học tích cực, sử dụng các thiết bị, phương tiện dạy học làm trực quan, sinh động cho bài giảng, gắn liền với thực tế.

- Đối với người học:

+ Nghiêm túc, tích cực, chủ động xây dựng bài, làm theo đúng yêu cầu hướng dẫn của người dạy, tìm hiểu mở rộng kiến thức thực tế.

3. Những trọng tâm cần chú ý: - Tất cả các bài học

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Kỹ năng giao tiếp – Giáo dục sức khỏe - Trường Trung cấp Kỹ thuật Y – Dược Hà nội (Lưu hành nội bộ).

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Khoa học về mỹ phẩm

Mã môn học: MH 08

Thời gian thực hiện môn học: 2 tín chỉ - 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra 2 giờ và 45 giờ tự học)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Khoa học về mỹ phẩm đóng vai trò là một môn học cơ sở bắt buộc, là nền tảng kiến thức căn bản cho các chuyên ngành Tạo mẫu và Chăm sóc sắc đẹp, giúp ta hiểu biết về mỹ phẩm trong chăm sóc da, trong tạo mẫu tóc và trong trang điểm – hóa trang.

- Tính chất: Là môn học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức:

+ Trình bày được một số hiểu biết khoa học về mỹ phẩm: Mỹ phẩm hóa trang và mỹ phẩm làm đẹp.

+ Trình bày được đại cương, thành phần hóa học cơ bản của mỹ phẩm chăm sóc da, mỹ phẩm trong tạo mẫu và chăm sóc tóc, hóa trang - trang điểm.

+ Trình bày được dấu hiệu nhận biết cách ngăn ngừa và xử trí khi bị dị ứng mỹ phẩm.

- Về kỹ năng:

+ Phân biệt được 2 loại mỹ phẩm cơ bản, hóa trang và làm đẹp

+ Nhận biết và sử dụng thành thạo hợp lý các loại mỹ phẩm cho khách hàng

+ Phát hiện và xử trí kịp thời khi khách hàng bị dị ứng mỹ phẩm

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức đúng vai trò của môn học khoa học về mỹ phẩm đối với chương trình đào tạo và ứng dụng vào thực tiễn để hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học khi học tập, nghiên cứu môn học này.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TN, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1.	Bài 1: Mở đầu 1. Đại cương mỹ phẩm 2. Phân loại mỹ phẩm 3. Thành phần hóa học cơ bản của mỹ phẩm	03	02	01	
2.	Bài 2: Mỹ phẩm trang điểm	12	03	08	01
3.	Bài 3: Mỹ phẩm chăm sóc da	09	04	05	

4.	Bài 4: Mỹ phẩm chăm sóc và tạo mẫu tóc	13	04	08	01
5.	Bài 5: Dấu hiệu nhận biết và xử trí khi bị dị ứng mỹ phẩm	08	02	05	01
Cộng:		45	15	27	03

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Bài mở đầu

1. Mục tiêu:

- Trình bày được một số hiểu biết khoa học về mỹ phẩm
- Liệt kê được một số mỹ phẩm dùng trong trang điểm và làm đẹp

2. Nội dung:

1. Đại cương về giải phẫu
 - 1.1 Mỹ phẩm dùng trong trang điểm
 - 1.2 Mỹ phẩm dùng trong làm đẹp
2. Nguyên tắc lựa chọn mỹ phẩm
3. Nguyên tắc đánh giá mỹ phẩm

Bài 2 : Mỹ phẩm dùng trong trang điểm

Mục tiêu:

- Trình bày được thành phần hóa học cơ bản của các loại mỹ phẩm dùng trong trang điểm
- Đánh giá chọn lựa và sử dụng thành thạo mỹ phẩm trong trang điểm

2. Nội dung

1. Đại cương về mỹ phẩm trong trang điểm
2. Thành phần hóa học, tác dụng của mỹ phẩm dùng trong trang điểm
 - 2.1 Kem lót
 - 2.2 Kem nền
 - 2.3 Phấn trang điểm

Bài 3: Mỹ phẩm chăm sóc da

1. Mục tiêu:

- Trình bày được thành phần hóa học cơ bản của các loại mỹ phẩm dùng trong chăm sóc da
- Đánh giá chọn lựa và sử dụng thành thạo mỹ phẩm trong chăm sóc da

2. Nội dung:

1. Đại cương về mỹ phẩm trong chăm sóc da
2. Thành phần hóa học, tác dụng của mỹ phẩm dùng trong chăm sóc da
 - 2.1. Nước hoa hồng
 - 2.2. Kem dưỡng da
 - 2.3. Sữa dưỡng da
 - 2.4. Tinh chất dưỡng da
 - 2.5. Chất săn da, làm mịn da, làm sạch và làm mất nạ
 - 2.6. Xà bông – bột giặt

3. Phương pháp đánh giá chọn lựa mỹ phẩm chăm sóc da

Bài 4. Mỹ phẩm chăm sóc và tạo mẫu tóc

Mục tiêu:

- Trình bày được thành phần hóa học cơ bản và tác dụng của mỹ phẩm trong tạo mẫu và chăm sóc tóc

- Đánh giá, chọn lựa và sử dụng thành thạo các loại mỹ phẩm trong tạo mẫu và chăm sóc tóc.

Nội dung:

1. Đại cương về mỹ phẩm trong tạo mẫu và chăm sóc tóc.

2. Thành phần hóa học, tác dụng của mỹ phẩm dùng trong tạo mẫu và chăm sóc tóc.

2.1. Dầu gội đầu

2.2. Nước gội đầu và điều hòa tóc

2.3. Keo xịt tóc và keo đập tóc

2.4. Chất làm thẳng tóc

2.5. Chất làm cong tóc

2.6. Chất dưỡng tóc, nhuộm tóc

3. Phương pháp đánh giá và lựa chọn mỹ phẩm dùng trong tạo mẫu và chăm sóc tóc.

Bài 5: Dấu hiệu nhận biết và xử trí khi bị dị ứng mỹ phẩm

Mục tiêu:

- Trình bày được các biểu hiện và phương pháp xử trí khi bị dị ứng mỹ phẩm

- Nhận biết và xử trí thành thạo kịp thời các dị ứng mỹ phẩm thường gặp

Nội dung:

1. Các dấu hiệu dị ứng mỹ phẩm thường gặp

2. Cách phòng ngừa dị ứng mỹ phẩm

3. Xử trí khi có dị ứng mỹ phẩm

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

1. Điều kiện về giáo viên

- Đối với giáo viên, giảng viên: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng, đại học trở lên có đầy đủ các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học, sư phạm theo yêu cầu của Thông tư 08/2017-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị

+ Có phòng học lý thuyết, phòng thực hành đảm bảo quy định;

+ Có đủ thiết bị theo danh mục thiết bị dụng cụ tối thiểu:

- Nguyên vật liệu:

+ Mô hình, Máy chiếu, tranh ảnh, thiết bị chuyên dụng theo nội dung từng bài học;

- Học liệu:

+ Giáo trình mô đun;

- + Vô; viết; tài liệu; bảng; bút viết bảng.
- Các nguồn lực khác:
 - + Phòng học thực hành chuyên môn;
 - + Trang phục thực hành.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được đại cương, thành phần hóa học cơ bản của mỹ phẩm chăm sóc da, mỹ phẩm trang tạo mẫu và chăm sóc tóc, hóa trang - trang điểm. Nhận biết được dấu hiệu, cách ngăn ngừa và xử trí khi bị dị ứng mỹ phẩm.
- Kỹ năng: Phân biệt được 2 loại mỹ phẩm cơ bản, hóa trang và làm đẹp. Phát hiện và xử trí kịp thời khi khách hàng bị dị ứng mỹ phẩm
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên tích cực tự học, tham gia các buổi giảng, thực hiện tốt mục tiêu của từng bài học; bảo quản và giữ gìn đồ dùng học tập trong phòng học

2. Phương pháp:

STT	Điểm	Quy định	Hệ số	Ghi chú
1	Điểm thành phần:		40%	
	Lý thuyết:			
	Đánh giá thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài ở nhà	- 12 tiết dự học/15 tiết - Tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp	1	
	Điểm thường xuyên	- Số bài kiểm tra viết: 01 thời gian 30 phút.		
	Thực hành			
	Đánh giá thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài ở nhà.	- Tham dự 30/30 tiết - Tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp	2	
	Điểm định kỳ	- 01 Điểm của phần vấn đáp thực hành		
2	Thi kết thúc học phần	- Thi trắc nghiệm (60 phút)	60%	

Điều kiện thi:

- Sinh viên tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, thực hành.
- Sinh viên phải có điểm trung bình kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học này là môn cơ sở bắt buộc đối với tất cả các đối tượng học sinh theo học trung cấp tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 - Đối với giáo viên, giảng viên:
 - + Hướng dẫn sinh viên tự học, đánh giá kết quả.

- + Chuẩn bị đầy đủ kế hoạch bài giảng, giáo án, giáo trình khi lên lớp
- + Quản lý và tổ chức dạy học
- + Thực hiện xét điều kiện thi, làm điểm thi đúng theo quy định.
- + Tích cực học tập nâng cao trình độ và đổi mới phương pháp giảng dạy đáp ứng mục tiêu của bài học.

- Đối với người học:

- + Sinh viên chuẩn bị phần tự học dưới sự hướng dẫn của giáo viên trước khi đến lớp.
- + Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% tiết học lý thuyết trên lớp và đầy đủ bài thực hành
- + Chuẩn bị đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo, đọc tài liệu và chuẩn bị các ý kiến để thảo luận trong giờ học.
- + Đồng phục khi thực hành, chấp hành nghiêm túc nội qui thực hành
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- + Thái độ học tập nghiêm túc, bảo quản dụng cụ, mô hình trong các phòng học.
- + Tham gia kỳ thi kết thúc học phần

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Tất cả các bài trong chương trình

4. Tài liệu:

4.1. Tài liệu dạy / học:

- Tài liệu khoa học mỹ phẩm trường trung cấp kỹ thuật Y Dược Hà Nội
- Tài liệu tham khảo:

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Mỹ thuật căn bản

Mã môn học: MH 09

Thời gian thực hiện môn học: 2 tín chỉ - 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra 02 giờ và 45 giờ tự học)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Môn học được thực hiện sau khi sinh viên học xong các môn học ..
- Tính chất: Là môn học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

- Trình bày được nguyên tắc vẽ các hình khối cơ bản, chi tiết ngũ quan, đầu tượng vật mỏng

- Trình bày được phổ quát về màu nước

Về kỹ năng

- Vẽ được khối hộp lục giác, khối nón, khối cầu
- Vẽ được tai mắt mũi miệng và biết cách vẽ chân dung, đầu tượng
- Biết chia đúng tỷ lệ đầu người tạo khối và lên sắc độ tổng thể
- Vẽ minh họa được hình thêu trên mẫu

Về năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Lựa chọn được đúng kiến thức, kỹ năng khi thực hiện các nội dung môn học

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL/ BT/TL	Kiểm tra
1	Bài 1: Kỹ năng vẽ và dựng các hình khối cơ bản 1. Kỹ năng vẽ và dựng hình khối lục giác 2. Kỹ năng vẽ và dựng hình khối nón 3. Kỹ năng vẽ và dựng hình khối cầu 4. Kỹ năng vẽ và dựng các hình khối tổ hợp	07	03	04	
2	Bài 2: Vẽ ngũ quan 1. Vẽ tai 2. Vẽ mắt 3. Vẽ mũi 4. Vẽ miệng 5. Vẽ chân dung, đầu tượng	11	03	8	
3	Bài 3: vẽ đầu tượng vật mỏng. 1. Cách chia tỷ lệ đầu người 2. Cách tạo khối và lên màu tổng thể đầu tượng	11	03	08	

4	Bài 4: Màu nước căn bản 1. Tính chất của màu nước 2. Cách sử dụng màu nước 3. Cách vẽ tĩnh vật đơn giản bằng màu nước	14	06	08	
Tổng:		45	15	28	02

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Kỹ năng vẽ và dựng các hình khối cơ bản

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên tắc vẽ các hình khối cơ bản: : khối hộp lục giác, khối nón, khối cầu
- Vẽ được khối hộp lục giác, khối nón, khối cầu đúng tiêu chuẩn.

2. Nội dung

Kỹ năng vẽ và dựng hình khối lục giác

Kỹ năng vẽ và dựng hình khối nón

Kỹ năng vẽ và dựng hình khối cầu

Bài 2: Vẽ ngũ quan

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên tắc vẽ các ngũ quan của người: Mắt, Tai, mũi, Miệng
- Vẽ được tai mắt mũi miệng và biết cách vẽ chân dung, đầu tượng

2. Nội dung

- Vẽ tai
- Vẽ mắt
- Vẽ mũi
- Vẽ miệng
- Vẽ chân dung, đầu tượng

Bài 3: Vẽ đầu tượng vật mỏng.

1. Mục tiêu

- Biết chia đúng tỷ lệ đầu người tạo khối và lên sắc độ tổng thể
- Vẽ được đầu tượng đúng tỷ lệ

2. Nội dung

- Cách chia tỷ lệ đầu người
- Cách tạo khối và lên màu tổng thể đầu tượng

Bài 4: Màu nước căn bản

1. Mục tiêu

- Trình bày được tính chất, ứng dụng của màu nước trong cuộc sống hàng ngày
- Phương pháp vẽ tĩnh vật đơn giản bằng màu nước
- Vẽ được hình tĩnh vật đúng cách

2. Nội dung

- Tính chất của màu nước

- Cách sử dụng màu nước
- Cách vẽ tĩnh vật đơn giản bằng màu nước

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

1. Điều kiện về giáo viên

- Đối với giáo viên, giảng viên: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên – chuyên ngành; có đầy đủ các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học, sư phạm theo yêu cầu của Thông tư 08/2017-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị

- + Có phòng học lý thuyết, phòng thực hành đảm bảo quy định;
- + Có đủ thiết bị theo danh mục thiết bị dụng cụ tối thiểu:
- Nguyên vật liệu:
 - + Máy chiếu, tranh ảnh, thiết bị chuyên dụng theo nội dung từng bài học;
- Dụng cụ và trang thiết bị: (có bảng kê danh mục kèm theo)
- Học liệu:
 - + Giáo trình mô đun;
 - + Vở; viết; tài liệu; bảng; bút viết bảng.
- Các nguồn lực khác:
 - + Phòng học thực hành chuyên môn;

V. Phương pháp đánh giá

STT	Điểm	Quy định	Hệ số	Ghi chú
1	Điểm thành phần:		40%	
	Lý thuyết:			
	Đánh giá thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài ở nhà	- 12 tiết dự học/15 tiết - Tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp	1	
	Điểm thường xuyên	- Số bài kiểm tra viết: 01 thời gian 30 phút.		
	Thực hành			
	Đánh giá thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài ở nhà.	- Tham dự 30/30 tiết - Tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp	2	
	Điểm định kỳ	- 01 Điểm của phần vấn đáp thực hành		
2	Thi kết thúc học phần	- Thi trắc nghiệm (60 phút)	60%	

Điều kiện thi:

- Sinh viên tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, thực hành.
- Sinh viên phải có điểm trung bình kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học này là môn cơ sở bắt buộc đối với tất cả các đối tượng học sinh theo học trung cấp tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Hướng dẫn sinh viên tự học, đánh giá kết quả.
- + Chuẩn bị đầy đủ kế hoạch bài giảng, giáo án, giáo trình khi lên lớp
- + Quản lý và tổ chức dạy học
- + Thực hiện xét điều kiện thi, làm điểm thi đúng theo quy định.
- + Tích cực học tập nâng cao trình độ và đổi mới phương pháp giảng dạy đáp ứng mục tiêu của bài học.

- Đối với người học:

- + Sinh viên chuẩn bị phần tự học dưới sự hướng dẫn của giáo viên trước khi đến lớp.
- + Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% tiết học lý thuyết trên lớp và đầy đủ bài thực hành
- + Chuẩn bị đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo, đọc tài liệu và chuẩn bị các ý kiến để thảo luận trong giờ học.
- + Đồng phục khi thực hành, chấp hành nghiêm túc nội qui thực hành
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- + Thái độ học tập nghiêm túc, bảo quản dụng cụ, mô hình trong các phòng học.
- + Tham gia kỳ thi kết thúc học phần

3. Những trọng tâm cần chú ý:

4. Tài liệu:

- Tài liệu dạy / học: Giáo trình mỹ thuật căn bản trường Đại học sư phạm Hà nội
- Tài liệu tham khảo:

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Giải phẫu sinh lý

Mã môn học: MH 10

Thời gian thực hiện môn học: 2 tín chỉ - 45 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 28 giờ; Kiểm tra 2 giờ và 45 giờ tự học)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Giải phẫu sinh lý học đóng vai trò là một môn học cơ sở bắt buộc, là nền tảng kiến thức căn bản cho các chuyên ngành Tạo mẫu và Chăm sóc sắc đẹp, giúp ta hiểu được cấu trúc và sinh lý học của cơ thể người.

- Điều kiện tiên quyết: Sinh học

- Tính chất: Là môn học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. Mục tiêu môn học:

- Về kiến thức: cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về:
 - + Đặc điểm giải phẫu cơ bản nhất về hệ thống của các bộ phận và các cơ quan trong cơ thể.
 - + Các hoạt động sinh lý bình thường của các cơ quan, bộ phận trong cơ thể người.
- Về kỹ năng:
 - + Có kỹ năng quan sát, xác định và mô tả được các bộ phận, cơ quan và trên tranh vẽ - mô hình.
 - + Liên hệ vào cơ thể sống và áp dụng những kiến thức đã học được của môn Giải phẫu sinh lý vào các môn học khác.
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm: Nhận thức đúng vai trò của môn học Giải phẫu - Sinh lý đối với chương trình đào tạo và ứng dụng vào thực tiễn để hình thành và rèn luyện tác phong nghiêm túc, thận trọng, chính xác, khoa học khi học tập, nghiên cứu môn học này.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: ĐẠI CƯƠNG GPSL 1. Đại cương giải phẫu 2. Đại cương sinh lý	02	02	0	
2	Bài 2: GIẢI PHẪU HỆ XƯƠNG 1. Đại cương về hệ xương 2. Xương đầu mặt 3. Xương thân	14	04	09	

	3.1. <i>Cột sống</i> 3.2. <i>Xương lồng ngực</i> 4. <i>Xương bên</i> 4.1. <i>Xương bên chi trên</i> 4.2. <i>Xương bên chi dưới</i>				
3	Bài 3: GIẢI PHẪU HỆ CƠ 1. <i>Đại cương hệ cơ</i> 2. <i>Cơ vùng đầu mặt.</i> 3. <i>Cơ vùng cổ</i> 4. <i>Cơ vùng thân mình</i> 5. <i>Cơ vùng chi trên</i> 6. <i>Cơ vùng chi dưới.</i>	14	04	09	
	Bài 4: ĐẠI CƯƠNG VỀ DA 1 <i>Chức năng và cấu tạo của da</i> 2 <i>Chức năng, cấu tạo của bộ phận phụ của da</i>	15	05	10	
	Cộng	45	15	28	02

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: ĐẠI CƯƠNG GIẢI PHẪU – SINH LÝ

Mục tiêu:

Trình bày được khái niệm, tư thế và các mặt phẳng giải phẫu.

Trình bày được định nghĩa và nhiệm vụ của sinh lý học

2. Nội dung:

1. Đại cương về giải phẫu

1.1. Khái niệm

1.2. Lịch sử phát triển môn Giải phẫu học

1.3. Tư thế và các mặt phẳng giải phẫu

2. Đại cương về sinh lý

2.1. Khái niệm

2.2. Đối tượng nghiên cứu của sinh lý học

2.3. Nhiệm vụ của sinh lý học

2.4. Vị trí của môn sinh lý học

2.5. Lịch sử phát triển ngành sinh lý học

2.5.1. Thời cổ xưa

2.5.2. Thời kỳ phát triển của nền khoa học tự nhiên

2.5.3. Thời đại sinh học phân tử

2.6. Phương pháp nghiên cứu và học tập sinh lý học

2.6.1. Phương pháp nghiên cứu

2.6.2. Phương pháp học tập sinh lý học

Bài 2 : Giải phẫu hệ xương

Mục tiêu:

- Trình bày được kiến thức chung nhất về xương: sự phân chia, đặc điểm cấu tạo mỗi loại xương, sự hình thành và phát triển của các xương.
- Mô tả được đặc điểm hình thể chính của các xương: các mặt khớp, các chỗ bám của cơ, các hốc bề mặt
- Gọi đúng được tên các chi tiết chính trên phương tiện thực hành giải phẫu hệ xương,
- Thái độ học tập nghiêm túc, cẩn thận, chính xác, khoa học; vận dụng những kiến thức về giải phẫu và sinh lý học vào việc học tập các môn lâm sàng.

2. Nội dung

1. ĐẠI CƯƠNG

1.1. Chức năng

1.2. Phân loại

2. CÁC XƯƠNG TRỤC (HỆ XƯƠNG TRỤC).

2.1 Xương đầu mặt:

2.1.1. Hộp sọ

2.1.2. Sọ mặt

2.2. Xương thân

2.2.1. Cột sống

2.2.2. Xương sườn và xương ức.

2.2.3. Khung xương lồng ngực

3.1. Xương bên chi trên

3.1.1. Đai vai (đai ngực).

3.1.2. Xương cánh tay

3.1.3. Xương cẳng tay

3.1.4. Các xương cổ - bàn - ngón tay.

3.2. Xương bên chi dưới

3.2.1. Xương chậu.

3.2.3. Xương đùi.

3.2.4. Xương bánh chè.

3.2.5. Xương cẳng chân

3.2.5. Xương cổ - đốt bàn - ngón chân.

Bài 3: Giải phẫu hệ cơ

1. Mục tiêu:

- Kể được tên các cơ vùng đầu, cơ bám da mặt, cơ vùng cổ, ngực, bụng, lưng.
- Trình bày được nguyên ủy, bám tận và tác dụng của cơ delta và các cơ vùng cánh tay, vùng hông, vùng đùi.
- Chỉ và mô tả được đặc điểm của cơ delta, cơ vùng cánh tay, vùng hông, vùng đùi trên tranh và mô hình.
- Thái độ học tập nghiêm túc, cẩn thận, chính xác, khoa học; vận dụng những kiến thức về giải phẫu và sinh lý học vào việc học tập các môn lâm sàng.

- 2. Nội dung chương:
 - 1. Vùng đầu mặt cổ
 - 1.1. Vùng đầu mặt
 - 1.1.1. *Các cơ đầu mặt*
 - 1.1.2. *Mạch máu, thần kinh*
 - 1.2. Vùng cổ
 - 1.2.1. *Vùng cổ trước bên*
 - 1.2.2. *Vùng gáy*
 - 1.2.3. *Động mạch và thần kinh*
 - 2. Cơ thân mình
 - 2.1. Vùng ngực:
 - 2.1.1. *Thành ngực trước bên:*
 - 2.1.2. *Thành ngực sau*
 - 2.1.3. *Thành dưới*
 - 2.1.4. *Mạch máu- thần kinh.*
 - 2.2. Vùng bụng.
 - 2.2.1. *Thành trên*
 - 2.2.2. *Thành dưới:*
 - 2.2.3. *Thành trước và bên*
 - 2.2.4. *Thành bụng sau.*
 - 3. Cơ chi trên
 - 3.1. Vùng nách
 - 3.2. Khu cánh tay
 - 3.2.1. Khu cánh tay trước
 - 3.2.2. Khu cánh tay sau
 - 3.3. Khuỷu
 - 3.3.1. Khu khuỷu trước
 - 3.3.2. Khu khuỷu sau
 - 3.4. Cẳng tay
 - 3.4.1. Khu cẳng tay trước
 - 3.4.2. Khu cẳng tay sau
 - 3.5. Cổ tay, bàn tay, ngón tay
 - 3.5.1. Khu cổ tay
 - 3.5.2. Khu bàn, ngón tay
 - 4. Cơ chi dưới
 - 4.1. Vùng mông
 - 4.1.1. *Lớp nông*
 - 4.1.2. *Lớp giữa*
 - 4.1.3. *Lớp sâu*
 - 4.1.4. *Mạch máu, thần kinh*
 - 4.2. Vùng đùi

- 4.2.1. Khu đùi trước
- 4.2.2. Khu đùi trong
- 4.2.3. Khu đùi sau
- 4.3. Vùng khoeo
 - 4.3.1. Các thành của khoeo
 - 4.3.2. Các thành phần đựng trong khoeo
- 4.4. Vùng cẳng chân
 - 4.4.1. Khu cẳng chân trước
 - 4.4.2. Khu cẳng chân ngoài
 - 4.4.3. Khu cẳng chân sau
- 4.5. Vùng cổ, bàn, ngón chân
 - 4.5.1. Vùng cổ chân
 - 4.5.2. Vùng bàn ngón chân

Bài 4. ĐẠI CƯƠNG VỀ DA

Mục tiêu:

- Trình bày được vai trò, tác dụng của da đối với cơ thể con người
- Trình bày được chức năng và cấu tạo, phân loại da và bộ phận phụ của da.

Nội dung:

1. Khái niệm và đặc điểm của da
2. Chức năng của da
3. Cấu tạo da
4. Chức năng của bộ phận phụ của da
 - 4.1. Chức năng của các nang
 - 4.2 Chức năng của tuyến mồ hôi
 - 4.3 Chức năng của tuyến bã nhờn
5. Cấu tạo của nang
6. Cấu tạo của tuyến mồ hôi
7. Cấu tạo của tuyến bã nhờn
8. Phân loại da

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

1. Điều kiện về giáo viên

- Đối với giáo viên, giảng viên: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên – chuyên ngành y; có đầy đủ các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học, sư phạm theo yêu cầu của Thông tư 08/2017-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị

- + Có phòng học lý thuyết, phòng thực hành đảm bảo quy định;
- + Có đủ thiết bị theo danh mục thiết bị dụng cụ tối thiểu:
- Nguyên vật liệu:
 - + Mô hình, Máy chiếu, tranh ảnh, thiết bị chuyên dụng theo nội dung từng bài học, dụng cụ và trang thiết bị

- Học liệu:
 - + Giáo trình mô đun;
 - + Vở; viết; tài liệu; bảng; bút viết bảng.
- Các nguồn lực khác:
 - + Phòng học thực hành chuyên môn;
 - + Trang phục thực hành.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức: Trình bày được những đặc điểm cơ bản nhất về cấu trúc giải phẫu và chức năng của các hệ cơ quan trong cơ thể người.
- Kỹ năng: Nhận biết, mô tả được đặc điểm giải phẫu, ứng dụng được những kiến thức của môn học vào các môn chuyên ngành khác.
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm: Sinh viên tích cực tự học, tham gia các buổi giảng, thực hiện tốt mục tiêu của từng bài học; bảo quản và giữ gìn đồ dùng học tập trong phòng học.

2. Phương pháp:

STT	Điểm	Quy định	Hệ số	Ghi chú
1	Điểm thành phần:		40%	
	Lý thuyết:			
	Đánh giá thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài ở nhà	- 12 tiết dự học/15 tiết - Tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp	1	
	Điểm thường xuyên	- Số bài kiểm tra viết: 01 thời gian 30 phút.		
	Thực hành			
	Đánh giá thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài ở nhà.	- Tham dự 30/30 tiết - Tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp	2	
	Điểm định kỳ	- 01 Điểm của phần vấn đáp thực hành		
2	Thi kết thúc học phần	- Thi trắc nghiệm (60 phút)	60%	

Điều kiện thi:

- Sinh viên tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, thực hành.
- Sinh viên phải có điểm trung bình kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học này là môn cơ sở bắt buộc đối với tất cả các đối tượng học sinh theo học trung cấp tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp
2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:
 - Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Hướng dẫn sinh viên tự học, đánh giá kết quả.
 - + Chuẩn bị đầy đủ kế hoạch bài giảng, giáo án, giáo trình khi lên lớp
 - + Quản lý và tổ chức dạy học
 - + Thực hiện xét điều kiện thi, làm điểm thi đúng theo quy định.
 - + Tích cực học tập nâng cao trình độ và đổi mới phương pháp giảng dạy đáp ứng mục tiêu của bài học.
- Đối với người học:
- + Sinh viên chuẩn bị phần tự học dưới sự hướng dẫn của giáo viên trước khi đến lớp.
 - + Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% tiết học lý thuyết trên lớp và đầy đủ bài thực hành
 - + Chuẩn bị đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo, đọc tài liệu và chuẩn bị các ý kiến để thảo luận trong giờ học.
 - + Đồng phục khi thực hành, chấp hành nghiêm túc nội qui thực hành
 - + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
 - + Thái độ học tập nghiêm túc, bảo quản dụng cụ, mô hình trong các phòng học.
 - + Tham gia kỳ thi kết thúc học phần

3. Những trọng tâm cần chú ý:

Tất cả các bài trong chương trình

4. Tài liệu:

4.1. Tài liệu dạy / học:

- Tài liệu giải phẫu sinh lý trường trung cấp kỹ thuật Y Dược Hà Nội (1)

1.2. Tài liệu tham khảo:

- Đại học Y Hà Nội, Giải Phẫu, Nhà xuất bản Y học (2)
- Bộ môn sinh lý học, Đại học y Hà Nội. Sinh lý học tập 1,2. Nhà xuất bản y học, 2006. (3)
- Atlas giải phẫu người. (4)
- Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học : **Phòng chống lây nhiễm các bệnh qua đường máu, dịch sinh học và dịch tiết cơ thể.**

Mã môn học: MH 11

Thời gian thực hiện môn học: 2 tín chỉ - 45 giờ; (Lý thuyết:15 giờ; Thực hành: 28 giờ; Kiểm tra 02 giờ và 45giờ tự học)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:Môn học được thực hiện sau khi sinh viên học xong các môn học ..
- Tính chất:Là môn học tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. Mục tiêu môn học:

Về kiến thức:

- Trình bày được sự cố y khoa trong thẩm mỹ, làm đẹp; và các biện pháp phòng ngừa sai sót trong quá trình làm đẹp.
- Trình bày được các phương pháp phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn trong các cơ sở thẩm mỹ.
- Trình bày được nội dung phòng ngừa chuẩn, cách phân loại và xử lý rác thải trong các cơ sở thẩm mỹ.
- Trình bày được các bệnh lây nhiễm qua đường máu dịch tiết và các biện pháp phòng ngừa.

Về kỹ năng

- Phân loại và xử lý chất thải trong các cơ sở phun xăm thẩm mỹ, spa
- Biết được cách Phòng chống bệnh lây nhiễm qua đường máu và dịch tiết;
- Sơ cứu và xử lý nguy cơ lây nhiễm qua đường máu và dịch tiết trong các cơ sở phun xăm thẩm mỹ, spa

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	TH/TL	Kiểm tra
1	Bài 1: Các sự cố y khoa trong thẩm mỹ làm đẹp 1. Đại cương 2. Định nghĩa 3. Phân loại 4. Sự cố y khoa trong quá trình làm đẹp 5. Biện pháp phòng ngừa	05	03	02	
1	Bài 2: Phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn 1. Khái niệm 2. Khử khuẩn 3. Tệt khuẩn 4. Nguyên tắc	10	03	07	

	5. Phân loại dụng cụ 6. Phương pháp				
2	Bài 3 .Phân loại và xử lý rác thải trong các cơ sở thẩm mỹ 1. Khái niệm 2. Phân loại 3. Thu gom 4. Vận chuyển 5. Lưu trữ 6. Xử lý và tiêu hủy	10	02	07	
	Bài 4: Phòng ngừa chuẩn 1. Khái niệm 2. Nội dung 3. Rửa tay 4. Đi găng 5. Mang khẩu trang 6. Mặc áo choàng, tạp dề	10	02	08	
	Bài 5. Các bệnh lây nhiễm qua đường máu dịch tiết và biện pháp phòng chống	10	05	04	
		45	15	28	02

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1 : Các sự cố y khoa trong thẩm mỹ làm đẹp

1. Đại cương
2. Định nghĩa
3. Phân loại
4. Sự cố y khoa trong quá trình làm đẹp
5. Biện pháp phòng ngừa

Bài 2: Phòng và kiểm soát nhiễm khuẩn

1. Mục tiêu
 - Trình bày được khái niệm khử khuẩn, tiệt khuẩn và nguyên tắc khử khuẩn/tiệt khuẩn.
 - Phân loại được dụng cụ tiến hành khử khuẩn/tiệt khuẩn.
 - Nêu được phương pháp tiến hành khử khuẩn/tiệt khuẩn dụng cụ.
2. Nội dung
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.1.1. Khử khuẩn
 - 2.1.2. Tiệt khuẩn
 - 2.2. Nguyên tắc
 - 2.3. Phân loại dụng cụ
 - 2.3.1. Dụng cụ tiệt khuẩn
 - 2.3.2. Dụng cụ khử khuẩn
 - 2.4. Phương pháp

Bài 3 .Phân loại và xử lý rác thải trong các cơ sở thẩm mỹ

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm và cách phân loại chất thải bệnh viện.
- Kể các loại bao bì đựng, vận chuyển chất thải rắn trong các cơ sở y tế.
- Trình bày được cách phân loại, thu gom, vận chuyển và lưu trữ chất thải rắn tại các cơ sở y tế.
- Trình bày được các phương pháp xử lý chất thải y tế.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Phân loại

2.3. Thu gom

2.4.Vận chuyển

2.5.Lưu trữ

2. 6.Xử lý và tiêu hủy

Bài 4: PHÒNG NGỪA CHUẨN

1. Mục tiêu

- Trình bày được tầm quan trọng phòng ngừa chuẩn và các nội dung phòng ngừa chuẩn.
- Thực hiện được các nội dung phòng ngừa chuẩn.

2. Nội dung

1.Khái niệm

2.Nội dung

2.1. Rửa tay

2.2. Đi găng

2.3. Mang khẩu trang

2.4. Mặc áo choàng, tạp dề

Bài 5. Các bệnh lây nhiễm qua đường máu dịch tiết và biện pháp phòng chống

1. 1. Mục tiêu

2. Nội dung

2.1 Đại cương

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

1. Điều kiện về giáo viên

- Đối với giáo viên, giảng viên: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên – chuyên ngành; có đầy đủ các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học, sư phạm theo yêu cầu của Thông tư 08/2017-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị

- + Có phòng học lý thuyết, phòng thực hành đảm bảo quy định;
- + Có đủ thiết bị theo danh mục thiết bị dụng cụ tối thiểu:
- Nguyên vật liệu:
 - + Máy chiếu, tranh ảnh, thiết bị, dụng cụ chuyên dụng theo nội dung từng bài học
- Học liệu:

- + Giáo trình mô đun;
- + Vở; viết; tài liệu; bảng; bút viết bảng.
- Các nguồn lực khác:
- + Phòng học thực hành chuyên môn

V. Phương pháp đánh giá

STT	Điểm	Quy định	Hệ số	Ghi chú
1	Điểm thành phần:		40%	
	Lý thuyết:			
	Đánh giá thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài ở nhà	- 12 tiết dự học/15 tiết - Tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp	1	
	Điểm thường xuyên	- Số bài kiểm tra viết: 01 thời gian 30 phút.		
	Thực hành			
	Đánh giá thái độ thảo luận, chuyên cần, chuẩn bị bài ở nhà.	- Tham dự 30/30 tiết - Tham gia ý kiến xây dựng bài trên lớp	2	
	Điểm định kỳ	- 01 Điểm của phần vấn đáp thực hành		
2	Thi kết thúc học phần	- Thi trắc nghiệm (60 phút)	60%	

Điều kiện thi:

- Sinh viên tham dự ít nhất 70% thời gian học lý thuyết và đầy đủ các bài học tích hợp, thực hành.
- Sinh viên phải có điểm trung bình kiểm tra đạt từ 5.0 trở lên theo thang điểm 10.

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học: Môn học này là môn cơ sở bắt buộc đối với tất cả các đối tượng học sinh theo học trung cấp tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Hướng dẫn sinh viên tự học, đánh giá kết quả.
- + Chuẩn bị đầy đủ kế hoạch bài giảng, giáo án, giáo trình khi lên lớp
- + Quản lý và tổ chức dạy học
- + Thực hiện xét điều kiện thi, làm điểm thi đúng theo quy định.
- + Tích cực học tập nâng cao trình độ và đổi mới phương pháp giảng dạy đáp ứng mục tiêu của bài học.

- Đối với người học:

- + Sinh viên chuẩn bị phần tự học dưới sự hướng dẫn của giáo viên trước khi đến lớp.

- + Sinh viên phải tham gia tối thiểu 70% tiết học lý thuyết trên lớp và đầy đủ bài thực hành
- + Chuẩn bị đầy đủ giáo trình và tài liệu tham khảo, đọc tài liệu và chuẩn bị các ý kiến để thảo luận trong giờ học.
- + Đồng phục khi thực hành, chấp hành nghiêm túc nội qui thực hành
- + Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/bài tập và được đánh giá kết quả thực hiện.
- + Thái độ học tập nghiêm túc, bảo quản dụng cụ, mô hình trong các phòng học.
- + Tham gia kỳ thi kết thúc học phần

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Tất cả các bài học

4. Tài liệu: Giáo trình Kiểm soát nhiễm khuẩn – Trường Trung cấp Kỹ thuật Y Dược Hà Nội (lưu hành nội bộ)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên môn học: Chăm sóc da cơ bản

Mã môn học: MH 12

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ; (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 60 giờ ; Kiểm tra 10 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:

+ Mô đun Chăm sóc da cơ bản là mô đun chuyên môn nghề trong chương trình môn học, mô đun đào tạo trình độ Sơ cấp nghề Chăm sóc da.

+ Mô đun Chăm sóc da cơ bản được bố trí dạy đầu tiên trước khi giảng dạy các mô đun khác trong chương trình đào tạo Sơ cấp nghề Chăm sóc da..

- Tính chất:

+ Mô đun Chăm sóc da cơ bản là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành trực tiếp trên người mẫu.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức:

+ Phân biệt được các loại da và tình trạng da

+ Phân tích được làn da

+ Thực hiện các thao tác chăm sóc da cơ bản

- Về kỹ năng:

+ Phân biệt được các loại da và tình trạng da

+ Thành thạo Phân tích được làn da

+ Thành thạo thực hiện các thao tác chăm sóc da cơ bản

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Cấu tạo và chức năng của da	7	2	5	
2	Bài 2: Các bước chăm sóc da cơ bản	7	2	5	
3	Bài 3: Làm sạch sâu	18	3	10	5
4	Bài 4: Kỹ thuật Massage mặt	13	3	10	

5	Bài 5: Mặt nạ dẻo và mặt nạ thạch cao	13	3	10	
6	Bài 6: Tẩy lông	8	3	5	
7	Bài 7: Massage body	9	4	5	
8	Ôn tập và kiểm tra	15	0	10	5
	Tổng cộng	90	20	60	10

* Ghi chú: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết, kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành.

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Cấu tạo và chức năng của da

Mục tiêu:

- Hiểu được cấu trúc của da
- Nhận biết các đặc điểm, khái niệm da
- Nhận biết các chức năng của da

Nội dung:

1. Chức năng của da
2. Cấu tạo da
3. Phân loại da
4. Các khái niệm thuật ngữ

Bài 2: Các bước chăm sóc da cơ bản

Mục tiêu:

- Hiểu được quy trình chăm sóc da cơ bản,
- Nắm được nội dung của làm sạch da,
- Thành thạo kỹ thuật làm sạch da.

Nội dung:

1. Làm sạch da
2. Thứ tự các bước làm sạch da
3. Thực hành

Bài 3: Làm sạch sâu

Mục tiêu:

- Nắm được các chủng loại làm sạch sâu
- Hiểu được mục đích và hiệu quả của kỹ thuật làm sạch sâu;
- Thành thạo các kỹ thuật làm sạch sâu với AHA, enzyme, tẩy da chết dạng hạt, tẩy da chết dạng kỳ;
- Vệ sinh, an toàn dụng cụ, đồ nghề chuyên dụng trong ngành chăm sóc da thẩm mỹ

Nội dung:

1. Mục đích của việc làm sạch sâu
2. Hiệu quả của việc làm sạch sâu
3. Thực hành kỹ thuật làm sạch sâu với AHA, enzyme, tẩy da chết dạng hạt, tẩy da chết dạng kỳ

Bài 4: Kỹ thuật Massage mặt

Mục tiêu:

- Nắm được mục đích và hiệu quả của kỹ thuật Massage mặt;
- Hiểu được các thao tác của kỹ thuật Massage mặt
- Thực hiện quần khăn đầu theo đúng quy trình kỹ thuật

Nội dung:

1. Mục đích của kỹ thuật Massage mặt
2. Hiệu quả của kỹ thuật Massage mặt
3. Cơ và các chức năng để Massage mặt.
4. Thứ tự các thao tác của kỹ thuật Massage mặt
5. Thực hành kỹ thuật Massage mặt

Bài 5: Mặt nạ dẻo, thạch cao

Mục tiêu:

- Chuẩn bị được nguyên liệu, dụng cụ, thiết bị phục vụ quá trình thoa kem đắp dưỡng da và đắp mặt nạ.
- Hiểu được sự khác nhau giữa mặt nạ và kem đắp dưỡng da;
- Thành thạo các kỹ thuật thoa kem đắp dưỡng da và đắp mặt nạ dẻo, thạch cao.

Nội dung:

1. Sự khác nhau giữa mặt nạ và kem đắp dưỡng da
2. Kỹ thuật thoa kem đắp dưỡng da
3. Kỹ thuật đắp mặt nạ dẻo
4. Kỹ thuật đắp mặt nạ thạch cao
5. Thực hành thoa kem đắp dưỡng da và mặt nạ dẻo.

Bài 6: Tẩy lông

Mục tiêu:

- Nắm được các dụng cụ tẩy lông: dụng cụ, mỹ phẩm,..
- Biết được các thao tác wax lông
- Thành thạo các thao tác wax lông.

Nội dung:

1. Giới thiệu dụng cụ
2. Làm sạch
3. Thứ tự các thao tác wax lông.

Bài 7: Massage body

Mục tiêu:

- Thực hiện các thao tác chăm sóc body
- Hiểu được nguyên lý và chiều hướng của các thao tác trong massage body
- Mục đích của việc quản lý từng phần cơ thể.
- Thành thạo thao tác chăm sóc body

Nội dung:

1. Massage tay
2. Massage chân

3. Massage lưng

4. Massage bụng và ngực

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

1. Điều kiện về giáo viên

- Đối với giáo viên, giảng viên: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên – chuyên ngành; có đầy đủ các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học, sư phạm theo yêu cầu của Thông tư 08/2017-BLĐT BXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

+ Học tại phòng học lý thuyết/phòng học thực hành/phòng tích hợp

+ Học tại phòng học thực hành Chăm sóc da

- Trang thiết bị máy móc:

+ Máy soi da, tivi

+ Máy tính, máy chiếu

- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;

- Các bài tập thực hành;

- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

* Học liệu:

+ Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;

+ Các bài tập thực hành;

+ Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

* Nguyên vật liệu:

+ Bộ sản phẩm chăm sóc cho mọi loại da

+ Bộ sản phẩm chăm sóc da tổn thương, wax lông, nguyên vật liệu, mỹ phẩm chăm sóc da.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Hiểu được khái niệm, cấu tạo, cấu trúc da

+ Nhận biết các loại da, tình trạng da

+ Xác định được làn da, chức năng của da

+ Nắm được kiến thức chăm sóc da cơ bản.

+ Biết được các thao tác đắp mặt nạ, làm sạch sâu, wax lông.

- Kỹ năng:

+ Thực hiện chăm sóc da cơ bản thành thạo

+ Phân tích được làn da

+ Thực hiện làm sạch da thành thạo

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

+ Giải quyết vấn đề về an toàn lao động trong những điều kiện thay đổi.

2. Phương pháp:

- + Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm
- + Phương pháp kiểm tra tự luận
- + Phương pháp thực hành kiểm tra tại chỗ

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- + Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ trung cấp Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

- + Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.
- + Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.

- Đối với người học:

- + Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- + Hiểu được khái niệm, cấu tạo, cấu trúc da
- + Nhận biết các loại da, tình trạng da
- + Xác định được làn da, chức năng của da
- + Nắm được kiến thức chăm sóc da cơ bản.
- + Biết được các thao tác đắp mặt nạ, làm sạch sâu, wax lông.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc.
- Giáo trình của Dermalogica của Mỹ.
- Giáo trình của Shisido Nhật Bản.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên môn học: Chăm sóc da nâng cao

Mã môn học: MH 13

Thời gian thực hiện môn học: 75 giờ; (Lý thuyết: 10 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 55 giờ ; Kiểm tra 10 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Chăm sóc da nâng cao là một mô đun học của Chăm sóc da, giúp học viên hiểu và thành thạo được những bước điều trị da, sau khi nắm rõ và phân loại được các loại da.
- Tính chất: Mô đun học này được thực hiện trong chương trình đào tạo cao đẳng của Bộ môn Chăm sóc da

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức:
 - + Nguyên nhân và đặc trưng của các vấn đề về da
 - + Sinh viên phải tích lũy đủ số giờ học theo quy định. Tham gia đầy đủ các giờ học lý thuyết và thực hành.
 - + Trình bày được các bệnh lý về da
 - + Trình bày được Thuốc bôi ngoài da
- Về kỹ năng:
 - + Thực hành điều trị được các bệnh lý về da
 - + Ứng dụng được Thuốc bôi ngoài da
 - + Sinh viên phải có được tính cẩn thận và sáng tạo trong các buổi học..
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
 - + Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Đại cương về bệnh da và hoa liễu	1	1		
2	Bệnh về da	8	2	6	
3	Thuốc bôi ngoài da	8	1	7	
4	Điều trị nám da	13	1	7	5
5	Điều trị mụn	8	1	7	
6	Điều trị da lão hóa	8	1	7	

7	Điều trị da giãn mao mạch	8	1	7	
8	Điều trị sẹo	8	1	7	
9	Điều trị da bị kích ứng	8	1	7	
10	Thi kiểm tra kết thúc modul	5			5
	Tổng cộng	75	10	55	10

* Ghi chú: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết, kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành.

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Đại cương về bệnh da và hoa liễu

Mục tiêu:

- Trình bày được tình hình bệnh da liễu trong nhân dân
- Nắm được nguyên nhân hình thành bệnh lý của da
- Trình bày được tác hại

Nội dung:

1. Tình hình bệnh da liễu trong nhân dân
2. Nguyên nhân hình thành bệnh lý của da
3. Phương pháp phương hướng xây dựng ngành nghề

Bài 3: Bệnh về da

Mục tiêu:

- Trình bày được các loại bệnh về da
- Nắm được nguyên nhân hình thành các bệnh lý
- Trình bày được các biểu hiện các bệnh lý
- Phương pháp điều trị

Nội dung:

1. Bệnh rụng tóc
 - 1.1. Biểu hiện
2. Vẩy nến
3. Viêm da cơ địa
4. Mụn cơm
5. Bệnh Zona
6. Lang ben
7. Tổ đũa
8. Một số chứng bệnh khác

Bài 4: Thuốc bôi ngoài da

Mục tiêu:

- Trình bày được nguồn gốc cơ chế của thuốc bôi ngoài da
- Trình bày được sự hấp thu của thuốc bôi ngoài da
- Trình bày được một số biệt dược bôi ngoài da

Nội dung:

1. Nguồn gốc của thuốc bôi ngoài da
2. Cơ chế tác dụng của thuốc bôi ngoài da

3. Sự hấp thu của thuốc bôi ngoài da
4. Một số biệt dược thuốc bôi ngoài da
5. Một số chú ý khi dùng thuốc bôi ngoài da

Bài 5: Điều trị nám da

Mục tiêu:

- Nắm được biểu hiện da nám
- Trình bày được nguyên nhân hình thành da nám
- Trình bày các hoạt chất làm giảm hắc tố

Nội dung:

1. Biểu hiện của da nám
2. Nguyên nhân hình thành da nám
3. Nguyên tắc điều trị da nám
4. Hoạt chất làm giảm hắc tố
5. Các phương pháp điều trị da nám

Bài 6: Điều trị da mụn

Mục tiêu:

- Nắm được biểu hiện của da mụn
- Nắm được nguyên nhân hình thành da mụn
- Nắm được các cấp bậc của mụn
- Trình bày được các hoạt chất trong điều chế mỹ phẩm cho da dầu mụn

Nội dung:

1. Biểu hiện
2. Nguyên nhân hình thành
3. Nguyên tắc điều trị
4. Hoạt chất điều trị da mụn trong mỹ phẩm hiện nay
5. Hướng dẫn chăm sóc tại nhà

Bài 7: Điều trị da lão hóa

Mục tiêu:

- Nắm được biểu hiện của da lão hoá
- Nắm được nguyên nhân hình thành da lão hóa
- Nắm được nguyên tắc phục hồi da lão hóa

Nội dung:

1. Biểu hiện
2. Nguyên nhân hình thành
3. Nguyên tắc điều trị
4. Hoạt chất điều trị da mụn trong mỹ phẩm hiện nay
5. Hướng dẫn chăm sóc tại nhà

Bài 8: Điều trị da giãn mao mạch

Mục tiêu:

- Nắm được đặc điểm của da giãn mao mạch
- Nắm được quy trình hình thành da giãn mao mạch

- Trình bày được quy trình chăm sóc và điều trị da lão hóa

Nội dung:

1. Biểu hiện
2. Nguyên nhân hình thành
3. Nguyên tắc điều trị
4. Hoạt chất điều trị da mụn trong mỹ phẩm hiện nay
5. Hướng dẫn chăm sóc tại nhà

Bài 9: Điều trị sẹo

Mục tiêu:

- Nắm được nguyên nhân hình thành sẹo
- Phân tích được quy trình hình thành sẹo
- Phân tích được các biện pháp điều trị sẹo

Nội dung:

1. Phân loại sẹo
2. Nguyên nhân hình thành sẹo
3. Phương pháp điều trị sẹo
 - 3.1. Điều trị sẹo lõm
 - 3.2. Điều trị sẹo nổi
 - 3.3. Điều trị rạn da

Bài 10: Chăm sóc da bị kích ứng

Mục tiêu:

- Nắm được nguyên nhân
- Phân tích được quy trình hình thành
- Phân tích được các biện pháp điều trị

Nội dung:

1. Biểu hiện da bị kích ứng
2. Nguyên nhân hình thành da bị kích ứng
3. Phương pháp điều trị

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

1. Điều kiện về giáo viên

- Đối với giáo viên, giảng viên: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên – chuyên ngành; có đầy đủ các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học, sư phạm theo yêu cầu của Thông tư 08/2017-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- + Học tại phòng học lý thuyết/phòng học thực hành/phòng tích hợp
- + Học tại phòng học thực hành Chăm sóc da

- Trang thiết bị máy móc:

- + Máy soi da, tivi
- + Máy tính, máy chiếu

- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.
- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:
- * Học liệu:
 - + Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
 - + Các bài tập thực hành;
 - + Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.
- * Nguyên vật liệu:
 - + Bộ sản phẩm chăm sóc cho mọi loại da
 - + Bộ sản phẩm chăm sóc da tổn thương, wax lông, nguyên vật liệu, mỹ phẩm chăm sóc da.

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:
 - + Hiểu được khái niệm, cấu tạo, cấu trúc da
 - + Nhận biết các loại da, tình trạng da
 - + Xác định được làn da, chức năng của da
 - + Nắm được kiến thức chăm sóc da cơ bản.
 - + Biết được các thao tác đắp mặt nạ, làm sạch sâu, wax lông.
- Kỹ năng:
 - + Thực hiện chăm sóc da cơ bản thành thạo
 - + Phân tích được làn da
 - + Thực hiện làm sạch da thành thạo
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
 - + Giải quyết vấn đề về an toàn lao động trong những điều kiện thay đổi.

2. Phương pháp:

- + Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm
- + Phương pháp kiểm tra tự luận
- + Phương pháp thực hành kiểm tra tại chỗ

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- + Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ trung cấp Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
 - + Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.
 - + Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.
- Đối với người học:

+ Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- + Hiểu được khái niệm, cấu tạo, cấu trúc da
- + Nhận biết các loại da, tình trạng da
- + Xác định được làn da, chức năng của da
- + Nắm được kiến thức chăm sóc da cơ bản.
- + Biết được các thao tác đắp mặt nạ, làm sạch sâu, wax lông.

4. Tài liệu tham khảo:

- Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc.
- Giáo trình của Dermalogica của Mỹ.
- Giáo trình của Shisido Nhật Bản.

5. Ghi chú và giải thích (nếu có)

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên môn học: Kỹ thuật vẽ móng cơ bản

Mã môn học: MH 14

Thời gian thực hiện môn học: 150 giờ (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 120 giờ ; Kiểm tra 10 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Mô đun Thực hành làm móng là mô đun chuyên môn nghề trong chương trình môn học, mô đun đào tạo trình độ cao đẳng Chăm sóc sắc đẹp. Mô đun Vẽ móng nghệ thuật là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành trực tiếp trên tay người mẫu.

- Tính chất: Mô đun Vẽ móng nghệ thuật là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành trực tiếp trên người mẫu.

II. Mục tiêu môn học

- Về kiến thức:

- Nhận dạng trang thiết bị; dụng cụ; đồ nghề Vẽ móng nghệ thuật

-Thành thạo công dụng;cách dùng trang thiết bị;dụng cụ,mỹ phẩm nghề Vẽ móng nghệ thuật

- Thực hiện phân tích móng, xác định loại móng thành thạo trước khi vẽ móng

- Chăm sóc móng trước và sau khi vẽ móng thành thạo

- Về kỹ năng:

- Thực hiện quy trình sơn dưỡng, sơn nền, sơn French đầu móng;

- Thành thạo thực hiện kỹ năng tạo màu loang cho móng;

- Nhuận nhuễn các thao tác kỹ năng sơn màu nền, làm móng sơn thủy.

- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.

+ Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Giới thiệu về trang thiết bị, dụng cụ Vẽ móng nghệ thuật	2	2		
2	Chăm sóc và tạo hình móng	12	2	10	
3	Kỹ thuật sơn móng	24	2	20	2
4	Kỹ thuật vẽ cọ nét	12	2	10	
5	Kỹ thuật vẽ cọ râu	12	2	10	

6	Kỹ thuật vẽ cọ bản vuông	12	2	10	
7	Kỹ thuật đính hạt	12	2	10	2
8	Kỹ thuật vẽ cọ 2 trong 1, 3 trong 1, 4 trong 1	14	2	10	2
9	Kỹ thuật đắp móng bột	24	2	20	2
10	Kỹ thuật đắp móng gel	24	2	20	2
	Cộng	150	20	120	10

* Ghi chú: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết, kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành.

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Giới thiệu về trang thiết bị, dụng cụ Vẽ móng nghệ thuật

Mục tiêu:

- Nắm vững các dụng cụ, đồ nghề, mỹ phẩm nghề Vẽ móng nghệ thuật;
- Nhận dạng được dụng cụ, đồ nghề, mỹ phẩm nghề Vẽ móng nghệ thuật thành thạo;
- Nắm vững các phương pháp vệ sinh kèm bấm, kèm cắt, dũa;
- Thực hiện an toàn vệ sinh an toàn bộ cọ vẽ móng;
- Nghiêm túc, chu đáo, cẩn thận, nhiệt tình sôi nổi trong học tập.

Nội dung:

1. Giới thiệu chung về dụng cụ làm móng nghệ thuật:

1.1 Dụng cụ sửa móng

1.2 Các loại sơn móng

1.3 Máy làm móng

2. Cách sử dụng các loại máy:

2.1 Dũa

2.2 Kìm, cắt

2.3 Máy mài

2.4 Máy sấy móng

3. Cách bảo quản các loại dụng cụ

Bài 2: Chăm sóc và tạo hình móng

Mục tiêu:

- Sự cần thiết phải thực hiện Chăm sóc móng trước và sau khi làm móng,
- Biết được các dáng móng cơ bản, thực hành tạo hình trên móng giả và móng thật;
- Giới thiệu các trang thiết bị mô đun chăm sóc, chỉnh sửa, tạo hình và sơn móng cơ bản.

Nội dung:

1. Giới thiệu về các sản phẩm dưỡng móng:

1.1 Kem dưỡng

1.2 Sơn dưỡng

2. Sự cần thiết của chăm sóc móng

3. Kỹ thuật nhặt da, cắt móng bằng kìm

4. Các dáng móng cơ bản:

- 4.1 Móng tròn
- 4.2 Móng bầu
- 4.3 Móng vuông
- 4.4 Móng nhọn
- 4.5 Móng vuông bầu

5. Thực hành

6. Kiểm tra

Bài 3: Kỹ thuật sơn móng

Mục tiêu:

- Chuẩn bị dụng cụ đầy đủ trước khi thực hiện sơn nền móng;
- Trình bày được phương pháp sơn nền móng 1 lớp và sơn nền móng 2 lớp, sơn đầu móng,...
- Quan sát và thực hành sơn nền móng thành thạo;
- Cẩn thận, tỉ mỉ trong quá trình học tập, rèn luyện kỹ năng phân biệt và nhận biết các dạng mũi.

Nội dung:

- 1. Chuẩn bị dụng cụ
- 2. Kỹ thuật sơn nền móng 1 lớp
- 3. Kỹ thuật sơn nền móng 2 lớp
- 4. Sơn French đầu móng
 - 4.1 Sơn đầu móng trắng
 - 4.2 Sơn đầu móng nhiều màu
- 5. Tạo màu loang cho móng
 - 5.1 Tạo bằng mút
 - 5.2 Tạo bằng chổi chuyên dụng
 - 5.3 Tạo bằng pha màu nhúng nước
- 6. Kỹ thuật sơn móng sơn thủy

Bài 4: Kỹ thuật vẽ cọ nét

Mục tiêu:

- Nhận biết được cọ nét trong Vẽ móng nghệ thuật;
- Biết được cách sử dụng cọ nét;
- Thành thạo vẽ các loại hoa bằng cọ nét

Nội dung:

- 1. Tìm hiểu về cọ nét:
 - 1.1 Cách sử dụng:
 - 1.2 Cách bảo quản
- 2. Vẽ hoa bằng cọ nét
 - 2.1 Hoa 5 cánh
 - 2.2 Hoa cúc
 - 2.3 Hoa hồng

- 2.4 Hoa phẩy
- 2.5 Hoa trái tim
- 2.6 Vẽ bướm
- 3. Thực hành
- 4. Kiểm tra

Bài 5: Kỹ thuật vẽ cọ râu

Mục tiêu:

- Nhận biết được cọ râu trong Vẽ móng nghệ thuật;
- Biết được cách sử dụng cọ râu và những ứng dụng của cọ râu trong vẽ móng nghệ thuật;
- Thành thạo vẽ các loại hoa bằng cọ râu.

Nội dung:

- 1. Giới thiệu chung về cọ râu:
 - 1.1 Công dụng:
 - 1.2 Cách sử dụng
- 2. Vẽ các loại hoa bằng cọ râu:
 - 2.1 Hoa 5 cánh
 - 2.2 Hoa cúc
 - 2.3 Hoa hồng
 - 2.4 Hoa phẩy
 - 2.5 Hoa trái tim
 - 2.6 Vẽ bướm
- 3. Thực hành
- 4. Kiểm tra

Bài 6: Kỹ thuật vẽ cọ bản vuông

Mục tiêu:

- Nhận biết được cọ bản vuông trong Vẽ móng nghệ thuật;
- Biết được cách sử dụng cọ bản vuông và những ứng dụng của cọ bản vuông trong vẽ móng nghệ thuật;
- Thành thạo vẽ các loại hoa bằng cọ bản vuông.

Nội dung:

- 1. Giới thiệu chung về cọ bản vuông:
 - 1.1 Công dụng
 - 1.2 Cách sử dụng
- 2. Vẽ các loại hoa bằng cọ bản vuông:
 - 2.1 Hoa 5 cánh
 - 2.2 Hoa tròn
 - 2.3 Con cá
 - 2.4 Hoa ly
 - 2.5 Hoa phẩy
 - 2.6 Bướm

- 2.7 Hoa hồng
- 2.8 Vẽ lá
3. Thực hành
4. Kiểm tra
- 5.

Bài 7: Kỹ thuật đánh hạt

Mục tiêu:

- Nêu lên được phương pháp đánh bi, đánh đá, rắc xà cừ.
- Chuẩn bị dụng cụ, nguyên vật liệu cho quá trình đánh bi, đánh đá, rắc xà cừ,...
- Thao tác kỹ năng đánh hạt trang trí thành thạo, chính xác;
- Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ khi thực hiện các thao tác; đảm bảo an toàn và vệ sinh thẩm mỹ.

Nội dung:

1. Chuẩn bị dụng cụ
2. Phương pháp đánh hạt trang trí
 - 2.1. Lựa chọn hạt trang trí
 - 2.2. Đánh hạt, rắc xà cừ trang trí.
3. Thực hành
4. Kiểm tra

Bài 8: Kỹ thuật vẽ cọ 2 trong 1, 3 trong 1, 4 trong 1

Mục tiêu:

- Nắm vững kỹ thuật sử dụng cọ vẽ móng;
- Chuẩn bị dụng cụ, nguyên vật liệu cho vẽ cọ 2 trong 1, 3 trong 1, 4 trong 1 đầy đủ, nhuần nhuyễn;
- Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ khi thực hiện các thao tác; đảm bảo an toàn và vệ sinh thẩm mỹ.

Nội dung:

1. Chuẩn bị dụng cụ
2. Kỹ thuật vẽ cọ 2 trong 1
3. Kỹ thuật vẽ cọ 3 trong 1
4. Kỹ thuật vẽ cọ 4 trong 1
5. Thực hành
6. Kiểm tra

Bài 9: Kỹ thuật đắp móng bột

Mục tiêu:

- Nắm vững phương pháp đắp hoa nổi ;
- Chuẩn bị được thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu cho quá trình đắp hoa nổi nhuần nhuyễn;
- Thực hiện các thao tác đắp hoa nổi với bột nổi 3D, cách tạo hình công nghệ 3D;
- Rèn luyện tính cẩn thận, tỷ mỉ khi thực hiện các thao tác; đảm bảo an toàn và vệ sinh thẩm mỹ.

Nội dung:

1. Chuẩn bị dụng cụ
2. Cách làm hoa với bột nổi 3D
3. Cách tạo hình công nghệ 3D
4. Kỹ thuật sử dụng cọ đắp
 - 4.1 Sử dụng đắp móng bằng cọ số 11
 - 4.2 Sử dụng đắp móng bằng cọ số 12
 - 4.3 Sử dụng đắp móng bằng cọ số 14
 - 4.4 Sử dụng đắp móng bằng cọ số 16
 - 4.5 Sử dụng đắp móng bằng cọ số 18
5. Kỹ thuật đắp móng bột tự nhiên
6. Kỹ thuật đắp móng trong
7. Kỹ thuật đắp móng trắng hồng

Bài 10: Kỹ thuật đắp móng gel

Mục tiêu:

- Nắm vững quy trình đắp hoa nổi bằng gel khô;
- Chuẩn bị được thiết bị, dụng cụ, nguyên vật liệu cho quá trình đắp hoa nổi bằng gel khô;
- Thực hiện đúng các bước quy trình đắp hoa nổi bằng gel khô thành thạo;
- Rèn luyện tính cẩn thận, tỉ mỉ khi thực hiện các thao tác; đảm bảo an toàn và vệ sinh thẩm mỹ.

Nội dung:

1. Chuẩn bị dụng cụ
2. Đắp hoa nổi bằng gel khô
3. Kỹ thuật đắp móng gel tự nhiên
4. Kỹ thuật đắp móng gel trong
5. Kỹ thuật tạo vân đá trên móng
6. Kỹ thuật tạo hình Chanel, Dior,...trên đầu móng gel.
7. Kỹ thuật tạo móng gel màu
8. Kỹ thuật tạo móng gel nhũ
9. Kỹ năng đắp móng gel trắng hồng

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

1. Điều kiện về giáo viên

- Đối với giáo viên, giảng viên: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên – chuyên ngành; có đầy đủ các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học, sư phạm theo yêu cầu của Thông tư 08/2017-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị

- Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

- + Học tại phòng học lý thuyết/phòng học thực hành/phòng tích hợp
- + Học tại phòng học thực hành móng

- Trang thiết bị máy móc:
 - + Máy tính, máy chiếu
- * Học liệu:
 - + Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
 - + Các bài tập thực hành;
 - + Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.
- * Nguyên vật liệu:
 - + Các loại máy móc dùng trong chăm sóc móng.
 - + Bộ lọ sơn màu, sơn gel các loại
 - + Các loại dung dịch dùng trong chăm sóc móng
 - + Các loại rửa phù hợp dùng trong chăm sóc móng

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:
 - + Trắc nghiệm.
 - + Thực hành trong khu vực các nghề.
- Kỹ năng:
 - + Các phương pháp phối hợp trong trang điểm.
 - + Chăm sóc móng.
 - + Chăm sóc chân
- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.
 - + Giải quyết vấn đề về an toàn lao động trong những điều kiện thay đổi.
 - + Hướng dẫn, giám sát người khác thực hiện các công việc liên quan đến an toàn lao động và chịu trách nhiệm.

2. Phương pháp:

- + Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm
- + Phương pháp kiểm tra tự luận
- + Phương pháp thực hành

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- + Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ trung cấp Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:
 - + Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.
 - + Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.

- Đối với người học:
 - + Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.
- 3. Những trọng tâm cần chú ý:
 - Lịch sử hình thành và phát triển nghề Chăm sóc sắc đẹp
 - Tìm hiểu về Trang điểm, Chăm sóc tay, chân
- 4. Tài liệu tham khảo:
 - Bộ sách của trường YIT Hàn Quốc.
 - Giáo trình của Dermalogica của Mỹ.
 - Giáo trình của Shisido Nhật Bản.
- 5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên môn học: Trang điểm thẩm mỹ

Mã môn học: MH15

Thời gian thực hiện môn học: 90 giờ (Lý thuyết: 25 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 55 giờ ; Kiểm tra 10 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí: Mô đun trang điểm thẩm mỹ là mô đun chuyên môn nghề trong chương trình môn học, mô đun đào tạo trình độ trung cấp Chăm sóc sắc đẹp.

- Tính chất: Mô đun trang điểm thẩm mỹ là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành trực tiếp trên khuôn mặt người mẫu.

II. Mục tiêu môn học:

- Kiến thức:

+ Hiểu được kiến thức trang điểm theo dạng khuôn mặt; trang điểm cơ bản; trang điểm nâng cao;

+ Mô tả được quá trình chỉnh sửa khuyết điểm theo dạng khuôn mặt;

+ Nhận dạng được những khuyết điểm trên khuôn mặt;

+ Phân tích được loại da, dạng khuôn mặt trước khi trang điểm.

- Kỹ năng:

+ Lựa chọn được các màu mắt phù hợp với làn da, áo quần, hoàn cảnh buổi tiệc;

+ Thao tác kỹ năng vẽ chân mày thành thạo;

+ Thực hiện thành thạo kỹ năng trang điểm nền, mắt, môi;

+ Thực hiện thành thạo các thao tác kỹ năng chăm sóc da trước và sau khi trang điểm;

+ Thực hiện thành thạo trang điểm dạng khuôn mặt, chỉnh sửa khuyết điểm, trang điểm các dạng mắt, trang điểm cơ bản, trang điểm lễ cưới;

+ Thực hiện công tác an toàn và vệ sinh trong quá trình chăm sóc khách hàng.

- Thái độ:

+ Cẩn thận, tỉ mỉ, thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng;

+ Rèn luyện kỹ năng đứng trang điểm chuyên nghiệp đảm bảo chất lượng và hiệu quả;

+ Không ngừng học tập nâng cao trình độ để đáp ứng với yêu cầu của nghề trang điểm thẩm mỹ;

+ Yêu ngành, yêu nghề, thái độ học tập tích cực, rèn luyện nỗ lực.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bố thời gian:

STT	Tên chương mục	Thời gian			
		Tổng số	Trong đó		
			Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra

01	Chuẩn bị dụng cụ ; an toàn vệ sinh thẩm mỹ nghề Trang điểm thẩm mỹ	2	02		
02	Trang điểm và chỉnh sửa khuyết điểm các dạng khuôn mặt và mắt	27	06	16	5
03	Trang điểm hằng ngày	12	06	06	
04	Trang điểm cô dâu	22	06	16	
05	Trang điểm sân khấu	27	05	17	5
Tổng cộng		90	25	55	10

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Chuẩn bị dụng cụ ; an toàn vệ sinh thẩm mỹ nghề Trang điểm thẩm mỹ

Mục tiêu:

- Nhận dạng trang thiết bị; dụng cụ; đồ nghề Trang điểm thẩm mỹ
- Thành thạo công dụng; cách dùng trang thiết bị; dụng cụ, mỹ phẩm nghề Trang điểm thẩm mỹ
- Thực hiện phân tích da, xác định loại da thành thạo trước khi trang điểm
- Chăm sóc da trước và sau khi trang điểm thành thạo
- Thái độ học tập nghiêm túc, nỗ lực, sôi nổi ;
- Không ngừng học tập nâng cao trình độ để đáp ứng với yêu cầu của nghề trang điểm thẩm mỹ;

Nội dung

1. Giới thiệu chung dụng cụ đồ nghề
2. Công dụng và cách dùng bộ làm sạch
3. Công dụng và cách dùng bộ trang điểm nền
4. Công dụng và cách dùng sản phẩm làm đẹp chân mày
5. Các phương pháp vệ sinh cơ thể, bông mút trang điểm; Bảo quản

Bài 2: Trang điểm, chỉnh sửa khuyết điểm các dạng khuôn mặt và mắt

Mục tiêu:

- Trình bày được phương pháp chỉnh sửa khuyết điểm; tô điểm làn da và các dạng môi;
- Trình bày được quy trình làm đẹp chân mày; sống mũi và môi và tán má hồng
- Mô tả được quá trình Chỉnh sửa ; tô điểm các dạng mắt và các kiểu tán mắt;
- Thực hiện thành thạo kỹ năng chỉnh sửa khuyết điểm; tô điểm làn da; và các dạng môi;

Nội dung

1. Lựa chọn mỹ phẩm
2. Định dạng gương mặt
3. Nguyên tắc đánh nền
4. Làm đẹp chân mày
5. Làm đẹp môi
6. Làm đẹp sống mũi
7. Tán má hồng
8. Chỉnh sửa các khuyết điểm

9. Tô điểm các dạng mắt

10. Làm đẹp lông mi

11. Kẻ viền mắt nước

Bài 3: TRANG ĐIỂM HẰNG NGÀY

Mục tiêu:

- Nắm được kiến thức ,quy trình trang điểm cơ bản;
- Trình bày được các bước trang điểm công sở ; trang điểm tự nhiên ban ngày và đêm(dạo phố); trang điểm dự tiệc ban ngày và đêm; trang điểm người lớn tuổi ban ngày và đêm
- Thực hiện thành thạo thao tác các bước trang điểm công sở ; trang điểm tự nhiên ban ngày và đêm(dạo phố); trang điểm dự tiệc ban ngày và đêm; trang điểm người lớn tuổi ban ngày và đêm

Nội dung:

1. Chuẩn bị dụng cụ
- 2.Các bước thực hiện trang điểm hằng ngày
3. Trang điểm công sở
4. Trang điểm dự tiệc
5. Trang điểm người lớn tuổi

Kiểm tra

Bài 4: TRANG ĐIỂM CÔ DÂU

Mục tiêu:

- Nắm được kiến thức trang điểm cô dâu;
- Trình bày được quy trình trang điểm cô dâu dự tiệc ngày và đêm, trang điểm chú rể,
- Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ trước khi trang điểm nhàn nhuần;
- Thực hiện đầy đủ quy trình trang điểm cô dâu rước lễ,cô dâu dự tiệc ngày và đêm, cô dâu ngoài trời ,trang điểm chú rể;-Thực hiện các thao tác trang điểm chuyên nghiệp một cách thành thạo;
- Đảm bảo an toàn vệ sinh thẩm mỹ.

Nội dung:

- 1.Trang điểm cô dâu (rước lễ)
2. Trang điểm cô dâu dự tiệc ban ngày và ban đêm
3. Trang điểm cô dâu (ngoài trời)
4. Trang điểm nhẹ chú rể

Bài 5: TRANG ĐIỂM SÂN KHẤU

Mục tiêu:

- Nắm vững kiến thức trang điểm sân khấu ;
- Trình bày được quy trình trang điểm sân khấu, trang điểm quay hình,video,phim ảnh, trang điểm studio, hóa trang nhân vật(ác và thiện);
- Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ trước khi trang điểm;
- Thực hiện thành thạo quy trình trang điểm sân khấu, trang điểm quay hình,video,phim ảnh, trang điểm studio, hóa trang nhân vật (ác và thiện)

Nội dung:

1. Trang điểm trình diễn sân khấu(tự do)
2. Trang điểm quay hình,video,phim ảnh
3. Trang điểm studio (chân dung)
4. Hóa trang nhân vật (thiện)
5. Hóa trang nhân vật (ác)

Kiểm tra

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Điều kiện về giáo viên

- Đối với giáo viên, giảng viên: Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên – chuyên ngành; có đầy đủ các chứng chỉ sư phạm theo yêu cầu của Thông tư 08/2017-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị

- Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

* Học liệu:

- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.
- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;
- Các bài tập thực hành;
- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

* Nguyên vật liệu:

+ Bộ sản phẩm trang điểm

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Về kiến thức:

- + Hiểu được kiến thức trang điểm theo dạng khuôn mặt; trang điểm cơ bản; trang điểm nâng cao;
- + Mô tả được quá trình chỉnh sửa khuyết điểm theo dạng khuôn mặt;
- + Nhận dạng được những khuyết điểm trên khuôn mặt;
- + Phân tích được loại da, dạng khuôn mặt trước khi trang điểm.

- Về kỹ năng:

- + Lựa chọn được các màu mắt phù hợp với làn da, áo quần, hoàn cảnh buổi tiệc;
- + Thao tác kỹ năng vẽ chân mày thành thạo;
- + Thực hiện thành thạo kỹ năng trang điểm nền, mắt, môi;
- + Thực hiện thành thạo các thao tác kỹ năng chăm sóc da trước và sau khi trang điểm;
- + Thực hiện thành thạo trang điểm dạng khuôn mặt, chỉnh sửa khuyết điểm, trang điểm các dạng mắt, trang điểm cơ bản, trang điểm lễ cưới;
- + Thực hiện công tác an toàn và vệ sinh trong quá trình chăm sóc khách hàng.

2. Phương pháp:

- + Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm
- + Phương pháp kiểm tra tự luận

+ Phương pháp thực hành kiểm tra tại chỗ

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

- Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ trung cấp Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

+ Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.

- Đối với người học:

+ Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

- Nhận dạng trang thiết bị; dụng cụ; đồ nghề dùng trong trang điểm

- Thành thạo công dụng; cách dùng trang thiết bị; dụng cụ, mỹ phẩm nghề trang điểm

- Thực hiện phân tích da, xác định loại da thành thạo trước khi trang điểm

- Chăm sóc da trước và sau khi trang điểm

4. Tài liệu tham khảo:

– Giáo trình trang điểm SHISEIDO xuất bản năm 2008;

– Giáo trình trang điểm Lovite xuất bản năm 2011;

– Giáo trình trang điểm DEBON xuất bản năm 2010;

– Giáo trình trang điểm L'OPE'RA de pari make up proffessionl xuất bản năm 2010;

5. Ghi chú và giải thích (nếu có):

- Mô đun có tính chất tích hợp giữa lý thuyết và thực hành, kế thừa từ bài dễ sang bài khó do đó bài giảng cần loại bỏ những kiến thức trùng lặp, phát triển nâng cao kiến thức.

CHƯƠNG TRÌNH MÔN HỌC

Tên mô đun: Kỹ thuật tạo mẫu tóc thời trang

Mã số mô đun: MH 16

Thời gian mô đun: 150 giờ (Lý thuyết: 20 giờ; Thực hành: 120 giờ, Thi kiểm tra 10 giờ)

I. VỊ TRÍ, TÍNH CHẤT CỦA MÔ ĐUN:

- Vị trí mô đun:

+ Mô đun Kỹ thuật uốn tóc thời trang là mô đun chuyên môn nghề trong chương trình đào tạo trình độ sơ cấp nghề Thiết kế tạo mẫu tóc;

+ Mô đun Kỹ thuật uốn tóc thời trang các kiểu được bố trí học sau mô đun gội đầu và chia tóc.

- Tính chất mô đun:

+ Mô đun Kỹ thuật uốn tóc thời trang là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. MỤC TIÊU MÔ ĐUN:

- Thực hiện thành thạo quy trình uốn đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Xác định thành phần hóa học và độ pH của sản phẩm thành thạo;
- Sấy tạo kiểu thành thạo phù hợp với từng kiểu tóc;
- Thực hiện các biện pháp an toàn và vệ sinh khi thực tập.

III. NỘI DUNG MÔ ĐUN:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên các bài trong mô đun	Thời gian			
		Tổng g số	Lý thuyết	Thực hành	Kiểm tra*
1.	Bài mở đầu	1	1		
2.	Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ nguyên vật liệu uốn tóc	6	1	5	
3.	Phân loại da đầu và mái tóc	6	1	5	
4.	Cắt gội trước khi uốn	27	2	20	5
5.	Phương pháp cuốn ống xương và ống gai	17	2	15	
6.	Kiểu uốn bung tự nhiên	22	2	20	
7.	Kiểu uốn nửa đầu vênh ra	11	1	10	
8.	Kiểu uốn nửa đầu úp vào	11	1	10	
9.	Kiểu uốn ống dừa	11	1	10	
10.	Kiểu uốn mái tôn	11	1	10	
11.	Kỹ thuật uốn nóng (kỹ thuật số)	27	2	20	5
	Tổng cộng	150	15	125	10

*Ghi chú: Thời gian kiểm tra được tích hợp giữa lý thuyết với thực hành được tính vào giờ thực hành

2. Nội dung chi tiết:

Bài mở đầu

1. Đặc điểm, mục đích khi uốn tạo kiểu các loại tóc
2. Một số kiểu uốn khách hàng ưa chuộng

Bài 1: Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ nguyên vật liệu uốn tóc

Mục tiêu:

- Nắm được công dụng trang thiết bị dụng cụ ,nguyên vật liệu khi thực hiện uốn tóc;
- Sử dụng được trang thiết bị dụng cụ,nguyên vật liệu thành thạo;
- Tỉ mỉ,cẩn thận thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng;

Nội dung:

1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ nguyên vật liệu nghề của modul uốn tóc
- 2.Công dụng và cách dùng khi sử dụng trang thiết bị dụng cụ
- 3.Cách dùng khi sử dụng trang thiết bị dụng cụ

Bài 2: Phân loại da đầu và mái tóc

Mục tiêu:

- Phân loại,xác định tình trạng da đầu và mái tóc;
- Xác định được tính thấm thấu,sự kết cấu,đàn hồi,tỷ trọng,chiều dài của tóc.
- Tỉ mỉ,cẩn thận thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng.

Nội dung:

- 1.Xác định tình trạng của da đầu
- 2.Tính thấm thấu của tóc
- 3.Sự kết cấu của tóc
- 4.Tính đàn hồi của tóc
- 5.Tỷ trọng của mái tóc
- 6.Chiều dài của mái tóc

Bài 3: Cắt gọt trước khi uốn

Mục tiêu:

- Xác định tình trạng của tóc và chọn đầu gọt phù hợp;
- Thực hiện cắt thành thạo đối với từng loại sợi tóc:tóc thưa,tóc mềm nhão,tóc hư cháy;
- Tỉ mỉ,cẩn thận thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng.

Nội dung:

1. Xác định tình trạng của tóc
- 2.Chọn đầu gọt có độ ph phù hợp với tóc
3. Xác định cắt chiều dài của tóc
- 4.Thực hiện cắt đối với sợi tóc to, tóc trung bình
- 5.Thực hiện cắt đối với sợi tóc nhỏ, tóc thưa,tóc mềm nhão, tóc hư cháy

Bài 4: Phương pháp cuốn ống xương và ống gai

Mục tiêu:

- Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ và công dụng trong quá trình cuốn ống xương và ống gai;
- Thực hiện cuốn ống xương và ống gai đúng quy trình kỹ thuật
- Rèn luyện kỹ năng cuốn ống xương và ống gai, đảm bảo an toàn và vệ sinh ;
- Tỉ mỉ, cẩn thận thao tác nhanh khi thực hiện các kỹ năng;

Nội dung:

1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ
2. Giới thiệu dụng cụ và công dụng
 - 2.1. Công dụng của ống xương
 - 2.2. Công dụng của ống xương
3. Chia tóc
4. Phương pháp cuốn
 - 4.1. Phương pháp cuốn ống xương
 - 4.2. Phương pháp cuốn ống gai
5. Kiểm tra đánh giá chất lượng phương pháp cuốn

Bài 5: Uốn bung tự nhiên(bung xù)

Mục tiêu:

- Chuẩn bị được trang thiết bị dụng cụ phù hợp trong quá trình uốn tóc;
- Nhận biết đặc điểm kiểu uốn;
- Thao tác thực hiện quy trình uốn kiểu bung tự nhiên đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Sấy tạo kiểu đúng kỹ thuật theo mục đích kiểu uốn;
- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi thực hiện thao tác, đảm bảo an toàn và vệ sinh .

Nội dung:

1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ
2. Đặc điểm kiểu uốn
3. Xác định thuốc có nồng độ ph phù hợp với tóc
4. Chia tóc thành 9 phần
5. Uốn, vào thuốc số 1 phần giữa trước
6. Thực hiện phần còn lại
7. Canh thời gian thuốc thẩm thấu vào tóc(tùy vào từng loại tóc từ 15-35 phút)
8. Xả sạch từng cây xương
9. Vào thuốc dập số 2
10. Canh thời gian 15_20 phút
11. Tháo cây xương xả sạch bằng dầu xả
12. Sấy khô 70%
13. Uốn ống gai tạo kiểu tương tự như uốn ống xương tạo nếp
14. Kiểm tra chất lượng kiểu uốn & tạo kiểu

Bài 6: Uốn nửa đầu vĩnh ra

Mục tiêu:

- Chuẩn bị được trang thiết bị dụng cụ phù hợp trong quá trình uốn tóc;
- Nhận biết đặc điểm kiểu uốn;
- Thao tác thực hiện quy trình uốn kiểu nửa đầu vĩnh ra đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Sấy tạo kiểu đúng kỹ thuật theo mục đích kiểu uốn;
- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi thực hiện thao tác, đảm bảo an toàn và vệ sinh .

Nội dung:

1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ
2. Đặc điểm kiểu uốn
3. Xác định thuốc có nồng độ ph phù hợp với tóc
4. Chia tóc thành 4 phần
5. Uốn, vào thuốc số 1 phần giữa trước
6. Thực hiện phần còn lại
7. Canh thời gian thuốc thẩm thấu vào tóc (tùy vào từng loại tóc từ 15-35 phút)
8. Xả sạch từng cây xương
9. Vào thuốc dập số 2
10. Canh thời gian 15_20 phút
11. Tháo cây xương xả sạch bằng dầu xả
12. Sấy khô 70%
13. Uốn ống gai tạo kiểu tương tự như uốn ống xương tạo nếp
14. Kiểm tra chất lượng kiểu uốn & tạo kiểu

Bài 7: Uốn nửa đầu úp vào

Mục tiêu:

- Chuẩn bị được trang thiết bị dụng cụ phù hợp trong quá trình uốn tóc;
- Nhận biết đặc điểm kiểu uốn;
- Thao tác thực hiện quy trình uốn kiểu nửa đầu úp vào đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Sấy tạo kiểu đúng kỹ thuật theo mục đích kiểu uốn;
- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi thực hiện thao tác, đảm bảo an toàn và vệ sinh .

Nội dung:

1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ
2. Đặc điểm kiểu uốn
3. Xác định thuốc có nồng độ ph phù hợp với tóc
4. Chia tóc thành 4 phần
5. Uốn, vào thuốc số 1 phần giữa trước
6. Thực hiện phần còn lại
7. Canh thời gian thuốc thẩm thấu vào tóc (tùy vào từng loại tóc từ 15-35 phút)
8. Xả sạch từng cây xương
9. Vào thuốc dập số 2
10. Canh thời gian 15_20 phút

11. Tháo cây xương xẩu sạch bằng dầu xẩu
12. Sấy khô 70%
13. Uốn ống gai tạo kiểu tương tự như uốn ống xương tạo nếp
14. Kiểm tra chất lượng kiểu uốn & tạo kiểu

Bài 8: Uốn ống dừa

Mục tiêu:

- Chuẩn bị được trang thiết bị dụng cụ phù hợp trong quá trình uốn tóc;
- Nhận biết đặc điểm kiểu uốn;
- Thao tác thực hiện quy trình uốn kiểu ống dừa vào đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Tạo kiểu đúng kỹ thuật theo mục đích kiểu uốn;
- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi thực hiện thao tác, đảm bảo an toàn và vệ sinh .

Nội dung:

1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ
2. Đặc điểm kiểu uốn
3. Xác định thuốc có nồng độ ph phù hợp với tóc
4. Chia tóc thành 4 phần
5. Uốn, vào thuốc số 1 phần giữa trước
6. Thực hiện phần còn lại
7. Canh thời gian thuốc thẩm thấu vào tóc (tùy vào từng loại tóc từ 15-35 phút)
8. Xả sạch từng cây xương
9. Vào thuốc đập số 2
10. Canh thời gian 15_20 phút
11. Tháo cây xương xẩu sạch bằng dầu xẩu
12. Sấy khô 70%
13. Kiểm tra chất lượng kiểu uốn & tạo kiểu

Bài 9: Uốn mái tôn

Mục tiêu:

- Chuẩn bị được trang thiết bị dụng cụ phù hợp trong quá trình uốn tóc;
- Nhận biết đặc điểm kiểu uốn;
- Thao tác thực hiện quy trình uốn kiểu mái tôn đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Tạo kiểu đúng kỹ thuật theo mục đích kiểu uốn;
- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi thực hiện thao tác, đảm bảo an toàn và vệ sinh .

Nội dung:

1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ
2. Đặc điểm kiểu uốn
3. Xác định thuốc có nồng độ ph phù hợp với tóc
4. Chia tóc thành 4 phần
5. Uốn, vào thuốc số 1 phần giữa trước

6. Thực hiện phần còn lại
7. Canh thời gian thuốc thẩm thấu vào tóc (tùy vào từng loại tóc từ 15-35 phút)
8. Xả sạch từng cây xương
9. Vào thuốc dập số 2
10. Canh thời gian 15_20 phút
11. Tháo cây xương xả sạch bằng dầu xả
12. Sấy khô 70%
13. Kiểm tra chất lượng kiểu uốn & tạo kiểu

Bài 10: Uốn nóng (kỹ thuật số)

Mục tiêu:

- Chuẩn bị được trang thiết bị dụng cụ phù hợp trong quá trình uốn tóc;
- Nhận biết đặc điểm kiểu uốn;
- Thao tác thực hiện quy trình uốn kiểu uốn nóng đúng yêu cầu kỹ thuật;
- Tạo kiểu đúng kỹ thuật theo mục đích kiểu uốn;
- Rèn luyện tính cẩn thận, chính xác khi thực hiện thao tác, đảm bảo an toàn và vệ sinh.

Nội dung:

1. Chuẩn bị trang thiết bị dụng cụ
2. Đặc điểm kiểu uốn
3. Xác định thuốc có nồng độ phù hợp với tóc
4. Chia tóc thành 4 phần
5. Vô thuốc uốn bình số 1
6. Canh thời gian thuốc thẩm thấu vào tóc (tùy vào từng loại tóc từ 15-35 phút)
7. Xịt nước, xả sạch tóc & sấy khô tóc 50%
8. Uốn tóc vào cây xương rồi cho vào máy uốn nóng
9. Canh thời gian tóc trên máy
10. Tắt máy, để nguội cây xương rồi tháo cây xương ra
11. Quấn tóc vào tay rồi kẹp lại bằng kẹp tắm
12. Vô thuốc dập bình số 2
13. Canh thời gian 15 phút
14. Tháo kẹp tắm, xả sạch thuốc bằng dầu xả
15. Kiểm tra chất lượng kiểu uốn & tạo kiểu

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

- Dụng cụ và trang thiết bị:
 - + Bảng, phấn, projector;
 - + Đầu giả, máy sấy tay;
 - + Ống xương;
 - + Ống gai;
 - + Kẹp vịt;

- + Kẹp tăm;
- + Giấy uốn;
- + Dây thun;
- + Bình xịt;
- + Lược nhọn, lược sậy;
- Nguyên vật liệu
 - + Thuốc uốn các loại;
 - + Thuốc xịt dưỡng;
- Học liệu:
 - + Giáo trình môn học;
 - + Ảnh, mô hình, đĩa hình giới thiệu thiết bị, qui trình thực hiện kiểu uốn;
- Các nguồn lực khác:
 - + Phòng học chuyên môn hoá;
 - + Trung tâm beauty salon tóc.

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ:

Đánh giá kiểm tra vấn đáp kết hợp giữa lý thuyết và thực hành trong quá trình thực hiện các bài trong mô đun. Yêu cầu đạt các mục tiêu của từng bài trong mô đun

- Kiến thức: Được đánh giá bằng bài kiểm tra vấn đáp, tự luận:
 - + Phương pháp cuốn ống xương và ống gai;
 - + Phương pháp pha, vào thuốc;
 - + Quy trình thực hiện kiểu uốn;
 - + Biện pháp an toàn, vệ sinh lao động.
- Kỹ năng: Được đánh giá bằng quan sát, có bảng thang điểm đạt mức độ thực hiện công việc sau:
 - + Thao tác thực hiện quy trình uốn tóc;
 - + Sấy tạo kiểu các loại tóc;
- Thái độ:
 - + Có ý thức tự giác, tính kỷ luật tinh thần trách nhiệm trong công việc;
 - + Cẩn thận, tỉ mỉ, chính xác;
 - + Hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau.

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

_ Chương trình mô đun được sử dụng để giảng dạy cho trình độ Sơ cấp nghề Thiết kế tạo mẫu tóc

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy mô đun:

- Giáo viên trước khi dạy cần căn cứ vào nội dung tổng quát của mô đun và nội dung của từng bài học, chuẩn bị đầy đủ các điều kiện thực hiện bài học để đảm bảo chất lượng giảng dạy.
- Trong quá trình giảng dạy giáo viên sử dụng phim, máy chiếu, bản vẽ để giới thiệu về quy trình thực hiện uốn, một số kiểu tóc ưa chuộng.
- Nên phân nhóm học viên trong quá trình học tập để trao đổi và nâng cao kỹ năng nghề.

3. Những trọng tâm chương trình cần chú ý:

- Phương pháp cuốn ống xương và ống gai
- Quy trình thực hiện các kiểu uốn
- Sấy tạo kiểu
- Phương pháp pha, vào thuốc.

4. Tài liệu cần tham khảo:

- Những điều cần biết trong ngành thẩm mỹ (Giáo khoa thẩm mỹ-xuất bản Hoa kỳ) năm 2008;
- Viện Trị liệu tóc và da đầu Á Âu 23D-Thủ Khoa Huân Q1-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Giáo trình cắt uốn tóc Trung tâm dạy nghề Sài Gòn xuất bản năm 2008;
- Giáo trình cắt uốn tóc Công ty CP sáng tạo mới và đẹp xuất bản năm 2010
- Giáo trình thẩm mỹ toàn khoa xuất bản Hoa kỳ xuất bản năm 2008;
- Giáo trình chăm sóc tóc chuyên sâu _ Trung tâm đào tạo nghề thẩm mỹ Ý Mỹ năm 2010;
- Tham khảo Internet

5. Ghi chú và giải thích:

- Mô đun có tính chất tích hợp giữa lý thuyết và thực hành, kế thừa từ bài dễ sang bài khó do đó bài giảng cần loại bỏ những kiến thức trùng lặp phát triển nâng cao kiến thức.

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Massage bấm huyệt trị liệu

Mã mô đun: MH 17

Thời gian thực hiện môn học: 150 giờ; (Lý thuyết: 15 giờ; Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập: 125 giờ ; Kiểm tra: 10 giờ)

I. Vị trí, tính chất của môn học:

- Vị trí:
 - Đây là mô đun tự chọn trong chương trình học Nghề chăm sóc sắc đẹp. Môn học sẽ được đào tạo sau những môn cơ bản của nghề.
- Tính chất: Mô đun học này được thực hiện trong chương trình đào tạo trung Chăm sóc sắc đẹp

II. Mục tiêu môn học

Về kiến thức:

- Hiểu kinh mạch và lạc mạch.
- Hiểu được cấu tạo của kinh mạch và lạc mạch.
- Hiểu được Dương kinh (lục phủ).
- Hiểu được âm kinh (ngũ tạng).
- Hiểu được đốc mạch và nhâm mạch.
- Hiểu được phương pháp ấn huyệt.
- Hiểu được sự thay đổi của hoocmon nữ và hoocmon nam, tác động đến sắc đẹp.
- Hiểu được hệ bạch huyết .
- Nắm bắt được phương pháp massage kinh mạch nhằm làm đẹp da.

Về kỹ năng:

- Ứng dụng thực hành massage bấm huyệt
- Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:
 - + Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, giải quyết công việc, vấn đề phức tạp trong điều kiện làm việc thay đổi.
 - + Hướng dẫn tối thiểu, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.

III. Nội dung môn học:

1. Nội dung tổng quát và phân bổ thời gian:

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Khái quát về kinh mạch và lạc mạch	7	2	5	
2	Âm dương ngũ hành.	6	1	5	
3	Phương pháp ấn huyệt.	22	2	20	
4	Kinh mạch, lạc mạch, huyệt đạo: Âm kinh.	23	3	20	

5	Kinh mạch, lạc mạch, huyết đạo: Đương kinh (lục phủ).	23	3	20	
6	Kỳ kinh bát mạch và ngũ du huyết: Đốc mạch và nhâm mạch.	23	3	20	
7	Thực hành massage kinh mạch các vùng.	41	1	35	5
	Kiểm tra kết thúc	5			5
	Tổng cộng	150	15	125	10

* Ghi chú: Thời gian kiểm tra lý thuyết được tính vào giờ lý thuyết, kiểm tra thực hành được tính vào giờ thực hành.

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: Khái quát về kinh mạch và lạc mạch.

Mục tiêu:

- Hiểu được kinh mạch và lạc mạch.
- Nắm được cấu tạo của hệ kinh mạch.
- Nắm được cấu tạo của hệ lạc mạch.
- Hiểu được tác dụng của hệ thống kinh mạch.

Nội dung:

1. Khái quát về hệ thống kinh mạch.
 - 1.1. Khái niệm kinh mạch.
 - 1.2. Khái niệm lạc mạch.
2. Cấu tạo của hệ kinh mạch và lạc mạch.
 - 2.1. Tay.
 - 2.2. Chân.
 - 2.3. Tâm kinh mạch phụ.
 - 2.4. Kinh biệt, kinh cân, biệt lạc, phủ lạc.
3. Tác dụng của hệ thống kinh lạc.
 - 3.1 Về sinh lý.
 - 3.2. Về mặt bệnh lý.
 - 3.3. Về chuẩn đoán.
 - 3.4. Về chữa bệnh.
4. Thực hành về đường đi của kinh mạch và lạc mạch.

Bài 2: Âm dương ngũ hành.

Mục tiêu:

- Hiểu được khái niệm về học thuyết âm dương.
- Hiểu được các quy luật của học thuyết âm dương.
- Hiểu cách ứng dụng của học thuyết âm dương trong y học.
- Hiểu khái niệm về học thuyết ngũ hành.

- Nắm được các quy luật hoạt động ngũ hành.
- Hiểu được cách ứng dụng của học thuyết trong y học.

Nội dung:

1. Học thuyết âm dương.
 - 1.1. Khái niệm.
 - 1.2. Các quy luật cơ bản trong học thuyết âm dương.
 - 1.3. Ứng dụng trong y học.
2. Học thuyết ngũ hành.
 - 2.1. Khái niệm.
 - 2.2. Cấu tạo hoạt động của ngũ hành.
 - 2.3. Ứng dụng trong y học.
 - 2.4. Khí huyết.
 - 2.5. Trật tự nối tiếp của 12 kinh mạch.
 - 2.6. Đường tuần hoàn của 12 kinh mạch
 - 2.7. Thực hành massage kinh mạch và lạc mạch ở trên mặt : Huyệt chủ đạo là điểm G của khuôn mặt.

Bài 3: Phương pháp ấn huyệt.

Mục tiêu:

- Nắm bắt được khái niệm về huyệt.
- Hiểu được cách phân loại huyệt.
- Hiểu tác dụng của huyệt.
- Nắm bắt được cách lấy huyệt.
- Nắm bắt được huyệt cấm châm, cấm cứu.
- Hiểu vai trò tác dụng của từng huyệt

Nội dung:

1. Khái niệm về huyệt.
2. Phân loại huyệt
 - 2.1. Huyệt của kinh.
 - 2.2. Huyệt ngoài kinh.
 - 2.3. Huyệt ở chỗ đau.
3. Tác dụng của huyệt
 - 3.1. Bồi du huyệt.
 - 3.2. Mộ huyệt.
 - 3.3. Nguyên huyệt.
 - 3.4. Lạc huyệt.
 - 3.5. Khích huyệt.
 - 3.6. Ngũ du huyệt.
 - 3.7. Bát hội huyệt.
 - 3.8. Giao hội huyệt.
4. Cách lấy huyệt

- 4.1. Phép đo cốt lạc.
- 4.2. Phép đo đồng thân thốn.
- 4.3. Dựa vào các điểm mốc giải phẫu.
- 4.4. Cảm giác khi ấn tay lên huyết
5. Huyết cầm châm, cầm cứu.
- 5.1. Huyết cầm châm.
- 5.2. Cầm cứu.
- 5.3. Đối với trẻ em.
- 5.4. Đối với phụ nữ có thai.
6. Vai trò của bấm huyết đối với làm đẹp da.

Bài 4: Kinh mạch, lạc mạch, huyết đạo: Âm kinh.

Mục tiêu:

- Hiểu được vai trò của các huyết âm kinh (ngũ tạng).
- Nắm bắt cách xác định vị trí các huyết của phần âm kinh.
- Hiểu được công dụng của các huyết phần âm kinh.
- Nắm bắt cách ấn huyết.

Nội dung:

1. Thủ thái âm phế kinh
2. Kinh túc thái âm tỳ kinh
3. Kinh thủ thiếu âm tâm.
4. Kinh túc thiếu âm thận
5. Kinh thủ quyết âm tâm bào
6. Kinh túc thiếu âm can
7. Túc thiếu âm thận kinh
8. Túc quyết âm vị kinh
9. Thực hành massage kinh mạch và lạc mạch trên mặt.

Bài 5: Kinh mạch, lạc mạch, huyết đạo: Dương kinh

Mục tiêu:

- Nắm bắt được đường kinh của lục phủ.
- Nắm bắt được vai trò và vị trí của các huyết dương kinh.

Nội dung:

1. Thủ dương minh đại trường kinh
2. Kinh túc thái dương minh vị
3. Thủ thái dương tiểu trường
4. Kinh túc thái dương bàng quang
5. Kinh thủ thiếu dương tam tiêu

Bài 6: Kỳ kinh bát mạch và ngũ du huyết: Đốc mạch và nhâm mạch

Mục tiêu:

- Nắm bắt được đường đi của đốc mạch và nhâm mạch.

- Nắm bắt được vai trò của các huyết trong đốc mạch.
- Nắm bắt được cách xác định vị trí và vai trò của các huyết ở nhâm mạch.
- 1.Đốc mạch
- 2.Nhâm mạch
- 3.Thực hành xác định đường đi của kinh mạch và lạc mạch thuộc phế du huyết, đốc mạch, 12 kinh mạch và lạc mạch.

Bài 7: Thực hành massage kinh mạch, lạc mạch các vùng.

Mục tiêu:

- Hiểu được vai trò của massage đối với sức khỏe con người.
- Hiểu được vai trò tác dụng của massage ấn huyết trong chữa bệnh.
- Nắm bắt được các nguyên tắc mát xa.
- Nắm bắt được các thao tác mát xa.
- Nắm bắt các thao tác mát xa từng bộ phận trong cơ thể.
- Nắm bắt được toàn bộ quy trình mát xa.

Nội dung:

1. Khái quát về mát xa ấn huyết.
 - 1.1.Tác dụng của mát xa ấn huyết
 - 1.1.1.Tác dụng cho chữa bệnh.
 - 1.1.2.Tác dụng cho cải thiện về sức khỏe.
 - 1.2.Nguyên tắc mát xa kinh lạc.
- 2.Mát xa mặt
 - 2.1.Vùng cằm.
 - 2.2.Thao tác vùng má.
 - 2.3.Thao tác vùng mắt.
 - 2.4.Thao tác vùng trán.
 - 2.5.Thao tác ấn huyết trên mặt.
 - 2.6.Thao tác vùng vai cổ, gáy.
 - 2.7.Thao tác điều hòa.
 - 2.8.Thao tác ấn và lau bằng khăn ẩm.
- 3.Mát xa lưng
 - 3.1.Tác dụng của mát xa lưng.
 - 3.2.Các thao tác mát xa lưng.
- 4.Mát xa bụng và phần ngực
 - 4.1.Tác dụng của mát xa bụng và ngực
 - 4.2.Các chú ý khi mát xa phần bụng và ngực.
 - 4.3.Thao tác
- 5.Thao tác mát xa phần tay.
 - 5.1.Tác dụng của mát xa phần tay.
 - 5.2.Các thao tác
- 6.Thao tác mát xa chân

6.1.Tác dụng của mát xa chân.

6.2.Các thao tác.

7.Mát xa đầu

7.1.Tác dụng của mát xa đầu.

7.2.Các thao tác mát xa.

IV. Điều kiện thực hiện môn học:

1. Phòng học chuyên môn hóa/nhà xưởng:

+ Học tại phòng học lý thuyết/phòng học thực hành/phòng tích hợp

2.Trang thiết bị:

+ máy tính

+ máy chiếu

3. Học liệu, dụng cụ, nguyên vật liệu:

* Học liệu:

- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;

- Các bài tập thực hành;

- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

- Giáo trình lý thuyết, giáo án, bài giảng, đề cương môn học;

- Các bài tập thực hành;

- Bộ ngân hàng các câu hỏi trắc nghiệm và lý thuyết.

* Nguyên vật liệu:

+ Bộ dụng cụ xoa bóp bấm huyệt.

4. Các điều kiện khác: không

V. Nội dung và phương pháp, đánh giá:

1. Nội dung:

- Kiến thức:

+ Vai trò của kinh lạc, mạch lạc.

+ Kinh lạc và lạc mạch trong cơ thể.

+ Ngũ hành tương sinh, ngũ hành tương khắc.

+ Đường kinh, vị trí các huyệt đạo

+ Vai trò tác dụng của các huyệt đạo.

+ Xác định đường đi của kinh mạch.

- Kỹ năng:

+ Thực hành các thao tác mát xa, ấn huyệt trên người.

+ Mát xa kinh lạc và đẹp da.

- Năng lực tự chủ và trách nhiệm:

+ Năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm dưới sự hướng dẫn của giáo viên.

+ Giải quyết vấn đề về an toàn lao động trong những điều kiện thay đổi.

2. Phương pháp:

+ Phương pháp kiểm tra trắc nghiệm

+ Phương pháp kiểm tra tự luận

+ Phương pháp thực hành kiểm tra tại chỗ

VI. Hướng dẫn thực hiện môn học:

1. Phạm vi áp dụng môn học:

+ Chương trình môn học được sử dụng để giảng dạy cho sinh viên trình độ trung cấp Chăm sóc sắc đẹp và làm tài liệu tham khảo cho các trung tâm làm đẹp

2. Hướng dẫn về phương pháp giảng dạy, học tập môn học:

- Đối với giáo viên, giảng viên:

+ Giáo viên cần căn cứ vào nội dung của từng bài học để chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy.

+ Nên áp dụng phương pháp đàm thoại để học viên ghi nhớ kỹ hơn.

- Đối với người học:

+ Học sinh chuẩn bị, nghiên cứu nội dung tự học trước ở nhà.

3. Những trọng tâm cần chú ý:

+ Vai trò của dinh dưỡng đối với sức khỏe.

+ Các loại dinh dưỡng: chất đạm, chất béo, vitamin,

+ Nguồn cung cấp các loại dinh dưỡng trong thực phẩm.

+ Chăm sóc da, tóc và da đầu.

+ Vai trò của kinh lạc, mạch lạc.

+ Kinh lạc và mạch lạc trong cơ thể.

4. Tài liệu tham khảo:

- Giáo trình Y học cổ truyền – Trường trung cấp Kỹ thuật Y – Dược Hà Nội (lưu hành nội bộ)

5. Ghi chú và giải thích (nếu có): Không

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

Tên mô đun: Điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu

Mã mô đun: MH 18

Thời gian thực hiện môn học: 150 giờ; (Lý thuyết:15 giờ; Thực hành: 125 giờ; Kiểm tra 10 giờ)

I. Vị trí, tính chất của mô đun:

- Vị trí: Mô đun được thực hiện sau khi sinh viên học xong các môn học, là mô đun tự chọn

- Tính chất: Là mô đun tích hợp giữa lý thuyết và thực hành.

II. Mục tiêu môn học:

*** Về kiến thức:**

- Trình bày được khái niệm khử khuẩn, tiệt khuẩn, các phương pháp khử khuẩn-tiệt khuẩn.

- Trình bày được định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện.

- Trình bày được tầm quan trọng xử lý rác thải y tế.

- Trình bày được tầm quan trọng phòng ngừa chuẩn, các nội dung phòng ngừa chuẩn.

- Trình bày được nguyên tắc đo dấu hiệu sinh, yếu tố ảnh hưởng đến kết quả đo dấu hiệu sinh tồn, phạm vi bình thường dấu hiệu sinh tồn.

- Trình bày được khái niệm thở oxy, dấu hiệu nhận biết thiếu oxy, nguyên tắc thở oxy và chăm sóc người bệnh thở oxy.

- Trình bày được nguyên tắc cho người bệnh dùng thuốc, tai biến và cách đề phòng/xử trí tai biến khi cho người bệnh dùng thuốc.

- Trình bày được mục đích băng bó, nguyên tắc băng bó và áp dụng từng kiểu băng bó.

- Trình bày được mục đích thay băng rửa vết thương, nguyên tắc thay băng rửa vết thương và cách đánh giá vết thương.

- Trình bày được dấu hiệu nhận biết ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn, nguyên tắc cấp cứu ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn và dấu hiệu nhận biết cấp cứu ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn hiệu quả.

- Trình bày được nguyên tắc đặt garo, cách tiến hành garo chính quy và tùy ứng.

- Trình bày được dấu hiệu nhận biết gãy xương, nguyên tắc cố định gãy xương và cách tiến hành cố định gãy xương.

- Trình bày được các nguyên nhân gây bỏng, phân loại bỏng và cách xử trí.

*** Về kỹ năng:**

- Chuẩn bị được đầy đủ dụng cụ, bệnh nhân, địa điểm và điều dưỡng trước khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu.

- Thực hiện được kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu tại phòng thực hành theo đúng qui trình.

- Theo dõi/đánh giá được kết quả thực hiện kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu trong tình huống mô phỏng tại phòng thực hành.

* Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Năng lực tự chủ: Lựa chọn được đúng kiến thức, kỹ năng khi thực hiện kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu.

- Trách nhiệm: Thực hiện các kỹ thuật điều dưỡng cơ bản và cấp cứu ban đầu đảm bảo an toàn.

III. Nội dung môn học.

1. Nội dung phân bố thời gian

Số TT	Tên chương, mục	Thời gian (giờ)			
		Tổng số	Lý thuyết	Thực hành, thí nghiệm, thảo luận, bài tập	Kiểm tra
1	Bài 1: Khử khuẩn –Tiệt khuẩn	11	01	10	
2	Bài 2: Nhiễm khuẩn bệnh viện	01	01	0	
3	Bài 3: Quản lý chất thải y tế	06	01	5	
4	Bài 4: Phòng ngừa chuẩn	06	01	5	
5	Bài 5: Kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn	11	01	10	
6	Bài 6 : Kỹ thuật thở oxy	06	01	5	
7	Bài 7: Kỹ thuật cho người bệnh dùng thuốc theo đường uống, bôi, nhỏ, tiêm, truyền.	38	3	30	5
	Bài 8: Kỹ thuật băng bó	11	01	10	
9	Bài 9: Kỹ thuật thay băng rửa vết thương	11	01	10	
10	Bài 10: Cấp cứu ngừng hô hấp - ngừng tuần hoàn	11	01	10	
11	Bài 11: Sơ cứu vết thương mạch máu	11	01	10	
12	Bài 12: Sơ cứu gãy xương	11	01	10	
13	Bài 13: Sơ cứu bỏng	16	01	10	5
Tổng		150	15	125	10

2. Nội dung chi tiết:

Bài 1: KHỬ KHUẨN – TIỆT KHUẨN

1. Mục tiêu

- Trình bày được khái niệm khử khuẩn, tiệt khuẩn và nguyên tắc khử khuẩn/tiệt khuẩn.
- Phân loại được dụng cụ tiến hành khử khuẩn/tiệt khuẩn.
- Nêu được phương pháp tiến hành khử khuẩn/tiệt khuẩn dụng cụ.

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.1.1. Khử khuẩn

2.1.2. Tiệt khuẩn

2.2. Nguyên tắc

- 2.3. Phân loại dụng cụ
- 2.3.1. Dụng cụ tiết khuẩn
- 2.3.2. Dụng cụ khử khuẩn
- 2.4. Phương pháp

Bài 2: NHIỄM KHUẨN BỆNH VIỆN

- 1. Mục tiêu
 - Trình bày được định nghĩa nhiễm khuẩn bệnh viện, chu trình nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - Kể tên vi sinh vật gây nhiễm khuẩn bệnh viện và một số loại nhiễm khuẩn bệnh viện thường gặp.
 - Nêu các yếu tố tăng nguy cơ nhiễm khuẩn bệnh viện và biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện.
- 2. Nội dung
 - 2.1. Định nghĩa
 - 2. 2. Chu trình nhiễm khuẩn bệnh viện
 - 2. 3. Vi sinh vật gây nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - 2. 4. Yếu tố làm tăng nhiễm khuẩn bệnh viện.
 - 2. 5. Biện pháp phòng ngừa nhiễm khuẩn bệnh viện.

Bài 3: QUẢN LÝ CHẤT THẢI Y TẾ

- 1. Mục tiêu
 - Trình bày được khái niệm và cách phân loại chất thải bệnh viện.
 - Kể các loại bao bì đựng, vận chuyển chất thải rắn trong các cơ sở y tế.
 - Trình bày được cách phân loại, thu gom, vận chuyển và lưu trữ chất thải rắn tại các cơ sở y tế.
 - Trình bày được các phương pháp xử lý chất thải y tế.
- 2. Nội dung
 - 2.1. Khái niệm
 - 2.2. Phân loại
 - 2.3. Thu gom
 - 2.4. Vận chuyển
 - 2.5. Lưu trữ
 - 2. 6. Xử lý và tiêu hủy

Bài 4: PHÒNG NGỪA CHUẨN

- 1. Mục tiêu
 - Trình bày được tầm quan trọng phòng ngừa chuẩn và các nội dung phòng ngừa chuẩn.
 - Thực hiện được các nội dung phòng ngừa chuẩn.
- 2. Nội dung
 - 1. Khái niệm
 - 2. Nội dung
 - 2.1. Rửa tay
 - 2.2. Đeo găng

2.3. Mang khẩu trang

2.4. Mặc áo choàng, tạp dề

Bài 5: KỸ THUẬT ĐO DẤU HIỆU SINH TỒN

1. Mục tiêu

- Trình bày được các nguyên tắc đo dấu hiệu sinh tồn.
- Trình bày được yếu tố sinh lý ảnh hưởng đến các chỉ số sinh tồn
- Trình bày được giới hạn bình thường của các chỉ số sinh tồn
- Thực hiện được kỹ thuật đo dấu hiệu sinh tồn

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên tắc

2.3. Các chỉ số

2.3.1. Nhiệt độ

2.3.2. Mạch

2.3.3. Nhịp thở

2.3.4. Huyết áp

2.4. Yếu tố ảnh hưởng

2.4.1. Sinh lý

2.4.2. Bệnh lý

2.4.3. Kỹ thuật

2.5. Chăm sóc

Bài 6: KỸ THUẬT THỞ OXY

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên nhân, dấu hiệu thiếu oxy.
- Nêu được nguyên tắc khi cho người bệnh thở oxy.
- Kể được các phương pháp cho người bệnh thở oxy
- Thực hiện được các phương pháp cho người bệnh thở oxy

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Dấu hiệu thiếu oxy

2.3. Nguyên tắc thở oxy

2.4. Kỹ thuật thở oxy gọn kính

Bài 7: KỸ THUẬT CHO NGƯỜI BỆNH DÙNG THUỐC

1. Mục tiêu

- Trình bày được nguyên tắc chung khi cho người bệnh dùng thuốc.
- Trình bày được các trường hợp áp dụng, không áp dụng và những điểm cần lưu ý khi cho người bệnh dùng thuốc.
- Trình bày được các tai biến khi người bệnh dùng thuốc, dấu hiệu nhận biết, cách đề phòng và xử trí.
- Thực hiện được các kỹ thuật dùng thuốc theo đường uống, bôi thuốc, nhỏ thuốc
- Thực hiện được các kỹ thuật dùng thuốc theo đường tiêm

- 2.Nội dung
- 2.1.Đại cương
- 2.2. Nguyên tắc
- 2.3. Đường dùng thuốc
- 2.3.1.Đường uống
- 2.3.2.Đường bôi/nhỏ
- 2.3.3.Đường tiêm
- 2.3.4.Đường truyền

Bài 8: KỸ THUẬT BĂNG BÓ

- 1. Mục tiêu
- Trình bày được mục đích và nguyên tắc băng bó vết thương.
- Thực hiện được 6 kiểu băng cơ bản chính quy.

- 2.Nội dung
- 2.1.Đại cương
- 2.2.Mục đích
- 2.3.Nguyên tắc
- 2.4.Kỹ thuật

Bài 9: KỸ THUẬT THAY BĂNG RỬA VẾT THƯƠNG

- 1.Mục tiêu
- Nêu được mục đích, nguyên tắc của thay băng, rửa vết thương.
- Trình bày được phân loại vết thương.
- Thực hiện được kỹ thuật thay băng rửa vết thương thông thường.

- 2.Nội dung
- 2.1.Đại cương
- 2.2.Mục đích
- 2.3.Nguyên tắc
- 2.4.Phân loại
- 2.5.Kỹ thuật

Bài 10: CẤP CỨU NGỪNG HÔ HẤP – NGỪNG TUẦN HOÀN

- 1.Mục tiêu
- Kể được các nguyên nhân gây ngừng hô hấp - ngừng tuần hoàn.
- Trình bày được các dấu hiệu của người bệnh ngừng hô hấp - ngừng tuần hoàn.
- Trình bày được nguyên tắc chung khi tiến hành cấp cứu người bệnh ngừng hô hấp - ngừng tuần hoàn.
- Thực hiện được kỹ thuật cấp cứu bệnh nhân ngừng hô hấp, ngừng tuần hoàn.

- 2.Nội dung
- 2.1. Đại cương
- 2.2. Dấu hiệu nhận biết
- 2.3. Nguyên tắc
- 2.4. Kỹ thuật

Bài 11: SƠ CỨU VẾT THƯƠNG MẠCH MÁU

1. Mục tiêu

- Trình bày được phân loại chảy máu và các loại vết thương mạch máu.
- Trình bày được triệu chứng và dấu hiệu của mất máu nhiều.
- Trình bày được chỉ định, chống chỉ định và nguyên tắc đặt garô.
- Thực hiện được kỹ thuật garô để sơ cứu vết thương động mạch.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Phân loại

2.3. Nguyên tắc đặt garô

2.4. Kỹ thuật

Bài 12: SƠ CỨU GÃY XƯƠNG

1. Mục tiêu

- Nêu được nguyên nhân, phân loại gãy xương.
- Kể được dấu hiệu, triệu chứng chung của gãy xương.
- Trình bày được mục đích, nguyên tắc khi sơ cứu gãy xương.
- Sơ cứu được một số xương bị gãy

2. Nội dung

2.1. Khái niệm

2.2. Phân loại

2.3. Mục đích

2.4. Nguyên tắc

2.5. Kỹ thuật

Bài 13: SƠ CỨU BỎNG

1. Mục tiêu

- Trình bày được các nguyên nhân gây bỏng và phân loại bỏng, cách tính diện tích bỏng.
- Trình bày được cách sơ cứu một số loại bỏng đặc biệt.

2. Nội dung

2.1. Đại cương

2.2. Nguyên nhân

2.3. Phân loại

2.4. Xử trí

IV. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN MÔ ĐUN:

- Phòng học lý thuyết; Thực hành
- Máy tính, máy chiếu; mô hình; học phẩm; y dụng cụ.
- Đề cương, giáo án, bài giảng môn học, giáo trình, tài liệu tham khảo;
- Giáo trình, tài liệu phát tay và các tài liệu liên quan khác;
- Đối với giáo viên, giảng viên: Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên – chuyên ngành Điều dưỡng; có đầy đủ các chứng chỉ về ngoại ngữ, tin học, sư phạm theo yêu cầu của Thông tư 08/2017-BLĐTBXH ngày 10 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

V. PHƯƠNG PHÁP VÀ NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ

1. Nội dung đánh giá.

- Kiến thức

+ Trình bày được mục đích, nguyên tắc, các trường hợp áp dụng và không áp dụng các kỹ thuật chăm sóc người bệnh

+ Mô tả được các quy trình kỹ thuật điều dưỡng cơ bản

+ Giải thích động viên người bệnh an tâm và hợp tác trong quá trình chăm sóc.

- Kỹ năng

+ Kỹ năng thực hiện các kỹ thuật chăm sóc người bệnh.

+ Kỹ năng xử trí các tai biến trong quá trình chăm sóc

- Thái độ

+ Có tinh thần học hỏi, nâng cao trình độ, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân

+ Xây dựng được niềm tin và ý thức áp dụng kiến thức học được vận dụng vào thực tiễn công việc.

+ Tận tụy trong việc điều trị, chăm sóc người bệnh, hết lòng phục vụ người bệnh.

2. Phương pháp đánh giá

- Kiểm tra lý thuyết với các nội dung đã học có liên hệ với thực tiễn.

- Đánh giá trong quá trình học: Kiểm tra lý thuyết trên các bài tập thực hành;

- Đánh giá cuối mô đun: Kiểm tra theo hình thức:

+ Phần lý thuyết: Kiểm tra theo hình thức: Thi viết (thi trắc nghiệm+ Thi tự luận).

+ Phần thực hành: Kiểm tra theo hình thức làm Thực hiện kỹ thuật kết hợp vấn đáp

VI. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN MÔ ĐUN

1. Phạm vi áp dụng chương trình:

- Mô đun được áp dụng cho học viên trình độ trung cấp nghề Tạo mẫu và chăm sóc sắc đẹp.

2. Hướng dẫn một số điểm chính về phương pháp giảng dạy mô đun đào tạo:

- Giáo viên: Thuyết trình ngắn tích hóa học viên; Dạy học theo nhóm; Giải quyết tình huống; làm mẫu

- Học viên chuẩn bị bài trước học theo nhóm, làm theo

- Đối với người học: Tham dự học, thảo luận, kiểm tra, thi theo Thông tư số 04/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 03 năm 2022 của Bộ lao động - Thương binh và xã hội và qui chế học vụ hiện hành của nhà trường.

- Dự lớp: trên 70%

- Dụng cụ học tập:

4. Tài liệu cần tham khảo;

Giáo trình Điều dưỡng cơ bản; Điều dưỡng cơ sở 1,2 của trường Trung cấp Kỹ thuật Y Dược Hà Nội.

- Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản tập 1

- Hướng dẫn thực hành 55 kỹ thuật điều dưỡng cơ bản tập 2

CHƯƠNG TRÌNH MÔ ĐUN

- Tên mô đun: Thực tập - Thực hành - Thực tế

- Thời gian mô đun: 225 giờ/05 tuần (Lý thuyết: 0 giờ; Thực hành: 225 giờ).

I. MỤC TIÊU

Sau khi kết thúc đợt thực tập - thực hành và thực tế, học sinh có khả năng làm được nhiệm vụ của một cán bộ chăm sóc sắc đẹp nói chung và trang điểm nói riêng có trình độ sơ học, cụ thể là:

1. Quản lý, sử dụng được các sản phẩm và dụng cụ của nghề chăm sóc sắc đẹp (Chăm sóc da) theo đúng quy chế và chế độ hiện hành.

2. Hướng dẫn được khách hàng và người sử dụng các sản phẩm về trang điểm hợp lý, an toàn.

3. Thực hiện được các kỹ thuật về trang điểm cơ bản.

II. NỘI DUNG

Học sinh đi thực tập thực tế với các nội dung như sau:

1. Tại phòng thực hành của trường

- Biết được danh mục sản phẩm mỹ phẩm thiết yếu có tại phòng thực hành, nhận xét và đề xuất.

- Tìm hiểu được nhu cầu phục vụ chăm sóc sắc đẹp tại cộng đồng nơi thực tập.

- Thực hiện được một số thao tác kỹ thuật trang điểm cơ bản trên mô hình, Manocanh và giả định lẫn nhau.

2. Tại các trung tâm Spa lớn ở Hà Nội:

- Biết được cơ sở vật chất để bảo quản sản phẩm, mỹ phẩm và trang thiết bị như nhà kho, tủ quầy, trang thiết bị bảo quản (số lượng, chủng loại và nhật xét).

- Biết được cách sắp xếp, bảo quản các loại mỹ phẩm và trang thiết bị (chú ý các sản phẩm mỹ phẩm có yêu cầu bảo quản đặc biệt). Cách ghi các loại sổ sách, chứng từ, học tập cách ghi chép, lập sổ, kiểm kê, báo cáo.

- Thực hiện được một số thao tác kỹ thuật trang điểm cơ bản lẫn nhau và trên khách hàng.

** Tại Hiệu, salon, các trung tâm spa cần đặc biệt lưu ý với những nội dung chính như sau:*

- Biết được cách tổ chức và quản lý sản phẩm mỹ phẩm liên quan.

- Nắm được cách tiếp cận thị trường của trung tâm spa trong cơ chế thị trường (tìm hiểu thị trường mua bán, cung cầu...)

- Biết được danh mục, sổ sách, chế độ hạch toán, chất lượng các loại sản phẩm mỹ phẩm liên quan, trang thiết bị có tại hiệu, trung tâm.

- Thực hiện được các hình thức tuyên truyền, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo trong tiếp thị.

- Thực hiện được các quy chế, chế độ chuyên môn, các chủ trương chính sách, giải thích, giáo dục về sử dụng sản phẩm đúng và an toàn.

- Thực hiện các thao tác kỹ thuật phải đảm bảo nhẹ nhàng, an toàn không gây tâm lý lo lắng cho khách hàng, đảm bảo thẩm mỹ cao.

- Chi tiêu thực tập: Mỗi kỹ thuật thực hiện từ 2 - 3 lần lẫn nhau, ít nhất 01 lần/ kỹ thuật/ khách hàng.

3. Đánh giá kết quả đợt thực tập và thực tế.

- Căn cứ vào những nội dung đã được thực tập - thực tế ở các cơ sở. Các nhóm học sinh viết một bản thu hoạch . Bản tổng kết trình bày những vấn đề đã được làm, được quan sát hoặc tìm hiểu qua cán bộ tại các trung tâm spa hoặc cộng đồng, đối chiếu với mục tiêu của đợt thực tập.

- Các cơ sở, nơi có học sinh, sinh viên thực tập, nhận xét, đánh giá và nêu những đề nghị (nếu có) , ký tên và đóng dấu xác nhận vào bản tổng kết của học sinh, sinh viên

- Mỗi học sinh thực tập - thực tế tại cơ sở viết một bản thu hoạch về kết quả thực tập, thông qua cán bộ quản lý thực tập tại cơ sở xác nhận, ký tên, đóng dấu.

III. Phương pháp dạy/ học:

1. Lý thuyết:

- Tổ chức dạy học tại trường, phương pháp dạy học tích cực, phối hợp những phương pháp:
 - + Thuyết trình ngắn
 - + Thảo luận nhóm
 - + Nghiên cứu tài liệu

2. Thực hành:

- Thảo luận, quan sát hình ảnh, Clip tư liệu
- Thực hành trên mẫu Manocanh
- Thực hành lẫn nhau

IV. Đánh giá:

- Điểm chuyên cần: 2 điểm, chiếm trọng số 10%
- Điểm kiểm tra thường xuyên: 1 điểm lý thuyết và 2 điểm thực hành kiểm tra 45 phút, chiếm trọng số 40%
- Điểm Thi/ Kiểm tra hết học phần: (Kiểm tra thực hành 2 bài – thời gian 120 - 150 phút): chiếm trọng số 50%
- Học sinh hoàn thành khoá học được cấp chứng chỉ kỹ năng chuyên nghiệp hoặc chứng nhận hoàn thành lớp đào tạo ngắn hạn Thẩm mỹ trang điểm cơ bản (đạt tổng kết TB trên 5 điểm).

V. Tài liệu :

1. Tài liệu dạy/ học:

Trung tâm đào tạo Thẩm mỹ Sài Gòn

2. Tài liệu tham khảo: Trung tâm đào tạo Thẩm mỹ Amaranth Academy